

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 3 (SƠ CẤP)

TẬP 1 (1/2) • TỪ #001 – #476

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 3 (3.0)

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 1: Gồm 476 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #001 đến #476 trên tổng số 953 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=3> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#001

爱心
ài xīn

tấm lòng nhân ái, tình yêu
thương

只要人人都献出一点爱心，汇聚起来就是足以温暖整个世界、驱散严寒的磅礴力量。

Zhǐ yào rén rén dōu xiàn chū yí diǎn ài xīn, huì jù qǐ lái jiù shì zú yǐ wēn nuǎn zhěng gè shì jiè, qū sǎn yán hán de páng bó lì liàng.

Chỉ cần mỗi người trao đi một chút tấm lòng yêu thương, gom góp lại sẽ tạo nên một nguồn sức mạnh to lớn đủ để sưởi ấm cả thế giới và xua tan đi giá lạnh.

18 nét

HÁN VIỆT ÁI TÂM

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đầy Đủ: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 3 (3.0) • TẬP 1

Tập này: 476 từ vựng

299

Danh từ

100

Động từ

36

Tính từ

5

Đại từ

2

Số & Lượng từ

34

Từ loại khác



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#001

爱心

àì xīn

tấm lòng nhân ái, tình yêu thương

只要人人都献出一点爱心，汇聚起来就是足以温暖整个世界、驱散严寒的磅礴力量。

Zhǐ yào rén rén dōu xiàn chū yí diǎn ài xīn, huì jù qí lái jiù shì zú yǐ wēn nuǎn zhèng gè shì jiè, qū sǎn yán hán de páng bó lì liàng.

Chỉ cần mỗi người trao đi một chút tấm lòng yêu thương, gom góp lại sẽ tạo nên một nguồn sức mạnh to lớn đủ để sưởi ấm cả thế giới và xua tan đi giá lạnh.

18 nét

HÁN VIỆT: ÁI TÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#002

安排

ān pái

sắp xếp, bố trí

经理已经把下个月去上海参加国际经贸展览的具体行程安排妥当了。

Jīng lǐ yǐ jīng bǎ xià gè yuè qù shàng hǎi cān jiā guó jì jīng mào zhǎn lǎn de jù tǐ xíng chéng ān pái tuǒ dang le.

Giám đốc đã sắp xếp chu toàn lịch trình cụ thể cho chuyến đi Thượng Hải dự triển lãm kinh tế thương mại quốc tế vào tháng sau.

23 nét

HÁN VIỆT: AN BÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#003

安装

ān zhuāng

lắp đặt, cài đặt

售后技术工程师正在机房里严格按照规范流程安装最新一代的高性能分布式服务器。

Shòu hòu jì shù gōng chéng shī zhèng zài jī fáng lǐ yán gé àn zhuāng guī fàn liú chéng ān zhuāng zuì xīn yí dài de gāo xìng néng fēn bù shì fú wù qì.

Kỹ sư kỹ thuật dịch vụ hậu mãi đang nghiêm túc lắp đặt thế hệ máy chủ phân tán hiệu năng cao mới nhất trong phòng máy theo đúng quy trình chuẩn.

26 nét

HÁN VIỆT: AN TRANG

HSK 3 (3.0)

Giới từ / Động từ

#004

按

àn

theo, căn cứ theo; ấn, bấm (nút)

科研人员严格按既定操作规程进行高精度化学试剂配比，确保实验安全可控。

Kē yán rén yán gé àn jì dìng cāo zuò guī chéng jīn xíng gāo jīng dù huà xué shì jì pèi bǐ, què bǎo shí yàn ān quán kě kòng.

Cán bộ nghiên cứu khoa học căn cứ theo đúng quy trình thao tác đã định để tiến hành pha trộn thuốc thử hóa học độ chính xác cao, bảo đảm thực nghiệm an toàn có thể kiểm soát.

14 nét

HÁN VIỆT: ÁN

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#005

按照

àn zhào

dựa theo, theo đúng

只要我们严格按照既定的操作规程进行施工，就一定能确保工程质量与安全。

Zhǐ yào wǒ men yán gé àn zhào jì dìng de cāo zuò guī chéng jīn xíng shī gōng, jiù yí dìng néng què bǎo gōng chéng zhì liàng yǔ ān quán.

Chỉ cần chúng ta thi công nghiêm ngặt theo đúng quy trình thao tác đã định, chắc chắn sẽ đảm bảo được chất lượng và an toàn công trình.

24 nét

HÁN VIỆT: ÁN CHIẾU

HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#006

把

bǎ

cầm, nắm; (giới từ đưa tân ngữ lên trước)

请你把桌子上的这些新鲜水果洗干净。

Qǐng nǐ bǎ zhuōzi shàng de zhèxiē xīnxiān shuǐguǒ xǐ gānjìng.

Bạn rửa sạch chỗ hoa quả tươi trên bàn này giúp mình nhé.

13 nét

HÁN VIỆT: BẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#007

把握

bǎ wò

nắm bắt, nắm chắc, sự nắm bắt

面对稍纵即逝的发展机遇，我们必须以敏锐的眼光与果敢的魄力牢牢把握住它。

Miàn duì shǎo zòng jí shì de fā zhǎn jī yù, wǒ men bì xū yǐ mǐn ruì de yǎn guāng yǔ guǒ gǎn de pò lì láo láo bǎ wò zhù tā.

Đứng trước những cơ hội phát triển thoáng qua chớp mắt, chúng ta nhất định phải dùng tâm nhìn nhạy bén và bản lĩnh quyết đoán để nắm bắt thật chắc.

26 nét

HÁN VIỆT: BẢ ÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#008

白菜

báicài

rau cải thảo, cải trắng

北方冬季传统美食猪肉炖粉条中加入新鲜爽口的大白菜，滋味鲜美且营养丰富。

Běi fāng dōng jì chuán tǒng měi shí zhū ròu dùn fēn tiáo zhōng jiā rù xīn xiān shuāng kǒu de dà bái cài, zī wèi xiān měi qiè yīng yǎng fēng fù.

Món thịt lợn hầm miến ẩm thực truyền thống mùa đông phương Bắc khi thêm rau cải thảo cải trắng tươi giòn vào sẽ có hương vị thơm ngon và giàu dinh dưỡng.

20 nét

HÁN VIỆT: BẠCH THÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#009

班级

bānjí

lớp học, tập thể lớp

在全校优秀班级评比中，我们班凭借优异的学习成绩与团结向上的良好风貌荣获第一名。

Zài quán xiào yōu xiù bānjí píng bǐ zhōng, wǒ men bān píng jiè yōu yì de xué xí chéng jì yǔ tuán jié xiàng shàng de liáng hǎo fēng mào róng huò dì yī míng.

Trong đợt bình xét tập thể lớp học ưu tú toàn trường, lớp chúng tôi nhờ vào thành tích học tập xuất sắc và phong thái đoàn kết tiến thủ đã vinh dự đoạt giải nhất.

26 nét

HÁN VIỆT: BAN CẤP



HSK 3 (3.0)

Động từ

#010

搬

bān

chuyển, dọn (nhà, đồ đạc)

为了方便孩子上学和家人就医，我们全家上个月搬进了离市中心更近的新小区。

Wèi le fāng biàn hái zǐ shàng xué hé jiā rén jù yī, wǒ men quán jiā shàng gè yuè bān jìn le lí shì zhōng xīn gèng jìn de xīn xiǎo qū.

Để tiện cho con đi học và người nhà đi khám bệnh, cả gia đình chúng tôi tháng trước đã chuyển dọn về khu đô thị mới gần trung tâm thành phố hơn.

11 nét

HÁN VIỆT: BÀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#011

搬家

bānjiā

chuyển nhà, dọn nhà

得益于棚户区改造民生工程，棚户区居民们今天开开心心地搬家住进了宽敞明亮的新楼房。

Dé yì yú péng hù qū gǎi zào mǐn shēng gōng chéng, péng hù qū jū mǐn men jīn tiān kāi kāi xīn xīn dì bān jiā zhù jìn le kuān chǎng míng liàng de xīn lóu fáng.

Nhờ vào công trình dân sinh cải tạo khu nhà lụp xụp, bà con cư dân hôm nay đã vui vẻ phấn khởi dọn nhà chuyển nhà vào ở trong những căn nhà lầu mới rộng rãi sáng sủa.

19 nét

HÁN VIỆT: BAN GIA

HSK 3 (3.0)

Động từ

#012

板

bǎn

bảng

老师鼓励大家积极板，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực

bảng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: BẢN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#013

办理

bàn lǐ

làm thủ tục, giải quyết, xử lý

市民只需携带身份证原件，即可在智慧政务大厅的自助终端上一站式快速办理多项业务。

Shì mǐn zhǐ xū xié dài shēn fèn zhèng yuán jiàn, jí kě zài zhì huì zhèng wù dà tīng de zì zhù zhōng duǎn shàng yí zhàn shì kuài sù bàn lǐ duō xiàng yè wù.

Người dân chỉ cần mang theo bản gốc căn cước công dân là có thể nhanh chóng làm nhiều thủ tục hành chính trọn gói tại cây dịch vụ tự phục vụ trong sảnh hành chính công thông minh.

20 nét

HÁN VIỆT: BIỆN LÝ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#014

保

bǎo

bảo vệ, bảo đảm, giữ gìn

国家全力推进保粮食安全、保能源安全、保产业链供应链稳定各项战略任务。

Guó jiā quán lì tuī jìn bǎo liáng shí ān quán, bǎo néng yuán ān quán, bǎo chǎn yè lián gōng ying liàn wēn dīng gē xiàng zhàn lüè rèn wù.

Nhà nước dốc toàn lực thúc đẩy các nhiệm vụ chiến lược: bảo đảm an ninh lương thực, bảo đảm an ninh năng lượng, bảo đảm giữ gìn ổn định chuỗi cung ứng và chuỗi ngành nghề.

13 nét

HÁN VIỆT: BẢO

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#015

保安

bǎo'ān

nhân viên bảo vệ, bảo vệ an ninh;
giữ gìn an toàn

科研园区保安人员恪尽职守、日夜巡逻，切实保障国家重点实验室的科研环境安全。

Kē yán yuán qū bǎo ān rén yuán kè jìn zhí shǒu, rì yè xún luó, qiè shí bǎo zhàng guó jiā zhòng diǎn shí yán shì de kē yán huán jīng ān quán.

Nhân viên bảo vệ của khu nghiên cứu khoa học luôn tận tụy với công việc, tuần tra ngày đêm, bảo đảm thiết thực sự an toàn của môi trường nghiên cứu tại phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT: BẢO AN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#016

保持

bǎo chí

duy trì, giữ vững

在应对突发紧急危机事件时，我们必须时刻保持冷静清醒的头脑与严密理性的逻辑判断。

Zài yìng duì tū fā jǐn jí wēi jí shì jiàn shí, wǒ men bì xū shí kè bǎo chí lěng jìng qīng xǐng de tóu nǎo yǔ yán mì lǐ xīng de luó jí pàn duàn.

Khi xử lý các sự cố khủng hoảng khẩn cấp bất ngờ, chúng ta nhất thiết phải luôn luôn giữ một cái đầu lạnh tỉnh táo và tư duy logic phán đoán chặt chẽ, lý tính.

26 nét

HÁN VIỆT: BẢO TRÌ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#017

保存

bǎo cún

lưu giữ, bảo tồn, lưu trữ

请务必及时将正在编辑的重要设计图纸与源代码保存到具备多重备份机制的云端代码库中。

Qǐng wù bì jí shí jiāng zhèng zài biān jí de zhòng yào shè jì tú zhǐ yǔ yuán dài mã bǎo cún dào jù bèi duō zhòng bèi fèn jī zhì de yún duān dài mã kù zhōng.

Bạn nhất định phải nhớ kịp thời lưu lại các bản vẽ thiết kế quan trọng và mã nguồn đang chỉnh sửa vào kho lưu trữ đám mây có cơ chế sao lưu đa tầng.

25 nét

HÁN VIỆT: BẢO TỒN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#018

保护

bǎo hù

bảo vệ, giữ gìn

保护生态环境与生物多样性是关系到子孙后代长远福祉的大事。

Bǎo hù shēng tài huán jīng yǔ shēng wù duō yàng xìng shì guān xi dào zǐ sūn hòu dài cháng zhǎng yuán fú zhī de dà shì.

Bảo vệ môi trường sinh thái và sự đa dạng sinh học là đại sự liên quan đến phúc lợi lâu dài của con cháu mai sau.

24 nét

HÁN VIỆT: BẢO HỘ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#019

保留

bǎo liú

giữ lại, bảo lưu, bảo tồn

这座历史文化名城在现代化城市改造更新中，完整保留了明清时期的古街巷风貌与非遗传民俗。

Zhè zuò lì shǐ wén huà míng chéng zài xiàn dài huà chéng shì gǎi zào xīn zhōng, wán zhěng bǎo liú le míng qīng shí qī de gǔ jiē xiàng fēng máo yǔ fēi yí mǐn sú.

Danh thành lịch sử văn hóa này trong quá trình chỉnh trang đô thị hiện đại đã lưu giữ nguyên vẹn diện mạo các ngõ phố cổ thời Minh – Thanh cùng phong tục tập quán phi vật thể.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : BẢO LƯU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#020

保险

bǎo xiǎn

bảo hiểm, an toàn, chắc chắn

在出发前往海外开展户外徒步探险之前，购买一份全方位的国际紧急医疗救援保险非常明智。

Zài chū fā qián wǎng hǎi wài kāi zhǎn hù wài tú bù tàn xiǎn zhī qián, gòu mǎi yī fēn quán fāng wèi de guó jì jǐn jí yī liáo jiù yuán bǎo xiǎn fēi cháng míng zhì.

Trước khi lên đường sang nước ngoài thực hiện chuyến đi bộ dã ngoại thám hiểm, việc mua một gói bảo hiểm cứu hộ y tế khẩn cấp quốc tế toàn diện là hết sức sáng suốt.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : BẢO HIỂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#021

保证

bǎo zhèng

bảo đảm, cam kết

厂家郑重承诺保证所有售出电子产品的零配件均为原装正品。

Chǎng jiā zhòng chéng nuò bǎo zhèng suǒ yǒu shòu chū diàn zǐ chǎn pǐn de líng pèi jiàn jūn wéi yuán zhuāng zhèng pǐn.

Nhà sản xuất long trọng cam kết bảo đảm toàn bộ linh kiện của các sản phẩm điện tử bán ra đều là hàng chính hãng nguyên bản.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : BẢO CHỨNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#022

报

bào

báo, tờ báo; báo cáo, báo tin; đến đáp

广大青年学者把个人学术理想与科技报国使命紧密结合，勇攀世界科学高峰。

Guǎng dà qīng nián xué zhě bǎ gè rén xué shù lǐ xiǎng yǔ kē jì bào guó shǐ mìng jìn mì jié hé, yǒng pān shì jiè kē xué gāo fēng.

Đồng đạo các học giả trẻ tuổi gắn kết chặt chẽ lý tưởng học thuật cá nhân với sứ mệnh dùng khoa học đến đáp báo đáp Tổ quốc, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : BÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#023

报到

bào dào

báo danh, điểm danh nhập học/nhận việc

金秋九月开学季，来自全国各地的数千名大学本科生与硕士生怀揣梦想走进校园正式报到。

Jīn qiū jiǔ yuè kāi xué jì, lái zì quán guó gè dì de shù qiān míng dà xué běn kē shēng shí xué shēng huái chuāi mèng xiǎng zǒu jìn xiào yuán zhèng shì bào dào.

Mùa tựu trường tháng Chín mùa thu vàng, hàng ngàn tân sinh viên đại học và cao học đến từ khắp mọi miền đất nước mang theo ước mơ hoài bão bước vào khuôn viên trường chính thức làm thủ tục nhập học.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : BÁO ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#024

报道

bào dào

đưa tin, bài báo, phóng sự

各大主流权威媒体纷纷正面报道了这项重大医学科技突破。

Gè dà zhǔ liú quán wēi méi tǐ fēn fēn zhèng miàn bào dào le zhè xiàng zhòng dà yī xué kē jì tú pò.

Các cơ quan truyền thông chính thống uy tín lớn đều đồng loạt đưa tin tích cực về bước đột phá công nghệ y học trọng đại này.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : BÁO ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#025

报告

bào gào

báo cáo, bản báo cáo, trình bày

专家组在刚刚结束的年度经济论坛上正式发布了关于全球数字经济发展趋势的权威研究报告。

Zhuān jiǎ zài gāng gāng jié shù de nián dù jīng jì lùn tǎn shàng zhèng shì fā bù le guān yú quán qú shù zì jīng jì fā zhǎn qū shì de quán wēi yán jiū bào gào.

Hội đồng chuyên gia tại diễn đàn kinh tế thường niên vừa kết thúc đã chính thức công bố bản báo cáo nghiên cứu uy tín về xu hướng phát triển kinh tế số toàn cầu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : BÁO CÁO

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#026

北部

běi bù

miền Bắc, phía bắc, khu vực phía bắc

我国北部内蒙古大草原生态修复工程成效显著，重现了风吹草低见牛羊的壮丽景象。

Wǒ guó běi bù nèi měng gǔ dà cǎo yuán shēng thái xiū fù gōng chéng chéng xiào xiǎn zhù, chóng xiàn le fēng chuī cǎo dī jiàn niú yáng de zhuàng lì jǐng xiàng.

Công trình phục hồi sinh thái đại thảo nguyên Nội Mông ở miền Bắc phía bắc nước ta đạt hiệu quả rõ rệt, tái hiện khung cảnh thanh vắng lý tưởng cỏ rạp thấy đàn bò cừu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : BẮC BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Thời gian

#027

背后

bèi hòu

phía sau, đằng sau; đằng sau thành công

每一项举世瞩目的重大科技突破背后，都凝聚着无数科研攻关人员夜以继日的奉献与汗水。

Měi yī xiàng jǐ shì mù dǐ zhòng dà kē jì tú pò bèi hòu, dōu níng jù zhe wú shù kē yán gōng guān rén yuán yè yǐ jì rì de fèng xiàn yǔ hàn shuǐ.

Đằng sau phía sau mỗi một đột phá khoa học công nghệ trọng đại khiến cả thế giới dõi theo đều ngưng tụ sự cống hiến và mồ hôi ngày đêm không ngừng của vô số cán bộ nghiên cứu khoa học vượt khó.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : BỐI HẬU



HSK 3 (3.0)

Giới từ

#028

被
bèi

bị, được (câu bị động)

放在桌子上的热牛奶不小心被调皮的小猫打翻了。

Fàng zài zhuōzi shàng de rè niúǎi bù xiǎoxīn bèi tiáopí de xiǎomāo dǎfān le.

Cốc sữa nóng đặt trên bàn lỡ bị chú mèo nghịch ngợm gạt đổ mất rồi.

9 nét

HÁN VIỆT: BỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#029

被子
bèizi

chăn, mền

冬日午后阳光和煦，妈妈把厚实柔软的纯棉被子拿到阳台上晾晒，散发出阳光的清新香味。

Dòng rì wǔ hòu yángguāng héxù, māma bǎ hòushí róuruǎn de chúncún bèizi ná dào yángtái shàng shàng liàng shài, sǎn fā chū yángguāng de qīng xīn xiāng wèi.

Buổi chiều đông nắng ấm chan hòa, mẹ mang chiếc chăn bông cotton dày dặn êm ái ra ban công phơi, tỏa ra mùi thơm ngát của nắng mới.

20 nét

HÁN VIỆT: BỊ TỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#030

本来
běnlái

vốn dĩ, ban đầu

这道数学难题本来并不复杂，只是解题思路被你想到太繁琐了。

Zhè dào shùxué nántí běnlái bìng bù fùzá, zhǐ shì jiě tí sī lù bèi nǐ xiǎng dé tài fán suǒ le.

Bài toán học búa này vốn dĩ không hề phức tạp, chỉ là do bạn suy nghĩ hướng giải bị rườm rà quá mức mà thôi.

19 nét

HÁN VIỆT: BẢN LAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#031

本领
běnlǐng

bản lĩnh, tài năng, bản lĩnh nghề nghiệp

青年人应当在实践熔炉中经风雨、见世面、长才干，练就一身过硬的真本领以报效祖国。

Qīng nián rén yīng dāng zài shíjiàn róng lú zhōng jīng fēng yǔ, jiàn shì miàn, zhǎng cái gàn, liàn jiù yī shēn guò yìng de zhēn běn lǐng yǐ bào xiào zǔ guó.

Thanh niên cần dẫn thân trong thực tiễn trải qua tôi luyện mưa gió, mở rộng tầm nhìn, tích lũy tài năng để rèn đức nên bản lĩnh thực thụ vững vàng cống hiến cho quê hương đất nước.

17 nét

HÁN VIỆT: BẢN LÃNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#032

本事
běnshi

bản lĩnh, tài nghệ, năng lực

当代青年科技人才应当在国家重大科技攻关实践中经风雨、见世面、壮筋骨，练就一身过硬的真本事。

Dāng dài qīng nián kējì rén cái yīng dāng zài guójiā zhòng dà kējì gōng guān shíjiàn zhōng jīng fēng yǔ, jiàn shì miàn, zhuàng jīn gǔ, liàn jiù yī shēn guò yìng de zhēn běn shì.

Nhân tài khoa học công nghệ trẻ đương đại cần trải qua mưa gió, tôi luyện bản lĩnh và củng cố gân cốt trong thực tiễn các đề tài nghiên cứu khoa học trọng đại của đất nước, rèn giũa nên một bản lĩnh thực tài vượt trội.

20 nét

HÁN VIỆT: BẢN SỰ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#033

比较
bǐjiào

so sánh

这家特色餐厅不仅环境幽雅，菜品价格也比较公道亲民。

Zhè jiā tè sè cāntīng bùjǐn huányǎng yōuyǎ, cǎipín jiàgé yě bǐjiào gōngdào qīnmín.

Nhà hàng đặc sản này không chỉ có không gian tao nhã mà giá món ăn cũng tương đối bình dân và hợp lý.

22 nét

HÁN VIỆT: TỶ GIẢO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#034

比例
bǐlì

tỷ lệ, tỷ xích

随着我国科技创新投入的持续加大，研发经费占国内生产总值的比例呈现出稳步上升趋势。

Suí zhe wǒ guó kējì chuàng xīn tóu rù de chíxù jiā dà, yán fā jīng fèi zhàn guó nèi shēng chǎn zōng zhí de bǐlì chéng xiàn chǔ wēn bù shàng shēng qū shì.

Cùng với việc không ngừng tăng cường đầu tư cho đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, tỷ lệ kinh phí nghiên cứu phát triển trên tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước ta liên tục tăng trưởng vững chắc.

19 nét

HÁN VIỆT: TỶ LỆ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#035

比赛
bǐsài

sự cạnh tranh

明天下午我们学校有一场非常激烈的足球友谊比赛。

Míngtiān xiàwǔ wǒmen xuéxiào yǒu yí chǎng fēicháng jīliè de zúqiú yǒuyì bǐsài.

Chiều mai trường chúng tôi có một trận bóng đá giao hữu vô cùng kịch tính.

23 nét

HÁN VIỆT: TỶ TÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#036

必然
bìrán

tất nhiên, tất yếu, chắc chắn

科技创新与绿色转型的深度融合，是推动未来全球经济实现高质量可持续发展的必然趋势。

Kējì chuàng xīn yǔ lǜ sè zhuǎn xíng de shēn dù róng hé, shì tuī dòng wèi lái quán qióu jīng jì shí xiàn gāo zhì liàng kè chí xù fā zhǎn de bì rán qū shì.

Sự kết hợp sâu sắc giữa đổi mới sáng tạo công nghệ và chuyển đổi xanh là xu thế tất yếu thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu phát triển bền vững và chất lượng cao trong tương lai.

21 nét

HÁN VIỆT: TẤT NHIÊN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#037

必要

bì yào

cần thiết, thiết yếu

在开启大规模生产线部署之前，进行多轮严密的小批量试产验证是极其必要的风险控制举措。

Zài kāi qǐ dà guī mó shēng chǎn xiàn bù shǔ zhǐ qián, jìn xíng duō lún yǎn mì de xiǎo pī liàng shì chǎn yàn zhèng shì jǐ qí bì yào de fēng xiǎn kòng zhì jǔ cuò.

Trước khi tiến hành triển khai dây chuyền sản xuất quy mô lớn, việc thử nghiệm kiểm chứng quy mô nhỏ nhiều đợt nghiêm ngặt là biện pháp kiểm soát rủi ro hết sức cần thiết.

24 nét

HÁN VIỆT: TẤT YÊU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#038

变化

biàn huà

biến hóa, thay đổi

短短几年时间，家乡的高新技术开发区发生了翻天覆地的变化。

Duǎn duǎn jǐ nián shí jiān, jiā xiāng de gāo xīn jì shù kāi fā qū fā shēng le fān tiān fù dì de biàn huà.

Chỉ trong vài năm ngắn ngủi, khu công nghệ cao ở quê hương đã có những bước chuyển mình đổi thay nghiêng trời lệch đất.

22 nét

HÁN VIỆT: BIẾN HOA

HSK 3 (3.0)

Động từ

#039

变为

biàn wéi

biến thành, chuyển thành, trở thành

通过持之以恒的科学综合治理，昔日的黄沙漫天荒原如今变为了一片生机盎然的绿色林海。

Tōng guò chí zhǐ yì héng de kē xué zōng hé zhì lǐ, xī rì de huáng shā màn tiān huāng yuán rú jīn biàn wéi yí piàn shēng jī àng rán de lǜ sè lín hǎi.

Thông qua quản lý tổng hợp khoa học kiên trì bền bỉ, hoang nguyên cát vàng ngập trời thuở nào ngày nay đã chuyển thành biển rừng xanh ngắt ngập tràn nhựa sống.

24 nét

HÁN VIỆT: BIẾN VI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#040

标题

biāo tí

tiêu đề, tựa đề, đầu đề

这篇刊登在国际权威顶级学术期刊封面上的重磅论文，其醒目标题瞬间引发了全球同行的广泛关注。

Zhè piān kān dēng zài guó jì quán wēi dīng jí xué shù qī kān fēng miàn shàng de zhòng bàng lùn wén, qí xǐng mù biāo tí shùn jiǎn yīn fā le quán qiú tóng háng de guāng fàn guān zhù.

Bài báo khoa học mang tính bước ngoặt được đăng tải ngay trên trang bìa của tạp chí học thuật hàng đầu thế giới có tiêu đề vô cùng bắt mắt đã lập tức thu hút sự quan tâm rộng rãi của giới đồng nghiệp toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: TIÊU ĐỀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#041

标准

biāo zhǔn

tiêu chuẩn, chuẩn mực

他的普通话发音字正腔圆、极其纯正，完全达到了国家一级甲等标准。

Tā de pǔ tōng huà fā yīn zì zhèng qiāng yuán, jí qí chún zhèng, wán quán dá dào le guó jiā yī jí jiǎ biāo zhǔn.

Phát âm tiếng Phổ thông của anh ấy tròn vành rõ chữ, vô cùng chuẩn mực, đạt chuẩn cấp 1 Giáp của quốc gia.

23 nét

HÁN VIỆT: TIÊU CHUẨN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#042

表达

biǎo dá

biểu đạt, bày tỏ

学习一门外语不仅要掌握词汇，更要学会准确流畅地表达自己的思想与见解。

Xué xí yí mén wài yǔ bù j只要 yào wǎng wò cí huì, gèng yào xué huì zhǔn què liú chàng de biǎo dá zì jǐ de sī xiǎng yǔ jiàn jiě.

Học một ngoại ngữ không chỉ dừng lại ở việc nắm từ vựng mà quan trọng hơn là phải biết biểu đạt chuẩn xác, lưu loát suy nghĩ và quan điểm của bản thân.

26 nét

HÁN VIỆT: BIỂU ĐẠT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#043

表格

biǎo gé

biểu mẫu, bảng biểu

请在正式提交签证申请前，务必逐项认真核对并完整填写这张个人信息表格。

Qǐng zài zhèng shì tí jiāo qiān zhèng shēn qǐng qián, wù bì zhǔ xiàng rèn zhēn hé duì bǐng wán zhèng tián xiě zhè zhāng gè rén xīn xī biǎo gé.

Trước khi chính thức nộp đơn xin thị thực, xin vui lòng kiểm tra đối chiếu kỹ từng mục và điền hoàn chỉnh biểu mẫu thông tin cá nhân này.

20 nét

HÁN VIỆT: BIỂU CÁCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#044

表面

biǎo miàn

bề mặt, bề ngoài, vẻ ngoài

在分析复杂的国际经济形势时，切不可被短期的表面现象所迷惑，而要深入研判底层供需逻辑。

Zài fēn xī fù zá de guó jì jīng jì xíng shì shí, qiè bù kě bèi duǎn qī de biǎo miàn xiàng xiàng suǒ mí huò, ér yào shēn rù yán pàn dī céng gòng xū luó jí.

Khi phân tích tình hình kinh tế quốc tế phức tạp, tuyệt đối không được để những hiện tượng bề nổi ngắn hạn làm lu mờ nhận thức, mà cần đi sâu nghiên cứu quy luật cung cầu cốt lõi đằng dưới.

22 nét

HÁN VIỆT: BIỂU DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#045

表明

biǎo míng

chứng tỏ, biểu thị, thể hiện rõ

大量的临床对照实验数据清晰表明，保持规律的作息时间为提升免疫系统机能具有显著的促进作用。

Dà liàng de lín chuāng duì zhào shí yàn shù jù qīng xī biǎo míng, bǎo chí guī lǚ de zuò xī shí jiān duì tí shēng miǎn yì xìng néng jī néng jù yǒu xiǎn zhù de cù jìn zuò yòng.

Số liệu thực nghiệm đối chứng lâm sàng quy mô lớn đã chứng minh rõ ràng rằng việc duy trì thời gian biểu sinh hoạt điều độ mang lại tác dụng thúc đẩy rõ rệt trong việc nâng cao chức năng của hệ miễn dịch.

22 nét

HÁN VIỆT: BIỂU MINH



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#046

表现

biǎo xiàn

thể hiện, biểu hiện, thành tích

由于在本年度多个重大跨国项目交付中表现卓越，这位年轻的工程师荣获了集团最佳新人奖。

Yóu yú zài běn nián dù duō dà guó gè zhòng dà kuà guó xiàng mù jiāo fù zhòng biǎo xiàn zhuó yuè, zhè wèi nián qīng de gōng chéng shī róng huò le jí tuán zuì jiā xīn rén jiǎng.

Nhờ có sự thể hiện xuất sắc trong việc bàn giao nhiều dự án xuyên quốc gia trọng đại trong năm nay, người kỹ sư trẻ tuổi này đã vinh dự giành giải Nhân viên Mới Xuất sắc Nhất của tập đoàn.

26 nét

HÁN VIỆT : BIỂU HIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#047

表演

biǎo yǎn

biểu diễn, trình diễn

孩子们在舞台上的精彩武术表演赢得了观众们的阵阵热烈掌声。

Háizimen zài wǔtái shàng de jīngcǎi wǔshù biǎoyǎn yíng dé le guānzhòngmen de zhènzhen rèliè zhǎngshēng.

Màn biểu diễn võ thuật đặc sắc của các em nhỏ trên sân khấu đã nhận được những tràng pháo tay rộn rã từ khán giả.

22 nét

HÁN VIỆT : BIỂU DIỄN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#048

并

bìng

và

老师鼓励大家积极并，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bìng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực và, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT : TÍNH

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#049

并且

bìng qiě

đồng thời, hơn nữa, và lại

科研攻关团队成功攻克了超导材料制备工艺难题，并且在国际顶级学术刊物上发表了重要原创成果。

Kē yán gōng guān tuán duì chéng gōng gōng kè le chāo dǎo cáilì zhì bèi gōng yì nán tí, bìng qiě zài guó jì dīng jí xué shù kān wù shàng fā biǎo le zhòng yào yuán chuàng chéng guǒ.

Nhóm nghiên cứu khoa học vượt khó đã chinh phục thành công nan đề quy trình điều chế vật liệu siêu dẫn, đồng thời hơn nữa đã công bố thành quả nguyên tác quan trọng trên tạp chí học thuật hàng đầu quốc tế.

23 nét

HÁN VIỆT : TÍNH THẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#050

播出

bō chū

phát sóng, phát thanh, truyền hình

国家广播电视总台制作的大型科技纪录片在黄金时段播出后，在全社会引发了热烈反响。

Guó jiā guǎng diàn shì zǒng tái zhì zuò de dà xíng kē jì jì lù piān zài huáng jīn shí duàn bō chū hòu, zài quán shè huì yīn fǎ le rè liè fǎn xiǎng.

Bộ phim tài liệu khoa học công nghệ quy mô lớn do Đài Phát thanh Truyền hình Trung ương Quốc gia sản xuất sau khi được phát sóng trong khung giờ vàng đã tạo nên sự hưởng ứng nhiệt liệt trong toàn xã hội.

22 nét

HÁN VIỆT : BẢ XUẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#051

播放

bō fàng

phát sóng, phát video/âm thanh

在国际科学大会开幕式上，大屏幕现场超高清播放了我国首张由巡天空间望远镜获取的深空宇宙全景巡天星图。

Zài guó jì kē xué dà huì kāi mù shàng, dà píng mù xiàn chǎng chāo gāo qīng bō fàng le wǒ guó shǒu zhāng yóu xún tiān kōng jiān wǎng yuǎn jīng huò qǔ de shēn kōng yǔ zhòu quán jīng xún tiān xīng tú.

Tại lễ khai mạc Đại hội Khoa học Quốc tế, màn hình lớn tại hội trường đã phát sóng siêu nét bức ảnh thiên văn khảo sát toàn cảnh vũ trụ không gian sâu đầu tiên do kính viễn vọng không gian tuần thiên của nước ta thu thập.

26 nét

HÁN VIỆT : BẢ PHÓNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#052

补

bǔ

bổ sung

老师鼓励大家积极补，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bổ sung, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT : BỔ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#053

补充

bǔ chōng

bổ sung, thêm vào

在剧烈运动后一定要及时补充水分与电解质，以帮助身体迅速恢复活力。

Zài jù lì yùn dòng hòu yí dìng yào jí shí bǔ chōng shuǐ fēn yǔ diàn jìe zhì, yǐ bāng zhū shēn tǐ xīn sù huī fù huó lì.

Sau khi vận động mạnh nhất định phải kịp thời bổ sung nước và các chất điện giải để giúp cơ thể nhanh chóng phục hồi sinh lực.

18 nét

HÁN VIỆT : BỔ SUNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#054

不安

bù ān

bất an, lo lắng, bồn chồn

看着窗外阴沉沉的天空与呼啸的大风，独自在家的老人心里隐隐感到一丝不安。

Kàn zhe chuāng wài yīn chén chén de tiān kōng yǔ hū xiào de dà fēng, dú zì zài jiā de lǎo rén xīn lǐ yīn yīn gǎn dào yí sī bù ān.

Nhìn bầu trời âm u cùng những cơn gió rít ngoài cửa sổ, người già ở nhà một mình trong lòng không khỏi cảm thấy có chút bất an bồn chồn.

23 nét

HÁN VIỆT : BẤT AN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#055

不必

bù bì

không cần, không nhất thiết

你已经为这次答辩做了极其充分详实的各项准备, 完全不必过分焦虑紧张, 自信发挥即可。

Nǐ yǐ jīng wèi zhè cì dá biàn zuò le jí qí chōng fèn xiáng shí de gè xiàng zhǔn bèi, wán quán bù bì guò fēn jiǎo lǔ jīn zhāng, zì xìn fā huī jí kě.

Bạn đã chuẩn bị vô cùng chu đáo và đầy đủ cho buổi bảo vệ lần này rồi, hoàn toàn không cần phải quá mức lo lắng hồi hộp đâu, cứ tự tin thể hiện hết mình là được.

22 nét

HÁN VIỆT: **BẤT TẤT**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#056

不得不

bù dé bù

không thể không, đành phải

由于受台风恶劣天气影响, 航空公司不得不取消了今晚所有进出港航班。

Yóu yú shòu tái fēng è liè tiān qì yǐng xiǎng, háng kōng gōng sī bù dé bù qǔ xiāo le jīn wǎn suǒ yǒu jìn chū gǎng háng bān.

Do ảnh hưởng của thời tiết bão gió khắc nghiệt, hãng hàng không đành phải hủy toàn bộ các chuyến bay cất cánh và hạ cánh trong tối nay.

35 nét

HÁN VIỆT: **BẤT ĐẮC BẤT**

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#057

不断

bù duàn

không ngừng, liên tục, liên miên

在科技日新月异的高速发展时代, 唯有坚持终身学习与不断更新知识储备才能勇立时代潮头。

Zài kē jì rì xīn yuè yì de gāo sù fā zhǎn shí dài, wéi yǒu jiān chí zhōng shēn xué xí yǔ bù duàn gēng xīn zhī shí chǔ bèi cái néng yǒng lì shí dài cháo tóu.

Trong thời đại công nghệ thay đổi từng ngày với tốc độ cao, chỉ có kiên trì học tập suốt đời và không ngừng cập nhật kho tàng tri thức mới có thể vững vàng đứng nơi đầu sóng ngọn gió của thời đại.

22 nét

HÁN VIỆT: **BẤT ĐOẠN**

HSK 3 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#058

不光

bù guāng

không chỉ, không riêng

新时代的中国青年不光要具备扎实过硬的专业技能, 更要有胸怀天下的格局与担当。

Xīn shí dài de zhōng guó qīng nián bù guāng yào jù bèi zhā shí guó yǐng de zhuān yè jī néng, gèng yào yǒu xiōng huái tiān xià de gé jú yǔ dān dāng.

Thanh niên Trung Quốc thời đại mới không chỉ không riêng phải sở hữu kỹ năng chuyên môn vững vàng xuất sắc, mà càng phải có tầm vóc và tinh thần gánh vác mang trong tim cả thiên hạ.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẤT QUANG**

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#059

不仅

bù jǐn

không những, không chỉ

多掌握一门外语不仅能拓宽国际视野, 还能为未来的职业发展提供更多选择。

Duō zhǎng wò yī mén wài yǔ bù jǐn néng tuò kuān guó jì shì yě, hái néng wèi wèi lái de zhí yè tí gòng gèng duō xuǎn zé.

Nắm vững thêm một ngoại ngữ không những giúp mở rộng tầm nhìn quốc tế mà còn mở ra thêm nhiều cơ hội lựa chọn cho sự nghiệp tương lai.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẤT CẬN**

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#060

不论

bù lùn

bất kể, dù cho, không kể

不论遇到多么险峻复杂的困难挑战, 广大科技工作者攻坚克难的信心与决心从未动摇。

Bù lùn yù dào duō me xiǎn jùn fù zá de kùn nán tiǎo zhàn, guāng dà kē jì gōng zuò zhě gōng jiǎn kè nán de xīn xīn yǔ jué xīn cóng wèi dòng yáo.

Bất kể dù cho có gặp phải muôn trùng khó khăn thử thách hiểm trở phức tạp đến đâu, niềm tin và quyết tâm vượt khó chiến thắng của đồng đội những người làm công tác khoa học công nghệ chưa bao giờ lung lay.

19 nét

HÁN VIỆT: **BẤT LUẬN**

HSK 3 (3.0)

Động từ

#061

布

bù

vải

老师鼓励大家积极布, 勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shí.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực vải, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: **BỐ**

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#062

步

bù

bước, bước đi; bước (lượng từ)

不积跬步, 无以至千里; 科学探索必须一步一个脚印, 脚踏实地、久久为功。

Bù jī kuǐ bù, wú yǐ zhì qiān lǐ; kē xué tàn suǒ bì xū yī bù yī gè jiǎo yìn, jiǎo tà shí dì, jiǔ jiǔ wéi gōng.

Không tích lũy từng nửa bước bước đi thì không thể đi tới ngàn dặm xa xôi; thám hiểm khoa học bắt buộc phải từng bước từng bước vững chắc, chân thật vững vàng, bền bỉ lâu dài.

12 nét

HÁN VIỆT: **BỘ**

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#063

部

bù

bộ (bộ ngành); bộ phận; cuốn, bộ (phim/sách)

这部深刻展现大国重器研发风云史诗的优秀影视作品, 深深激励了无数青年学子立志报国。

Zhè bù shēn kè zhǎn xiàn dà guó zhòng qì yán fā fēng yún shǐ shī de yōu xiù yǐng shì zuò pīn, shēn shēn jī lì le wú shù qīng nián xué zǐ lì zhì bào guó.

Bộ tác phẩm điện ảnh truyền hình xuất sắc phổ biến sâu sắc thiên sử thi phong vân nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia này đã khích lệ sâu sắc vô số sinh viên thanh niên lập chí phụng sự Tổ quốc.

11 nét

HÁN VIỆT: **BỘ**



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#064

部门

bù mén

bộ phận, phòng ban

跨部门协作时，顺畅及时的信息共享是确保重大项目按期保质交付的关键所在。

Kuà bù mén xié zuò shí, shùn cháng jí shí de xìn xī gòng xiǎng shì què bǎo zhòng dà xiàng mù àn qī bǎo zhì jiāo fù de guān jiàn suǒ zài.

Khi phối hợp liên phòng ban, việc chia sẻ thông tin trôi chảy và kịp thời là chìa khóa then chốt bảo đảm dự án trọng điểm được bàn giao đúng hạn và chất lượng.

21 nét

HÁN VIỆT: BỘ MÔN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#065

部长

bù zhǎng

bộ trưởng, người đứng đầu bộ

科技部部长在国际科技创新论坛上发表主旨演讲，强调要以高水平科技自立自强支撑高质量发展。

Kē jì bù bù zhǎng zài guó jì kē jì chuàng xīn lùn tán shàng fā biǎo zhǔ zhǐ yǎn jiǎng, qiáng diào yào yǐ gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng zhī chēng gāo zhì liàng fā zhǎn.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Diễn đàn Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ Quốc tế đã có bài phát biểu chủ đề, nhấn mạnh việc lấy tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao làm điểm tựa cho phát triển chất lượng cao.

21 nét

HÁN VIỆT: BỘ TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Phó từ / Liên từ

#066

才能

cái néng

tài năng, năng lực; mới có thể

只有把理论与实践紧密结合起来，我们才能在探索未知科学前沿中真正取得突破性进展。

Zhǐ yǒu bǎ lǐ lùn yǔ shí jiàn jìn mǐ jié hé qí lái, wǒ men cái néng zài tàn suǒ wèi zhī kē xué qián yán zhōng zhēn zhèng qǔ dé tú pò xīng jīn zhǎn.

Chỉ có kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, chúng ta mới có thể thực sự đạt được tiến triển mang tính đột phá trong việc thám hiểm khám phá các lĩnh vực khoa học tiên phong chưa biết.

18 nét

HÁN VIỆT: TÀI NĂNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#067

采取

cǎi qǔ

áp dụng, tiến hành (biện pháp, hành động)

针对夏季暴雨易涝路段，市政管理部门及时采取了加装强排泵站等针对性防汛措施。

Zhēn duì xià jì bào yǔ yì lǎo lù duàn, shì zhèng guǎn lǐ bù mén jí shí cǎi qǔ le jiā jiǎ zhuāng qiáng pài bēng zhàn děng zhēn duì xìng fáng xùn cuò shī.

Đối với các đoạn đường dễ bị ngập úng trong mùa mưa bão mùa hè, ban quản lý đô thị đã kịp thời áp dụng các biện pháp phòng chống lũ mục tiêu như lắp đặt bổ sung các trạm bơm thoát nước công suất lớn.

18 nét

HÁN VIỆT: THÁI THỦ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#068

采用

cǎi yòng

áp dụng, sử dụng, dùng (công nghệ, phương pháp)

新一代高速动车组全面采用国产高强度轻量化铝合金车体与智能列控系统。

Xīn yí dài gāo sù dòng chē zǔ quán miàn cǎi yòng guó chǎn gāo qiáng dù qīng liàng huà lǚ hé jīn chē tǐ yǔ zhì néng liè kòng xì tǒng.

Đoàn tàu động lực cao tốc thế hệ mới áp dụng sử dụng toàn diện hệ thống điều khiển đoàn tàu thông minh cùng thân tàu bằng hợp kim nhôm siêu nhẹ cường độ cao sản xuất trong nước.

22 nét

HÁN VIỆT: THÁI DỤNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#069

彩色

cǎi sè

màu sắc, nhiều màu, có màu

高分辨率气象卫星成功传回了全球第一张全景高动态彩色云图，清晰展现了台风眼结构细节。

Gāo fēn biàn lǜ qì xiàng wèi xīng chéng gōng chuán huí le quán qiú dì yī zhāng quán jǐng gāo dòng tài cǎi sè yún tú, qīng xī zhǎn xiàn le tái fēng yǎn jié gòu xì jié.

Vệ tinh khí tượng độ phân giải cao đã truyền về thành công bức ảnh mây màu sắc nhiều màu toàn cảnh động thái cao đầu tiên trên thế giới, phô diễn rõ nét các chi tiết cấu trúc mắt bão.

22 nét

HÁN VIỆT: THÁI SẮC

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#070

曾经

céng jīng

đã từng, từng

这座历经沧桑的古老水乡小镇，曾经是明清时期繁华喧嚣的漕运商贸重镇。

Zhè zuò lì jīng cāng sāng de gǔ lǎo shuǐ xiāng xiǎo zhèn, céng jīng shì míng qīng shí qī fán huá xuān xiǎo de cáo yùn shāng mào zhòng zhèn.

Thị trấn sông nước cổ kính trải qua bao dâu bể này từng là một trung tâm giao thương vận tải đường thủy sầm uất nhộn nhịp thời Minh - Thanh.

24 nét

HÁN VIỆT: TĂNG KINH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#071

产生

chǎn shēng

sinh ra, nảy sinh, sản sinh

不同学术流派思想观点的深入碰撞与交流，往往能够产生突破性的科研创新灵感。

Bù tóng xué shù liú pài sī xiǎng guān diǎn de shēn rù pèng zhuàng yǔ jiāo liú, wǎng wǎng néng gòu chǎn shēng tú pò xīng jīn líng gǎn.

Sự cọ xát và giao lưu sâu sắc giữa các góc nhìn tư tưởng của các trường phái học thuật khác nhau thường sẽ làm nảy sinh những nguồn cảm hứng đối mới khoa học mang tính đột phá.

21 nét

HÁN VIỆT: SẢN SINH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#072

厂

hǎn

nhà máy

老师鼓励大家积极厂，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hǎn, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhà máy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: HÁN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#073

场合

chǎng hé

dịp, hoàn cảnh, trường hợp, nơi chốn

在出席联合国多边外事礼宾场合时，应当严格遵守国际外交礼仪规范，展现文明大国的从容风度。

Zài chū xí lián hé guó duō biān wài shì lǐ bīn chǎng hé shí, yīng dāng yán gé zūn shǒu guó jì wài jiāo lǐ yí guī fàn, zhǎn xiàn wén míng dà guó de cóng róng fēng dù.

Khi tham dự các dịp lễ tân đối ngoại đa phương của Liên Hợp Quốc, cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn lễ nghi ngoại giao quốc tế, thể hiện phong thái ung dung đĩnh đạc của một đại quốc văn minh.

17 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG CẤP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#074

场所

chǎng suǒ

địa điểm, nơi chốn, khu vực

各级各类公共图书馆、文化馆与科技馆等公共文化场所全面推行免费错时开放，极大丰富了群众的精神文化生活。

Gè jí gè lèi gōng gòng tú shū guǎn, wén huà guǎn yǔ kē jì guǎn děng gōng gòng wén huà chǎng suǒ quán miàn tuì xíng miǎn fèi cuò shí kāi fàng, jí dà fēng fù le qún zhòng de jīng shén wén huà shēng huó.

Mọi địa điểm văn hóa công cộng như thư viện công cộng, nhà văn hóa và bảo tàng khoa học kỹ thuật các cấp đều áp dụng mở cửa miễn phí lệch giờ toàn diện, làm phong phú to lớn đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

17 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG SỞ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#075

超级

chāo jí

siêu cấp, siêu cấp độ, siêu đẳng

国家超级计算中心依托自主先进架构，为全球气候数值模拟与深空探测海量数据分析提供了强大的算力支撑。

Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn yī tuō zì zhǔ xiān jìn jià gòu, wèi quán qiú qì hòu shù zhī mó nǐ yǔ shēn kōng tàn cè hǎi liàng shù liú fēn xī tí gòng le qiáng dà de suàn lì zhī chēng.

Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia dựa vào kiến trúc tiên tiến tự chủ đã mang lại sự hỗ trợ năng lực tính toán mạnh mẽ cho công tác mô phỏng số khí hậu toàn cầu và phân tích dữ liệu khổng lồ thám hiểm không gian sâu.

26 nét

HÁN VIỆT: SIÊU CẤP

HSK 3 (3.0)

Giới từ / Danh từ

#076

朝

cháo

hướng về, quay về; triều đại, buổi sáng

推开主卧的大窗户，房间朝南采光极佳，整日都能沐浴在温暖和煦的阳光下。

Tuī kāi zhǔ wò de dà chuāng hù, fáng jiān cháo nán cǎi guāng jí jiā, zhěng rì dōu néng mù yù zài wēn nuǎn huó xù de yǎng guāng xià.

Mở toang cánh cửa sổ lớn của phòng ngủ chính, căn phòng hướng nam đón ánh sáng cực tốt, cả ngày đều được đắm mình trong ánh nắng chan hòa ấm áp.

8 nét

HÁN VIỆT: TRIỀU

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#077

吵

chǎo

ồn ào, làm ồn, cãi nhau

图书馆里请保持安静，轻声细语，切勿大声喧哗打扰他人阅读。

Tú shū guǎn lǐ qǐng bǎo chí ān jìng, qīng shēng xì yǔ, qiè wù dà shēng xuān huá dǎ rǎo tā rén yuè dú.

Trong thư viện xin giữ trật tự, nói khẽ, không nên làm ồn ào ảnh hưởng tới việc đọc sách của người khác.

12 nét

HÁN VIỆT: SẢO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#078

吵架

chǎo jià

cãi nhau, cãi cộ

夫妻相处之道在于相互包容与理解，遇到分歧时心平气和地沟通远胜于冲动吵架。

Fū qī xiāng chǔ zhī dào zài yú xiāng hù bāo róng yǔ lǐ jiě, yù dào fēn qí shí xīn píng qì hé de gōu tōng yuǎn shèng yú chōng dòng chǎo jià.

Đạo vợ chồng ăn ở ở kiếp là ở sự bao dung và thấu hiểu lẫn nhau, khi có bất đồng việc bình tâm trao đổi sẽ tốt hơn nhiều so với việc bốc đồng cãi vã.

26 nét

HÁN VIỆT: SẢO GIÁ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#079

衬衫

chèn shān

áo sơ mi

今天参加重要的外企面试，他特意穿了一件笔挺洁白的棉质衬衫。

Jīn tiān cān jiā zhòng yào de wài qī miàn shì, tā tè yì chuān le yí jiàn bǐng tíng jié bái de mián zhì chèn shān.

Hôm nay đi phỏng vấn quan trọng ở doanh nghiệp nước ngoài, anh ấy đặc biệt diện chiếc áo sơ mi cotton trắng tinh tươm phẳng phiu.

17 nét

HÁN VIỆT: SẴN SẴM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#080

衬衣

chèn yī

áo sơ mi, áo sơ mi mặc trong

他身着整洁得体的白色衬衣站在国际学术报告厅讲台上，沉着从容地发表学术演讲。

Tā shēn zhe zhěng jié dé tǐ de bái sè chèn yī zhàn zài guó jì xué shù bào gào tīng jiǎng tái shàng, chén zhù cóng róng de fā biǎo xué shù yǎn jiǎng.

Anh ấy mặc chiếc áo sơ mi màu trắng tinh tươm chỉnh tề đứng trên bục giảng Hội trường Báo cáo Học thuật Quốc tế, điềm tĩnh ung dung phát biểu bài thuyết trình học thuật.

23 nét

HÁN VIỆT: SẴN Y

HSK 3 (3.0)

Động từ

#081

称为

chēng wéi

được gọi là, xưng là, mệnh danh là

世界最大单口径球面射电望远镜被形象地称为中国探索宇宙深空奥秘的“天眼”。

Shì jiè zuì dà dān kǒu jīng qiú miàn shè diàn wàng yuǎn jīng bèi xíng xiàng de chēng wéi zhōng guó tàn suǒ yǔ zhòu shēn kōng ào mì de "tiān yǎn".

Kính viễn vọng vô tuyến hình cầu khẩu độ đơn lớn nhất thế giới được mệnh danh được gọi là 'Mắt Trời' thám hiểm bí ẩn không gian sâu vũ trụ của Trung Quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: XƯNG VỊ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#082

成功

chéng gōng

thành công

通往成功的道路绝非一帆风顺，它需要持之以恒的毅力与勇于创新的精神。

Tōng wǎng chéng gōng de dào lù jué fēi yī fān fēng shùn, tā xū yào chí zhì yǐ héng de yì lì yǔ yǒng yú chuàng xīn de pǐ lì.

Con đường dẫn tới thành công chưa bao giờ trải đầy hoa hồng, nó đòi hỏi sự kiên trì bền bỉ cùng bản lĩnh dám nghĩ dám làm và đổi mới.

22 nét

HÁN VIỆT: THÀNH CÔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#083

成果

chéng guǒ

thành quả, kết quả nghiên cứu

我国科研团队在量子计算领域取得的多项重磅成果，获得了国际学术界的高度评价。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài liàng zǐ suàn líng yù qǔ dé de duō xiàng zhòng bàng chéng guǒ, huò dé le guó jì xué shù jiè de gāo dù píng jià.

Nhiều thành quả nghiên cứu mang tính bước ngoặt của đội ngũ khoa học nước ta trong lĩnh vực tính toán lượng tử đã nhận được sự đánh giá rất cao từ giới học thuật quốc tế.

19 nét

HÁN VIỆT: THÀNH QUẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#084

成就

chéng jiù

thành tựu, cống hiến; tác thành, tạo nên

这位享誉全球的科学家一生致力于杂交水稻研发，取得了举世瞩目的伟大成就。

Zhè wèi xiǎng yù quán qiú de kē xué jiā yì shēng zhì lì yú zá jiāo shuǐ dào yán fā, qǔ dé le jǔ shì zhù mù de wēi dà chéng jiù.

Nhà khoa học lừng danh toàn cầu này cả cuộc đời đã cống hiến cho công tác nghiên cứu phát triển lúa lai, gặt hái được những thành tựu vĩ đại khiến cả thế giới phải nghiêng mình khâm phục.

22 nét

HÁN VIỆT: THÀNH TỰU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#085

成立

chéng lì

thành lập, sáng lập, đứng vững (lý lẽ)

今年是该国家重点实验室成立三十周年，各界专家齐聚一堂共庆辉煌历程。

Jīn nián shì gāi guó zhòng yǎn shì chéng lì sān shí zhōu nián, gè jiè zhuān jiā qí jù yì táng gòng qīng huī huáng lì chéng.

Năm nay là tròn 30 năm ngày thành lập phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, các chuyên gia thuộc mọi giới đã tề tựu đông đủ cùng chúc mừng chặng đường phát triển vẻ vang.

23 nét

HÁN VIỆT: THÀNH LẬP

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#086

成熟

chéng shú

chín chắn, trưởng thành, chín (hoa quả)

经过多年的实践锤炼与挫折磨砺，他的处事方式变得越来越成熟稳重。

Jīng guò duō nián de shí jiàn chuí liàn yǔ cuò zhé mó lì, tā de chǔ shì fāng shì biàn dé yuè lái yuè chéng shú wén zhòng.

Trải qua nhiều năm tôi luyện thực tế và vượt qua bao thử thách, cách đối nhân xử thế của anh ấy ngày càng chín chắn và điềm đạm.

20 nét

HÁN VIỆT: THÀNH THỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#087

成员

chéng yuán

thành viên, hội viên

金砖国家扩员具有深远里程碑意义，进一步壮大了“全球南方”维护世界和平发展的核心成员力量。

Jīn zhuān guó jiā kuò yuán jù yǒu shēn yuǎn lǐ chéng bēi yì yì, jìn yí bù zhuàng dà le "quán qiú nán fāng" wéi hù shì jiè hé píng fā zhǎn de hé xīn chéng yuán lì liàng.

Việc mở rộng thành viên của khối BRICS mang ý nghĩa đầu mối sâu sắc, củng cố và lớn mạnh hơn nữa lực lượng thành viên nòng cốt của "Phương Nam Toàn cầu" trong việc bảo vệ hòa bình và phát triển thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: THÀNH VIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#088

成长

chéng zhǎng

trưởng thành, lớn lên, sự lớn lên

每一次挫折与磨难都是人生旅途中不可多得的宝贵财富，推动着我们不断成熟与成长。

Měi yí cì cuò zhé yǔ mó nǎn dōu shì rén shēng lǚ tú zhōng bù kě duō dé de bǎo guì cái fù, tuī dòng zhe wǒ men bù duàn chéng shú yǔ chéng zhǎng.

Mỗi một lần vấp ngã và gian nan thử thách đều là khối tài sản quý giá hiếm có trên hành trình nhân sinh, thúc đẩy chúng ta không ngừng chín chắn và trưởng thành.

20 nét

HÁN VIỆT: THÀNH TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#089

城

chéng

thành, thành phố, tòa thành

这座历史悠久的千年文化古城在现代化进程中实现了历史文脉传承与现代创新发展的完美交融。

Zhè zuò lì shǐ yǒu jiǔ de qiān nián wén huà gǔ chéng zài xiàn dài huà jìn chéng zhōng shí xiàn le lì shǐ wén mài chuán chéng yǔ xiàn dài chuàng xīn fā zhǎn de wán měi jiāo róng.

Tòa thành thành phố cổ văn hóa ngàn năm có bề dày lịch sử lâu đời này trong tiến trình hiện đại hóa đã thực hiện sự giao thoa hoàn hảo giữa phát triển đổi mới sáng tạo hiện đại và kế thừa mạch nguồn văn hóa lịch sử.

9 nét

HÁN VIỆT: THÀNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#090

城市

chéng shì

thành phố

北京是一座既有三千多年悠久历史，又充满现代科技魅力的国际大城市。

Běijīng shì yí zuò jì yǒu sān qiān duō nián yǒu jiǔ lì shǐ, yòu chōng mǎn xiàndài kējì mèilì de guójì dà chéng shì.

Bắc Kinh là một đại đô thị quốc tế vừa sở hữu hơn 3.000 năm lịch sử hào hùng, vừa tràn đầy sức hút công nghệ hiện đại.

17 nét

HÁN VIỆT: THÀNH THỊ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#091

程度

chéng dù

mức độ, trình độ

随着人工智能技术的飞速迭代，自动化办公系统在很大程度上重塑了现代企业的工作模式。

Suí zhe rén gōng zhì néng jì shù de fēi sù dié dài, zì dòng huà bàn gōng xì tǒng zài hěn dà chéng dù shàng zhòng sù le xiàn dài qī yè de gōng zuò mó shì.

Cùng với sự đổi mới vượt bậc của công nghệ trí tuệ nhân tạo, các hệ thống văn phòng tự động hóa ở mức độ rất lớn đã tái định hình mô hình làm việc của các doanh nghiệp hiện đại.

21 nét

HÁN VIỆT: TRÌNH ĐỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#092

持续

chí xù

kéo dài, duy trì liên tục

得益于持续的绿色低碳产业投入，该地区的生态环境质量实现了逐年稳步改善。

Dé yì yú chí xù de lǜ sè dī tàn chǎn yè tóu rù, gāi dì qū de shēng tài huán jīng zhì liàng shí xiǎn le zhú nián wěn bù gǎi shàn.

Nhờ được đầu tư liên tục vào các ngành công nghiệp xanh giảm phát thải, chất lượng môi trường sinh thái của khu vực này đã cải thiện vững chắc qua từng năm.

27 nét

HÁN VIỆT: TRÌ TỤC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#093

充满

chōng mǎn

tràn ngập, đông đầy, chứa chan

这间充满书香雅韵与明媚阳光的阅览室，是青年学子们潜心求知的理想殿堂。

Zhè jiān chōng mǎn shū xiāng yǎ yùn yǔ míng mèi yáng guāng de yuè lǎn shì, shì qīng nián xué zǐ mēn qín xīn qiú zhī de lǐ xiǎng diàn táng.

Phòng đọc sách ngập tràn hương thơm của sách vở cùng ánh nắng chan hòa này là thánh đường lý tưởng để các bạn trẻ say mê kiếm tìm tri thức.

17 nét

HÁN VIỆT: SUNG MÃN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tiền tố / Tính từ

#094

初

chū

đầu (tháng/năm); ban đầu, sơ khởi

不忘初心，方得始终；新时代青年要始终坚守对科学求真与报国奉献的崇高信念。

Bù wàng chū xīn, fāng dé shǐ zhōng; xīn shí dài qīng nián yào shǐ zhōng jiān shǒu duì kē xué qiú zhēn yǔ bào guó fèng xiàn de chóng gào xīn niàn.

Không quên sơ tâm ban đầu thì mới có được kết quả trọn vẹn; thanh niên thời đại mới cần luôn kiên định niềm tin cao đẹp đối với việc cống hiến cho Tổ quốc và cầu thị chân lý khoa học.

8 nét

HÁN VIỆT: SƠ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#095

初步

chū bù

bước đầu, sơ bộ, giai đoạn khởi đầu

通过首期为期半年的深海载人深潜试验，科研团队获得了关于深海地质构造的初步第一手宝贵实测数据。

Tōng guò shǒu qī wéi qī bàn nián de shēn hǎi zài rén shēn qián shì yàn, kē yán tuán duì huò dé le guān yú shēn hǎi dì zhì gòu zào de chū bù dì yī shǒu bǎo guì shí cè shù jù.

Thông qua đợt thử nghiệm lặn sâu có người lái dưới biển sâu kéo dài nửa năm giai đoạn 1, nhóm nghiên cứu khoa học đã thu được những số liệu đo đạc thực tế quý giá bước đầu tận mắt về cấu trúc địa chất biển sâu.

20 nét

HÁN VIỆT: SƠ BỘ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#096

初级

chū jí

sơ cấp, cơ bản, ban đầu

在初级汉语学习阶段，打好扎实的汉语拼音发音基础能够让后续听说能力的进阶事半功倍。

Zài chū jí hàn yǔ xué xí jiē duàn, dǎ hǎo zhā shí zhǔn zhèng de hàn yǔ pīn yīn fā yīn jī zhǔ néng gòu ràng hòu xù tīng shuō néng lì de jìn jiē shì bàn gōng bèi.

Ở giai đoạn học tiếng Trung sơ cấp, việc tạo lập nền tảng phát âm Pinyin chuẩn xác vững vàng sẽ giúp việc nâng cao kỹ năng nghe nói sau này đạt hiệu quả gấp bội.

22 nét

HÁN VIỆT: SƠ CẤP

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#097

初一

chū yī

mùng một (Tết/tháng âm lịch); lớp 6 (năm nhất THCS)

大年初一清晨，千家万户喜气洋洋地互相拜年问好，共同祈愿新的一年五谷丰登、阖家安康。

Dà nián chū yī qīng chén, qiān jiā wàn hù xǐ qì yáng yáng de hù xiāng bài nián wén hǎo, gòng tóng qí yuàn xīn de yī nián wù gǔ fēng dēng, hé jiā ān kāng.

Sáng sớm ngày mùng một Tết Nguyên Đán, muôn nhà muôn cửa vui tươi rạng rỡ chúc Tết chúc mừng năm mới nhau, cùng cầu chúc một năm mới mùa màng bội thu, gia đạo bình an khỏe mạnh.

20 nét

HÁN VIỆT: SƠ NHẤT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#098

初中

chū zhōng

trường trung học cơ sở, cấp hai (THCS)

在初中学习阶段，学校注重激发青少年对科学探索的浓厚兴趣与动手实践创新能力。

Zài chū zhōng xué xí jiē duàn, xué xiào zhòng zhù jī fā qīng nián duì kē xué tàn suǒ de nóng hòu xìng qù yǔ dòng shǒu shí jiàn chuàng xīn néng lì.

Trong giai đoạn học tập tại trường trung học cơ sở cấp hai, nhà trường chú trọng khơi dậy niềm say mê sâu sắc cùng năng lực đổi mới sáng tạo thực hành của các em thanh thiếu niên đối với thám hiểm khoa học.

16 nét

HÁN VIỆT: SƠ TRUNG

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#099

除了

chú le

ngoài ra, trừ ra

除了每周星期一闭馆维护以外，国家博物馆每天都向公众免费开放。

Chú le měi zhōu xīngqī yī bì guǎn wéi hù, guó jiā bó wù guǎn měi tiān dōu xiàng gōng zhòng miǎn fèi kāi fàng.

Ngoại trừ thứ Hai hàng tuần đóng cửa bảo trì, Bảo tàng Quốc gia mở cửa miễn phí cho công chúng tất cả các ngày còn lại.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỪ LIỄU


HSK 3 (3.0)

Động từ

#100

处理

chǔ lǐ

xử lý, giải quyết, thanh lý

面对突如其来的突发公关危机，企业管理层必须以高度负责的态度迅速妥善处理。

Miàn duì tū rú qí lái de tū fā gōng guān wēi jī, qǐ yè guǎn lǐ céng bì xū yǐ gāo dù zé fù zé de tài dù xún sù tuō shàn chǔ lǐ.

Đứng trước cuộc khủng hoảng truyền thông bất ngờ ập đến, ban lãnh đạo doanh nghiệp nhất thiết phải nhanh chóng xử lý thỏa đáng với thái độ trách nhiệm cao nhất.

20 nét

HÁN VIỆT: XỬ LÝ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#101

传

chuán

truyền, truyền đạt, lan truyền, trao truyền

老一辈功勋科学家言传身教，将严谨求实、勇攀高峰的科学家精神一代代薪火相传。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā yán chuán shēn jiào, jiǎng yán jìn qǐ shí, yǒng pān gāo fēng de kē xué jiā jīng shén yǐ dài dài xīn huǒ xiāng chuán.

Các nhà khoa học tiên bối có công lao to lớn đã bằng lời nói và việc làm nêu gương, trao truyền truyền đạt tinh thần nhà khoa học dũng cảm trèo lên đỉnh cao, cầu thị nghiêm cần đời đời tiếp nối ngọn lửa thiêng.

13 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#102

传播

chuán bō

truyền bá, lan truyền, phổ biến

借助新媒体数字视听平台，中华优秀传统文化在全球青年群体中得到了广泛深远的传播。

Jiè zhù xīn méi tí shù zì shì tīng píng tái, zhōng huá yōu xiù chuán tǒng wén huà zài quán qiú qīng nián qún tǐ zhōng dé dào le guǎng fān shēn yuǎn de chuán bō.

Nhờ vào các nền tảng nghe nhìn kỹ thuật số truyền thông mới, văn hóa truyền thống đặc sắc Trung Hoa đã được lan tỏa sâu rộng trong giới trẻ toàn cầu.

27 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN BÁ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#103

传来

chuán lái

truyền tới, vọng lại, báo về (tin tức/âm thanh)

深空探测飞控大厅里传来了着陆巡视器成功安全降落火星表面的捷报，全场爆发出雷鸣般的欢呼掌声。

Shēn kōng tàn cè fēi kòng dà tīng lǐ chuán lái le zhuó lù xún shì qì chéng gōng ān quán jiàng luò huǒ xīng biǎo miàn de jié bào, quán chǎng bào fā fā chū míng bān de huān hū zhǎng shēng.

Bên trong đại sảnh điều khiển chuyển bay thám trắc không gian sâu đã báo về truyền tới tin thắng trận về việc thiết bị tuần tra hạ cánh đã đáp xuống an toàn thành công trên bề mặt Sao Hỏa, toàn thể khán phòng bùng nổ những tràng pháo tay reo hò như sấm rền.

23 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN LAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#104

传说

chuán shuō

truyền thuyết, huyền thoại; tương truyền

这片古老神秘的原始森林中流传着许多动人心魄的民间传说，吸引着无数探险者前来考察。

Zhè piàn gǔ lǎo shén mì de yuán shǐ sēn lín zhōng liú chuán zhe xǔ duō dòng rén xīn pò de mǐn jiān chuán shuō, xǐ yín zhe wú shù tàn xiǎn zhě qián lái kǎo chá.

Bên trong khu rừng nguyên sinh cổ xưa huyền bí này lưu truyền nhiều câu chuyện truyền thuyết dân gian lay động lòng người, thu hút vô số nhà thám hiểm đến khảo sát tìm hiểu.

23 nét

HÁN VIỆT: TRUYỀN THUYẾT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#105

创新

chuàng xīn

đổi mới sáng tạo; sự đổi mới

坚持创新在我国现代化建设全局中的核心地位，把科技自立自强作为国家发展的战略支撑。

Jiān chí chuàng xīn zài wǒ guó xiàn dài huà jiàn shè quán jú zhōng de hé xīn dì wèi, bǎ kē jì zì lì zì qiáng zuò wéi guó jiā fā zhǎn de zhàn lüè zhī chēng.

Kiên trì đặt đổi mới sáng tạo vào vị trí hạt nhân trong toàn cục công cuộc xây dựng hiện đại hóa của nước ta, lấy tự chủ tự cường khoa học công nghệ làm trụ cột chiến lược cho sự phát triển của đất nước.

27 nét

HÁN VIỆT: SÁNG TẠO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#106

创业

chuàng yè

khởi nghiệp, lập nghiệp, dựng nghiệp

国家出台系列税收减免与普惠金融扶持举措，全面激发广大青年科技人才敢为人先的创业创新活力。

Guó jiā chū tái xì liè shuì shōu jiǎn miǎn yǔ pǔ huì jīn róng fú chí jǔ cuò, quán miàn jī fā guǎng dà qīng nián kē jì rén cái gǎn wéi rén xiān de chuàng yè yīn huó lì.

Nhà nước ban hành hàng loạt chính sách giảm thuế và hỗ trợ tài chính bao trùm, khơi dậy toàn diện sức sống khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo dám nghĩ dám làm của đồng đảo nhân tài khoa học công nghệ trẻ.

23 nét

HÁN VIỆT: SÁNG NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#107

创造

chuàng zào

sáng tạo, tạo nên, sự sáng tạo

劳动不仅创造了人类灿烂辉煌的物质文明，更淬炼出了崇高坚韧的精神品格。

Láo dòng bù jìn chuàng zào le rén lèi càn làn huī huáng de wù zhì wén míng, gèng cuì liàn chū le chóng gāo jiǎn rèn de jīng shén pǐn gé.

Lao động không chỉ tạo nên nền văn minh vật chất rực rỡ huy hoàng của loài người mà hơn thế nữa còn tôi luyện nên phẩm chất tinh thần kiên cường cao đẹp.

27 nét

HÁN VIỆT: SÁNG TẠO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#108

创作

chuàng zuò

sáng tác, tác phẩm sáng tạo

文艺工作者深入基层工矿与乡村田野体验生活，创作出了一批饱含时代温情与人民情怀的史诗级优秀文艺作品。

Wén yì gōng zuò zhě shēn rù jī céng gōng kuàng yǔ xiāng cūn tián yě tǐ yàn shēng huó, chuàng zuò chū le yī pī bǎo hán shí dài wēn qíng yǔ rén mín qíng huái de shǐ jí yōu xiù wén yì zuò pǐn.

Các văn nghệ sĩ đã đi sâu vào các nhà máy hầm mỏ và đồng ruộng nông thôn ở cơ sở để trải nghiệm cuộc sống, sáng tác nên một loạt các tác phẩm văn học nghệ thuật xuất sắc tầm cỡ sử thi ngập tràn hơi ấm thời đại và tình cảm nhân dân.

23 nét

HÁN VIỆT: SÁNG TÁC



HSK 3 (3.0)

Phó từ

#109

从来

cóng lái

từ trước đến nay, chưa bao giờ

无论面对怎样严峻的困难与考验，他从来没有轻言放弃过自己的初心与信念。

Wú lùn miàn duì zěng yáng yán jùn de kùn nán yǔ kǎo yàn, tā cóng lái méi yǒu qīng yán fàng qì guò zì jǐ de chū xīn yǔ xìn niàn.

Bất luận đối mặt với gian nan thử thách khốc liệt đến đâu, anh ấy chưa bao giờ dễ dàng từ bỏ tâm nguyện và niềm tin ban đầu của mình.

18 nét

HÁN VIỆT: TÔNG LAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#110

从前

cóng qián

ngày trước, trước đây, xưa kia

从前这里是一片人迹罕至的荒凉盐碱地，如今已蜕变成生机勃勃的现代化高新产业园区。

Cóng qián zhè lǐ shì yí piàn rén jì hǎn zhì de huāng liáng yán jiǎn dì, rú jīn yǐ tuì biàn chéng shēng jī bó bó de xiān dài huà gāo xīn chǎn yè yuán qū.

Trước đây nơi này vốn là một vùng đất hoang hóa ngập mặn hiểm bóng người qua lại, nay đã lột xác ngoạn mục thành một khu công nghiệp công nghệ cao hiện đại tràn đầy sức sống.

22 nét

HÁN VIỆT: TÔNG TIỀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#111

从事

cóng shì

làm, dẫn thân vào, làm công việc (nghề nghiệp)

大学毕业后，他选择扎根基层农业科技一线，潜心从事优质耐旱作物的选育改良工作。

Dà xué bì yè hòu, tā xuǎn zé zhē gēn jī céng nóng yè kē jì yī xiàn, qīn xīn cóng shì yōu zhì nài hàn zuò wù de xuǎn yù gǎi liáng gōng zuò.

Sau khi tốt nghiệp đại học, anh lựa chọn bám rễ nơi tuyến đầu khoa học công nghệ nông nghiệp cơ sở, chuyên tâm làm công tác lai tạo và cải biến các giống cây trồng chịu hạn chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT: TÔNG SỰ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#112

村

cūn

làng

老师鼓励大家积极村，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cūn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: THÔN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#113

存

cún

lưu lại

老师鼓励大家积极存，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cún, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lưu lại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: TỒN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#114

存在

cún zài

tồn tại, hiện hữu; sự tồn tại

宇宙中存在着无数尚待人类探索与解析的神秘天体物理现象。

Yǔ zhòu zhōng cún zài zhe wú shù shàng dài rén lèi tàn suǒ yǔ jiě xī de shén mì tiān tǐ wù lǐ xiàn xiàng.

Trong vũ trụ bao la tồn tại vô vàn hiện tượng vật lý thiên văn huyền bí đang chờ đợi nhân loại đến khám phá và giải mã.

23 nét

HÁN VIỆT: TỒN TẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#115

错误

cuò wù

sai lầm, sai sót, sai

善于从过往的失败与错误中汲取深刻教训，才能在未来的道路上走得更加沉稳坚定。

Shàn yú cóng guò wǎng de shī bài yǔ cuò wù zhōng jí qǔ shēn kè jiào xùn, cái néng zài wèi lái de dào lù shàng zǒu de gèng jiā chéng wěn jiān dìng.

Biết rút ra những bài học kinh nghiệm sâu sắc từ những thất bại và sai lầm trong quá khứ mới có thể giúp ta vững bước đi đến tương lai.

25 nét

HÁN VIỆT: THÁC NGỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#116

达到

dá dào

đạt được, chạm tới (mục tiêu, tiêu chuẩn)

经过全线技术攻关，该款国产高性能芯片良品率成功达到了国际顶尖行业标准。

Jīng guò quán xiàn jì shù gōng guān, gāi kuǎn guó chǎn gāo xìng néng xīn piàn de liáng pǐn lǜ chéng gōng dá dào le guó jì dīng jiān háng yè biāo zhǔn.

Trải qua quá trình đột phá kỹ thuật trên toàn tuyến, tỷ lệ sản phẩm đạt chuẩn của dòng chip hiệu năng cao nội địa này đã chạm tới tiêu chuẩn hàng đầu trong ngành của thế giới.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐẠT ĐÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#117

打破

dǎ pò

phá vỡ, đánh vỡ, đập tan (kỷ lục / độc quyền)

我国科研团队完全自主研发的深海超高压勘探装备，打破了国外长期以来的技术垄断。

Wǒ guó kē yán tuán duì wán quán zì yán fā de shēn hǎi chāo gāo yā kǎn tàn zhuāng bèi, dǎ pò le guó wài zhǎng qī yǐ lái de jì shù lǒng duàn.

Thiết bị thăm dò thám hiểm áp lực siêu cao biển sâu do đội ngũ nghiên cứu phát triển của nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã phá vỡ đập tan thế độc quyền công nghệ bấy lâu nay của nước ngoài.

22 nét

HÁN VIỆT: TÁ PHÁ


HSK 3 (3.0)

Động từ

#118

打听

dǎ tīng

dò hỏi, thăm dò, hỏi thăm

外国学者专门向中方会务人员详细打听了中国高水平国际科研合作专项基金的申报流程。

Wài guó xué zhě zhūān mén xiàng zhōng fāng huì wù rén yuán xiáng xì dǎ tīng le zhōng guó gāo shuǐ píng guó jì kē yán hé zuò zhūān xiàng jī jīn de shēn bào liú chéng.

Vị học giả nước ngoài đã đặc biệt tới hỏi thăm dò hỏi chi tiết nhân viên ban tổ chức hội nghị phía Trung Quốc về quy trình đăng ký Quỹ Chuyên án Hợp tác Nghiên cứu Khoa học Quốc tế Trình độ Cao của Trung Quốc.

24 nét

 HÁN VIỆT : **TÁ DẪN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#119

大夫

dài fu

bác sĩ, thầy thuốc

这位经验丰富的老大夫从医四十余载，医德高尚，深受广大患者的信赖与爱戴。

Zhè wèi jīng yàn fēng fù de lǎo dà fū cóng yī sì shí yú zài, yí dé gāo shàng, shēn shòu guāng dà huàn zhě de xìn lài yǔ ài dài.

Vị bác sĩ già giàu kinh nghiệm này đã làm nghề y hơn 40 năm, y đức cao đẹp, được đồng đảo bệnh nhân tin tưởng và yêu mến.

19 nét

 HÁN VIỆT : **ĐẠI PHU**
HSK 3 (3.0)

Phó từ

#120

大概

dà gài

khoảng chừng, đại khái

从我们目前所在的高铁站驱车前往国际机场，大概需要四十分钟车程。

Cóng wǒ men mù qián suǒ zài de gāo tiě zhàn qū chē qián wǎng guó jì jī chǎng, dà gài xū yào sì shí fēn zhōng chē chéng.

Từ ga tàu cao tốc nơi chúng ta đang đứng lái xe đến sân bay quốc tế sẽ mất khoảng chừng 40 phút di chuyển.

23 nét

 HÁN VIỆT : **ĐẠI KHÁI**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#121

大使馆

dà shǐ guǎn

đại sứ quán

在异国他乡如果不慎遗失护照，请第一时间联系本国驻当地大使馆寻求领事协助。

Zài yì guó tā xiāng rú guǒ bù shèn yí shī hù zhào, qǐng dì yí shí jiān lián xì běn guó zhù dāng dì dà shǐ guǎn xún qiú lǐng shì xié zhù.

Nếu không may bị thất lạc hộ chiếu ở nước ngoài, bạn hãy liên hệ ngay với Đại sứ quán nước mình tại địa phương để nhận hỗ trợ lãnh sự kịp thời.

33 nét

 HÁN VIỆT : **ĐẠI SỨ QUÁN**
HSK 3 (3.0)

Phó từ

#122

大约

dà yuē

khoảng chừng, ước chừng

本次国际人工智能高端论坛大约吸引了来自全球三十余个国家的顶尖学者参会。

Běn cì guó jì rén gōng zhì néng gāo duān lùn tán dà yuē xī yīn le lái zì quán qiú sān shí yú gè guó jiā de dīng jiān xué zhě cān huì.

Diễn đàn cấp cao về trí tuệ nhân tạo quốc tế lần này đã thu hút khoảng hơn 30 quốc gia có các học giả hàng đầu tham dự.

24 nét

 HÁN VIỆT : **ĐẠI YÊU**
HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ / Lượng từ

#123

代

dài

thế hệ, thời đại; thay thế, đại diện

新一代青年科学家肩负起时代赋予的历史重任，在前沿交叉科技领域勇挑重担、奋发有为。

Xīn yí dài qīng nián kē xué jiā jiān fù qǐ shí dài fù yǔ de lì shǐ zhòng rèn, zài qián yán jiāo chā kē jì lǐng yù yǒng tiǎo zhòng dān, fèn fā yǒu wéi.

Thế hệ các nhà khoa học trẻ tuổi thời đại mới gánh vác trọng trách lịch sử do thời đại trao gửi, dũng cảm gánh vác việc lớn, nỗ lực vươn lên trong các lĩnh vực khoa học công nghệ liên ngành tiên phong.

8 nét

 HÁN VIỆT : **ĐẠI**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#124

代表

dài biǎo

đại biểu, đại diện

作为优秀青年代表在联合国青年论坛上发言，展示了新时代青年的风采与担当。

Zuò wéi yōu xiù qīng nián dài biǎo zài lián hé guó qīng nián lùn tán shàng fā yán, zhǎn shì le xīn shí dài qīng nián de fēng cǎi yǔ dān dāng.

Được phát biểu với tư cách đại diện thanh niên ưu tú tại Diễn đàn Thanh niên Liên Hợp Quốc đã thể hiện trọn vẹn phong thái và trách nhiệm của thế hệ trẻ thời đại mới.

20 nét

 HÁN VIỆT : **ĐẠI BIỂU**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#125

代表团

dàibiǎotuán

đoàn đại biểu, đoàn đại diện

由顶尖院士与青年学者组成的国家高级科技代表团赴海外出席了世界科学大会并作多场大会主旨报告。

Yóu dīng jiān yuán shì yǔ qīng nián xué zhě zù chéng de guó jiā gāo jí kē jì dài biǎo tuán fù hǎi wài chū rù shì jiè kē xué dà huì zuò duō chǎng dà huì zhǔ jī bào gào.

Đoàn đại biểu đại diện khoa học công nghệ cao cấp quốc gia gồm các viện sĩ hàng đầu và học giả trẻ đã lên đường ra nước ngoài tham dự Đại hội Khoa học Thế giới và có nhiều bài báo cáo chủ đề trước đại hội.

31 nét

 HÁN VIỆT : **ĐẠI BIỂU ĐOÀN**
HSK 3 (3.0)

Động từ

#126

带动

dàidòng

lôi kéo, dẫn dắt thúc đẩy

国家级高新技术产业开发区充分发挥创新集聚优势，强力带动了区域全链条高质量转型升级。

Guó jiā jī gāo xīn jì shù chǎn yè kāi fā qū chōng fèn fā huyī chuàng xīn jí jù yōu shì, qiáng lì dài dòng le qū yù jīng jì quán liàn tiáo gāo zhì liàng zhuǎn xíng shēng jí.

Khu phát triển ngành công nghệ cao mới cấp quốc gia phát huy đầy đủ lợi thế quy tụ đổi mới sáng tạo, thúc đẩy dẫn dắt mạnh mẽ sự nâng cấp chuyển đổi chất lượng cao toàn bộ chuỗi kinh tế khu vực.

23 nét

 HÁN VIỆT : **ĐỐI ĐỘNG**



HSK 3 (3.0)

Động từ

#127

带领

dài lǐng

dẫn dắt, lãnh đạo, dẫn đầu

优秀共产党员干部带领全村乡亲大力发展现代特色设施农业与乡村旅游，走出了一条乡村振兴致富路。

Yǒu xiù gòngchǎn dǎngbù gàn bù dài lǐng quán cūn xiāngqīn dà lì fā zhǎn xiàndài tè sè shè shī nóng yè yǔ xiāng lǚ yóu, zǒu chū le yī tiáo xiāng zhèn xīng fù zhì fù lù.

Cán bộ đảng viên gương mẫu xuất sắc đã dẫn dắt toàn thể bà con dân làng đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đặc sắc hiện đại và du lịch nông thôn, bước đi trên con đường chấn hưng nông thôn làm giàu vững chắc.

17 nét

HÁN VIỆT ĐỐI LÃNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#128

单元

dān yuán

đơn nguyên, bài học, khối nhà

这本教材的每一个教学单元都围绕一个贴近现代生活的核心主题展开深入探讨。

Zhè běn jiàocái de měi yí gè jiàoxué dān yuán dōu wéi rào yí gè tiē jìn xiàndài shēnghuó de héxīn zhǔtí zhǎn kāi shēn rù tàn tǎo.

Mỗi một đơn vị bài học trong cuốn giáo trình này đều xoay quanh một chủ đề cốt lõi gần gũi với cuộc sống hiện đại để mở rộng thảo luận chuyên sâu.

26 nét

HÁN VIỆT THIỆN NGUYÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#129

当初

dāng chū

ngày trước, thuở ban đầu, lúc đầu

老一辈拓荒者们回忆起当初塞罕坝林场一穷二白、风沙遮日的艰苦岁月，无不感慨今天这片万亩绿色林海的来之不易。

Lǎo yì bèi tuò huāng zhě men huí yǐ qǐ dāng chū sāi hǎn bà lín chǎng yí qióng èr bái, fēng shā zhē rì de jiān kǔ suì yuè, wú bù gǎn kǎi jīn tiān zhè piàn bǎi wàn mǔ lǜ sè lín hǎi de lái zhī bù yì.

Những người khai hoang thế hệ đi trước nhớ lại những năm tháng gian khó thuở ban đầu khi nông trường rừng Saihanba còn hai bàn tay trắng bao cát mặt mù che khuất mặt trời, ai nấy đều không khỏi cảm khái trước sự quý giá của biển rừng xanh triệu mẫu ngày nay.

17 nét

HÁN VIỆT ĐƯƠNG SƠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#130

当地

dāng dì

địa phương, bản địa

品尝地道的当地特色美食并体验民俗节庆，是深度体验一个城市文化的绝佳方式。

Pǐn cháng dì dào dì dāng dì tè sè měi shí bìng tǐ yàn mǐn sú jié qīng, shì shēn dù tǐ yàn yí gè chéng shì wén huà de jué jiā fāng shì.

Thưởng thức món ngon đặc sản địa phương và trải nghiệm các lễ hội dân gian là cách tuyệt vời nhất để cảm nhận sâu sắc văn hóa của một thành phố.

21 nét

HÁN VIỆT ĐƯƠNG ĐỊA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#131

当然

dāng rán

Tất nhiên

想要真正学好一门外语，当然离不开持之以恒的日常积累与实践。

Xiǎng yào zhēnzhèng xué hǎo yí mén wàiyǔ, dāngrán lí bù kāi chí zhǐ yǐ héng de rì cháng jī lěi yǔ shí jiàn.

Muốn thực sự học giỏi một ngoại ngữ, đương nhiên không thể thiếu sự tích lũy và thực hành bền bỉ mỗi ngày.

19 nét

HÁN VIỆT ĐƯƠNG NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn / Thời gian

#132

当中

dāng zhōng

ở giữa, trong số, trong quá trình

在漫长艰辛的重大科学实验探索过程当中，团队骨干始终保持着百折不挠的坚韧毅力。

Zài màn cháng jiān xīn de zhòng dà kē xué shí yàn tàn sù guò chéng dāng zhōng, tuánduì gǔ gàn shǐ zhōng bǎo chí zhe bǎi zhé bù nǎo de jiān rèn yì lì.

Trong quá trình ở giữa quá trình tìm tòi thực nghiệm khoa học trọng đại gian khổ dài đằng đẳng, cán bộ cốt cán của đội luôn giữ vững nghị lực kiên cường trăm trận không lùi bước.

17 nét

HÁN VIỆT ĐƯƠNG TRUNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#133

刀

dāo

con dao

厨师手握锋利精致的雕花刀，在短短几分钟内就把普通的萝卜雕刻成了一只栩栩如生的飞鸟。

Chú shī shǒu wò fēng lì jīng zhì de diāo huā dāo, zài duǎn duǎn jǐ fēn zhōng nèi jiù bǎ pǔ tōng de luó bo diào kè chéng le yí zhī xǔ xǔ rú shēng de fēi niǎo.

Người đầu bếp cầm trên tay con dao tía hoa sắc bén tinh xảo, chỉ trong vài phút ngắn ngủi đã biến củ cải trắng bình thường thành một chú chim đang tung cánh sống động như thật.

14 nét

HÁN VIỆT ĐAO

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#134

导演

dǎo yǎn

đạo diễn, dàn dựng

这位才华横溢的青年导演凭借其极具人文关怀的现实主义新作斩获了国际大奖。

Zhè wèi cái huá héng yì de qīng nián dǎo yǎn píng jiè qí jī jù rén wén guān huái de xiàn shí zhǔ yì xīn zuò zhān huò le guó jì dà jiǎng.

Vị đạo diễn trẻ tuổi đầy tài năng này nhờ vào tác phẩm mới mang đậm tính hiện thực và tinh thần nhân văn sâu sắc đã xuất sắc đoạt giải thưởng quốc tế lớn.

18 nét

HÁN VIỆT ĐẠO DIỄN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#135

到达

dào dá

đến, tới nơi

载着科考队员和急需补给物资的运输机冒着大雪安全平稳地到达了南极科考站。

Zài zhè kē kǎo duì yuán hé jí xū bǔ jǐ wù zhì de yùn shū jī mào zhe dà xuě ān quán píng wěn de dào dá le nán jí kē kǎo zhàn.

Chiếc máy bay vận tải chở đoàn thám hiểm khoa học cùng hàng tiếp tế khẩn cấp đã bất chấp tuyết rơi dày, hạ cánh an toàn và êm ái tới trạm nghiên cứu Nam Cực.

27 nét

HÁN VIỆT ĐÁO ĐẠT



HSK 3 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#136

到底

dàodǐ

rốt cuộc, rốt cục; đến cùng (làm đến cùng)

面对复杂严峻的科技攻坚难题，科研团队以钉钉子精神一抓到底，终于彻底查明了故障根因。

Miàn duì fù zá yán jùn de kē jì gōng jiān nán tí, kē yán tuán duì yǐ dīng dīng zǐ jīng shén yī zhuā dào dǐ, zhōng yú chē dī chá míng le gù zhàng gēn yīn.

Đứng trước nan đề vượt khó khoa học công nghệ hiểm nghèo phức tạp, nhóm nghiên cứu khoa học với tinh thần đóng đinh làm đến cùng bất tay đến cùng, cuối cùng đã điều tra làm rõ triệt để nguyên nhân gốc rễ của sự cố.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ĐÁO ĐỂ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#137

地区

dì qū

khu vực, vùng, địa phương

国家出台了一系列重大支持举措，积极推动中西部地区的高质量协调发展。

Guó jiā chū tái le yī xié zhòng dà zhī chí jǔ cuò, jī jí tuī dòng zhōng xī bù dì qū de gāo zhì liàng xié tiáo fā zhǎn.

Nhà nước đã ban hành chuỗi chính sách hỗ trợ trọng điểm nhằm tích cực thúc đẩy sự phát triển đồng bộ và chất lượng cao của khu vực miền Trung và miền Tây.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA ÂU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#138

得分

dé fēn

ghi điểm, đạt điểm; điểm số đạt được

在国际人工智能创新挑战赛中，我校代表队凭借高精度算法模型获得了全场最高得分并荣获特等奖。

Zài guó jì rén gōng zhī néng chuàng xīn tiǎo zhàn sài zhōng, wǒ xiào dài biǎo duì píng jì gāo jīng dù suàn fǎ mó xíng dé yǐ quán chǎng zuì gāo dé fēn bìng róng huò tè děng jǐng.

Tại Cuộc thi Thách thức Đổi mới Sáng tạo Trí tuệ Nhân tạo Quốc tế, đội tuyển đại diện trường chúng tôi nhờ vào mô hình thuật toán độ chính xác cao đã đạt điểm số ghi điểm cao nhất toàn trường và vinh dự đoạt giải đặc biệt.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: ĐẮC PHẦN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#139

等待

děng dài

chờ đợi, đón đợi

经过漫长而焦急的数周等待，实验室终于迎来了全基因组测序分析的最终结果。

Jīng guò màn cháng ér jiāo jí de shù zhōu děng dài, shí yàn shì zhōng yú yíng lái le quán jǐ zǔ yīn zǔ cè xù fēn xī de zuì zhōng jié guǒ.

Trải qua nhiều tuần lễ chờ đợi đằng đẳng và hồi hộp, phòng thí nghiệm cuối cùng cũng đón nhận kết quả phân tích giải trình tự toàn bộ hệ gen cuối cùng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐẲNG ĐẲI

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#140

底下

dǐ xia

dưới, bên dưới, phía dưới

在数千米深度的极端海底地层底下，深海钻探装备成功获取到了珍贵的可燃冰实物样品。

Zài shù qiān mǐ shēn dù de jí duān hǎi dī dī céng dī xià, shēn hǎi zuān tàn zhuāng bèi chéng gōng huò qǔ dào le zhēn guì de kě rán bīng shí wù yàng pǐn.

P phía dưới bên dưới tầng địa chất đáy biển cực đoạn ở độ sâu vài ngàn mét, thiết bị khoan biển sâu đã thu thập thành công mẫu vật thực thể băng cháy vô giá.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ HẠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#141

电视剧

diànshìjù

phim truyền hình, phim bộ nhiều tập

这部深刻反映我国战略科学家研制大国重器艰辛奋斗历程的电视剧，在全国播映后引发广泛热烈赞誉。

Zhè bù shēn kè fǎn yǐng wǒ guó zhàn lüè kē xué jiā yán zhì dà guó zhòng qì jiān xīn fèn dòu lì chéng de diàn shì jù, zài quán guó bō yǐng hòu yīn fā guǎng fàn rè liè zàn yǔ.

Bộ phim truyền hình phim bộ phản ánh sâu sắc chặng đường phấn đấu gian khổ nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia của các nhà khoa học chiến lược nước ta sau khi phát sóng trên toàn quốc đã tạo nên sự ngợi khen nhiệt liệt rộng rãi.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN THỊ KỊCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#142

电视台

diànshìtái

đài truyền hình

国家电视台通过全数字化超高清卫星直播频道，向全球实时直播了中国空间站航天员出舱太空行走盛况。

Guó jiā diàn shì tái tōng guò quán shù zì huà chāo gāo qīng wèi xīng zhí bō pín dào, xiàng quán qiú shí shí zhí bō le zhōng guó kōng jiān zhàn háng tiān yuán chū cāng tài kōng xíng zǒu shèng kuàng.

Đài truyền hình quốc gia thông qua kênh phát sóng vệ tinh siêu nét số hóa toàn diện đã truyền hình trực tiếp theo thời gian thực tới toàn cầu sự kiện hoành tráng phi hành gia Trạm vũ trụ Trung Quốc bước ra ngoài không gian.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN THỊ ĐÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#143

电台

diàn tái

đài phát thanh, đài truyền thanh

每当夜深人静时，收听这家经典音乐广播电台的深夜怀旧栏目总能让人内心倍感宁静。

Měi dāng yè shēn rén jìng shí, shōu tīng zhè jiā jīng diǎn yīn yuè guǎng bō diàn tái de shēn yè huái jì lǎn mù zǒng néng ràng rén nèi xīn bèi gǎn níng jìng.

Mỗi khi đêm về thanh vắng, lắng nghe chuyên mục hoài niệm đêm muộn của đài phát thanh âm nhạc cổ điển này luôn khiến lòng người cảm thấy vô cùng an yên.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN ĐÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#144

电子邮件

diànzǐ yóujiàn

thư điện tử, email

导师通过电子邮件及时向课题组成员发送了国际学术会议论文录用通知与参会指南。

Dǎo shī tōng guò diàn zǐ yóu jiàn jí shí xiàng kè tí zǔ chéng yuán fā sòng le guó jì xué shù huì yì lùn wén lǔ yòng tōng zhī yǔ cān huì zhǐ nán.

Người thầy hướng dẫn thông qua thư điện tử email đã kịp thời gửi thông báo trúng tuyển bài báo hội nghị học thuật quốc tế cùng bản hướng dẫn tham dự cho các thành viên nhóm đề tài.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN TỬ BƯU KIẾN


HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#145

调

tiáo

điều chỉnh, điều tiết; giai điệu thanh điệu

技术员在实验前细心调试高精度光谱分析仪，确保各项波长参数处于最佳工作状态。
 Jì shù yuán zài shí yǎn qián xīn xīn tiáo shì gāo jīng dù guāng pǔ fēn xī yí, què bǎo gè xiàng bō cháng cān shù chǔ yú zuì jiā gōng zuò zhuàng tài.
 Kỹ thuật viên trước khi làm thực nghiệm đã cẩn thận điều chỉnh hiệu chỉnh máy phân tích quang phổ độ chính xác cao, bảo đảm các tham số bước sóng đều ở trạng thái hoạt động tối ưu nhất.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#146

调查

diào chá

điều tra

老师鼓励大家积极调查，勇于探索新的知识。
 lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diào chá, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
 Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điều tra, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU TRA

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#147

调整

tiáo zhěng

điều chỉnh, sắp xếp lại

面对复杂严峻的国际经贸形势，企业敏锐调整产品出口结构、加快布局多元化全球新兴市场。
 Miàn duì fù zá yǎn jùn de guó jì jīng mào xíng shì, qì yè mǐn ruì tiáo zhěng chǎn pǐn chū kǒu jié gòu, jiǎ kuài bù jú duō yuán huà quán qiú xīn xīng shì chǎng.
 Đứng trước tình hình kinh tế thương mại quốc tế phức tạp khắc nghiệt, doanh nghiệp đã nhanh nhạy điều chỉnh cơ cấu xuất khẩu sản phẩm, khẩn trương mở rộng sang các thị trường mới nổi toàn cầu đa dạng.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU CHỈNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#148

订

dìng

đặt hàng

老师鼓励大家积极订，勇于探索新的知识。
 lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dìng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
 Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đặt hàng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐÍNH

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Danh từ

#149

定期

dìng qī

định kỳ, theo định kỳ; tiền gửi có kỳ hạn

国家特种设备检验研究院对全国运行的大型客运索道与大型游乐设施实行极其严格的定期安全探伤检测。
 Guó jiā tè zhòng shè bèi jiǎn yàn yán jiū yuán duì quán guó yùn xíng de dà xíng kè yùn suǒ dào yǔ dà xíng yóu lè shè shī shí xíng jí qí yán gē de dìng qī ān quán tàn shāng jiǎn cè.
 Viện Nghiên cứu Kiểm định Thiết bị Đặc chủng Quốc gia thực thi công tác kiểm tra dò khuyết tật an toàn định kỳ vô cùng nghiêm ngặt đối với các tuyến cáp treo chở khách cỡ lớn và thiết bị vui chơi giải trí lớn đang vận hành trên toàn quốc.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH KỲ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#150

东部

dōng bù

miền Đông, phía đông, khu vực phía đông

我国东部沿海地区对外开放程度高、创新要素密集，是引领全国高新技术产业发展的重要龙头。
 Wǒ guó dōng bù yán hai dì qū duì wài kāi fàng chéng dù gāo, chuàng xīn yào sù mì jí, shì yǐn lǐng quán guó gāo xīn jì shù chǎn yè fā zhǎn de zhòng yào lóng tóu.
 Khu vực duyên hải miền Đông phía đông nước ta có độ mở cửa đối ngoại cao, các yếu tố đổi mới sáng tạo tập trung dày đặc, là đầu tàu quan trọng dẫn dắt sự phát triển ngành công nghệ cao mới của cả nước.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#151

动力

dòng lì

động lực, nguồn động năng, lực đẩy

高水平科技自立自强是推动经济社会高质量发展与实现中国式现代化的核心动力源泉。
 Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng shì tuī dòng jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn yǔ shí xiàn zhōng guó shì xiàn dài huà de hé xīn dòng lì yuán quán.
 Tự chủ tự cường khoa học công nghệ ở trình độ cao chính là cội nguồn động lực hạt nhân thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển chất lượng cao và hiện thực hóa hiện đại hóa đất nước.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG LỰC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#152

动人

dòng rén

cảm động, lay động lòng người, truyền cảm

青年志愿者扎根边疆支教奉献的动人事迹，在广大高校师生中引起了极其强烈的热烈反响。
 Qīng nián zhì yuàn zhě zhā gēn biān jiāng zhī jiào fèng xiàn de dòng rén shì jì, zài guāng dà gāo xiào shī shēng zhōng yīn qǐ le jí qí qiáng liè de rè liè fǎn xiǎng.
 Những tấm gương câu chuyện sự tích cảm động lay động lòng người của các tình nguyện viên trẻ cắm bản nơi biên cương cống hiến dạy học đã tạo nên sự hưởng ứng nhiệt liệt vô cùng mạnh mẽ trong đông đảo thầy cô và sinh viên đại học.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG NHÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#153

读者

dú zhě

độc giả, bạn đọc

这部深刻反映新时代大国重器研发历程的长篇报告文学，深深打动了全国各地的广大读者。
 Zhè bù shēn kè fǎn yǐng xīn shí dài dà guó zhòng qì yán fā lì chéng de cháng piān bào gào wén xué, shēn shēn dǎ dòng le quán guó gè dì de guāng dà dú zhě.
 Tác phẩm văn học phóng sự dài tập phản ánh sâu sắc chặng đường nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia thời đại mới này đã làm lay động sâu sắc đông đảo độc giả bạn đọc trên khắp cả nước.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỘC GIẢ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#154

短处

duǎnchū

điểm yếu, sở đoản, khuyết điểm

青年人在成长过程中要勇于正视自身的短处与不足，在虚心求教与刻苦实践中扬长避短、不断完善自我。

Qīng nián rén zài chéng zhǎng guò chéng zhōng yào yǒng yú zhèng shì zì shēn de duǎn chù yǔ bù zú, zài xīn xū qiú jiào yǔ kù kǔ shí jiàn zhōng yáng cháng bì duǎn, bù duàn wán shàn zì wǒ.

Thanh niên trong quá trình trưởng thành cần dũng cảm đối diện thẳng thắn với những điểm yếu sở đoản và thiếu sót của bản thân, phát huy sở trường hạn chế sở đoản và không ngừng hoàn thiện chính mình trong thực tiễn chăm chỉ và khiêm tốn thỉnh giáo.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : ĐOÀN XỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#155

短裤

duǎnkù

quần soóc, quần đùi, quần cộc

炎热的夏日午后，运动健儿们换上透气轻便的运动短裤，在田径场上开展体能强化训练。

Yán rè de xià rì wú hòu, yùn dòng jiàn ér men huàn shàng tòu qì qīng biǎn de yùn dòng duǎn kù, zài tián jīng chǎng shàng kāi zhǎn tǐ néng qiáng huà xùn liàn.

Vào buổi chiều hè oi ả, các vận động viên thể thao đã thay bộ quần soóc quần đùi thể thao nhẹ nhàng thoáng khí, triển khai các bài huấn luyện tăng cường thể lực trên sân điền kinh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : ĐOÀN KHỐ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#156

短期

duǎn qī

ngắn hạn

在面对复杂的挑战时，保持短期的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí duǎn qī de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái ngắn hạn đặc biệt quan trọng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : ĐOÀN KỲ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ / Phó từ

#157

断

duàn

đứt, gãy; cắt đứt, gián đoạn; kiên quyết

高强度通信光缆具有极强的抗拉抗压性能，在极端深海底恶劣环境下依然能保持信号稳定不断。

Gāo qiáng dù tōng xìn guāng lǎn jù yǒu jí qiáng de kàng lā kàng yā xìng néng, zài jí duān shēn hǎi hǎi dī è liè huán jīng xià yī rán néng bǎo chí xìn hào wěn dìng bù duàn.

Cáp quang thông tin cường độ cao sở hữu tính năng chịu áp lực và chống co giãn cực mạnh, trong môi trường khắc nghiệt dưới đáy biển sâu cực đoan vẫn có thể duy trì tín hiệu ổn định không bị đứt gián đoạn.

📖 11 nét

HÁN VIỆT : ĐOẠN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#158

队员

duìyuán

đội viên, thành viên trong đội

国家高山科考队全体队员克服高原严寒缺氧等极限挑战，成功登顶珠峰并采集到了关键冰芯样品。

Guó jiā gāo shān kǎo duì quán tǐ duì yuán kè fú gāo yuán yán hán quē yǎng děng jí xiàn tiǎo zhàn, chéng gōng dēng dǐng zhǔ fēng bīng cǎi jí dào le guān jiàn bīng xīn yàng pǐn.

Toàn thể đội viên thành viên đội khảo sát khoa học núi cao quốc gia đã khắc phục các thách thức giới hạn như thiếu oxy, giá rét cực độ vùng cao nguyên, leo lên đỉnh Everest thành công và thu thập được mẫu lõi băng then chốt.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : ĐỘI VIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#159

对待

duì dài

đối đãi, đối xử, đối diện với

对待学术研究必须始终保持严谨务实、精益求精的态度，切不可有半点弄虚作假。

Duì dài xué shù yán jiū bì xū shǐ zhōng bǎo chí yǎn jìn wú shí, jīng yì qiú jīng de tài dù, qìe bù kě yǒu bàn diǎn nuò xué zào jiǎ.

Đối với nghiên cứu học thuật nhất thiết phải luôn giữ thái độ cẩn trọng thực tế và cầu toàn hoàn hảo, tuyệt đối không được phép có bất kỳ sự giả dối làm màu nào.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ĐỐI ĐÃI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#160

对方

duì fāng

đối phương, bên kia, đối tác

在国际商务谈判中，充分尊重对方的文化传统与核心关切是促成双赢合作的基础。

Zài guó jì shāng wù tán pàn zhōng, chōng fèn zūn zhòng duì fāng de wén huà chuán tǒng yǔ hé xīn guān qiè shì cù chéng shuāng yíng hé zuò de jī chǔ.

Trong đàm phán thương mại quốc tế, việc tôn trọng đầy đủ truyền thống văn hóa và mối quan tâm cốt lõi của đối tác là nền tảng thúc đẩy hợp tác cùng có lợi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : ĐỐI PHƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#161

对手

duì shǒu

đối thủ, đối trọng

在激烈的乒乓球世锦赛男单决赛中，两位顶尖选手棋逢对手，为观众奉献了一场巅峰对决。

Zài jī lì de pīng pāng qiú shì jìn sài nán dān jué sài zhōng, liǎng wèi dīng jiān xuān shòu qí féng duì shǒu, wèi guān zhòng fèng xiàn le yī chǎng diǎn fēng duì jué.

Trong trận chung kết đơn nam Giải Vô địch Bóng bàn Thế giới này lửa, hai tay vợt đỉnh cao kỳ phùng địch thủ đã cống hiến cho khán giả một màn so tài đỉnh cao mãn nhãn.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : ĐỐI THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#162

对象

duì xiàng

đối tượng; người yêu, bạn đời

这项面向全国青少年的科普创新计划，主要帮扶对象是偏远山区的乡村中小学。

Zhè xiàng miàn xiàng quán guó qīng shào nián de kē pǔ chuàng xīn jì huà, zhǔ yào bāng fú duì xiàng shì piān yuǎn shān qū de xiāng cūn zhōng xué.

Dự án đổi mới phổ biến khoa học hướng tới thanh thiếu niên toàn quốc này có đối tượng trợ giúp trọng tâm là các trường tiểu học và trung học cơ sở vùng sâu vùng xa.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : ĐỐI TƯỢNG



HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#163

顿
dùn

bữa (ăn), trận (đòn) [lượng từ]

除夕之夜全家老少团聚在一起，开开心心地享用了一顿丰盛美味的年夜饭。

Chú xī zhī yè quán jiā lǎo shào tuán jù zài yì qǐ, kāi kāi xīn xīn de xiǎng yòng le yí dùn fēng shèng měi wèi de nián yè dà cān.

Đêm Giao thừa cả nhà già trẻ quây quần sum họp bên nhau, vui vẻ thưởng thức một bữa tiệc tất niên thịnh soạn và ngon lành.

8 nét

HÁN VIỆT ĐỐN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#164

发表
fā biǎo

công bố, phát biểu, đăng bài (báo, tạp chí)

该青年科研团队在国际顶级科学期刊《自然》上发表了关于高温超导机制的重磅论文。

Gāi qīng nián kē yán tuán duì zài guó jì dīng jí kē xué qī kān 《zì rán》 shàng fā biǎo le gāo wēn chāo dǎo jī zhì de zhòng bàng lùn wén.

Nhóm nghiên cứu khoa học trẻ này đã công bố bài báo khoa học mang tính bước ngoặt về cơ chế siêu dẫn nhiệt độ cao trên tạp chí khoa học hàng đầu thế giới 'Nature'.

22 nét

HÁN VIỆT PHÁT BIỂU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#165

发出
fā chū

phát ra, đưa ra (tín hiệu, âm thanh, lời kêu gọi)

国家气象卫星监测系统提前向防汛抗旱指挥部发出了特大暴雨橙色预警信号。

Guó jiā qì xiàng wèi xīng jiān cè xī tóng tí qián xiàng fáng xùn kǎng hàn zhǐ huī bù fā chū le tè dà bào yǔ chéng sè yù jǐng xìn hào.

Hệ thống quan trắc vệ tinh khí tượng quốc gia đã đưa ra phát ra tín hiệu cảnh báo màu cam về mưa bão đặc biệt lớn trước thời hạn cho Ban Chỉ huy Phòng chống Thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn.

18 nét

HÁN VIỆT PHÁT XUẤT

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#166

发达
fā dá

phát triển, thịnh vượng, phát đạt

我国建成了全球规模最大、技术领先、覆盖广泛的高速铁路与现代综合立体交通发达网络。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, jì shù lǐng xiān, fù gài guǎng fàn de gāo sù tiě lù yǔ xiàn dài zōng hé lì tǐ jiāo tōng fā dá wǎng luò.

Nước ta đã xây dựng thành công mạng lưới giao thông tổng hợp hiện đại phát triển với đường sắt cao tốc quy mô lớn nhất thế giới, công nghệ dẫn đầu và độ bao phủ rộng khắp.

24 nét

HÁN VIỆT PHÁT ĐẠT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#167

发动
fā dòng

phát động, khởi động (chiến dịch, động cơ)

基层党组织广泛发动群众、紧密依靠群众，汇聚起了建设美丽宜居乡村的磅礴群众智慧与力量。

Jī céng dǎng zǔ zhǐ guǎng fàn fā dòng qún zhòng, jìn mǐ yī kào qún zhòng, huì jù qǐ le jiàn shè měi lì yí jū xiāng cūn de páng bó qún zhòng zhì huì yǔ lì liàng.

Tổ chức Đảng ở cơ sở đã phát động rộng rãi quần chúng nhân dân, dựa chặt vào nhân dân, quy tụ nên trí tuệ và sức mạnh quần chúng vô cùng to lớn để xây dựng những làng quê tươi đẹp đáng sống.

24 nét

HÁN VIỆT PHÁT ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#168

发明
fā míng

phát minh, sáng chế

造纸术与指南针等中国古代四大发明，对人类文明的历史进程产生了极其深远的影响。

Zào zhǐ shù yǔ zhǐ nán zhēn děng zhōng guó gǔ dài sì dà fā míng, duì rén lèi wén míng de lì shǐ jìn chéng chǎn shēng le jí qí shēn yuǎn de yǐng xiǎng.

Bốn phát minh vĩ đại thời cổ đại của Trung Quốc như kỹ thuật làm giấy, la bàn... đã mang lại tầm ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đối với tiến trình lịch sử văn minh nhân loại.

20 nét

HÁN VIỆT PHÁT MINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#169

发生
fā shēng

xảy ra, phát sinh

遇到突发紧急安全事故时，我们要保持镇定，第一时间拨打救援电话并迅速撤离。

Yù dào tū fā jīn jí ān quán shì gù shí, wǒ men yào bǎo chí zhèng dīng, dì yí shí jiān bō dǎ jiù yuán diàn huà bìng xùn sù ché lí.

Khi xảy ra sự cố an toàn khẩn cấp bất ngờ, chúng ta cần giữ bình tĩnh, gọi điện thoại cứu hộ ngay lập tức và nhanh chóng sơ tán.

20 nét

HÁN VIỆT PHÁT SINH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#170

发送
fā sòng

gửi đi, phát đi (tín nhắn, dữ liệu, tin hiệu)

中国空间站核心舱通过高速微波通信链路向地面控制中心实时发送全景高清科学实验视频。

Zhōng guó kōng jiān zhàn hé xīn cāng tōng guò gāo sù wēi bō tōng xìn liàn lù xiàng dì miàn kòng zhòng zhī zhōng xīn shí shí fā sòng quán jǐng kē xué shí yàn shì pín.

Khoang lõi Trạm vũ trụ Trung Quốc thông qua đường truyền thông tin vi ba tốc độ cao đã truyền tải gửi đi video thực nghiệm khoa học độ phân giải siêu nét toàn cảnh theo thời gian thực về trung tâm điều khiển mặt đất.

21 nét

HÁN VIỆT PHÁT TỔNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#171

发言
fā yán

phát biểu, bài phát biểu

在联合国气候变化大会上，我国青年代表围绕绿色可持续发展发表了精彩发言。

Zài lián hé guó qì hòu biàn huà dà huì shàng, wǒ guó qīng nián dài biǎo wéi rào lǜ sè kè chí xù fā zhǎn fā biǎo le jīng cǎi fā yán.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Khí hậu Liên Hợp Quốc, đại diện thanh niên nước ta đã có bài phát biểu truyền cảm hứng xuất sắc xoay quanh chủ đề phát triển xanh bền vững.

24 nét

HÁN VIỆT PHÁT NGÔN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#172

发展

fā zhǎn

phát triển

科技创新与绿色低碳转型正在成为推动当今世界经济可持续高质量发展的双引擎。

Kē jī chuàng xīn yǐ lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng zhèng zài chéng wéi tuī dòng dāng jīn shì jì jīng jì kè chí xù gāo zhì liàng fā zhǎn de shuāng yīn qíng.

Đổi mới sáng tạo công nghệ và chuyển đổi xanh giảm phát thải carbon đang trở thành động cơ kép thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển bền vững và chất lượng cao.

23 nét

HÁN VIỆT: PHÁT TRIỂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#173

反对

fǎn duì

phản đối, không đồng ý

在方案研讨会上，大家各抒己见，对存在潜在安全风险的部分设计条款明确提出了反对意见。

Zài fāng àn yán tǎo huì shàng, dà jiā gè shū jǐ jiàn, duì cún zài ān quán fēng xiǎn de bù fèn shè jì tiáo kuǎn míng què tí chū le fǎn duì yì jiàn.

Tại cuộc họp thảo luận phương án, mọi người đã thẳng thắn bày tỏ ý kiến và kiên quyết đưa ra quan điểm phản đối đối với một số điều khoản thiết kế tiềm ẩn rủi ro an toàn.

25 nét

HÁN VIỆT: PHẢN ĐỐI

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Động từ

#174

反复

fǎn fù

lặp đi lặp lại, nhiều lần; tráo trở

经过研发团队对核心算法模型进行反复测试与调优，系统识别准确率终于突破了99%。

Jīng guò yán fā tuán duì hé xīn suàn fǎ mó xíng jìn xíng fǎn fù cè shì yǔ tiáo yōu, xì tǒng shí bié zhǔn què lǜ zhōng yú tú pò le 99%.

Sau khi nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm thử và tinh chỉnh lặp đi lặp lại nhiều lần đối với mô hình thuật toán cốt lõi, độ chính xác nhận diện của hệ thống cuối cùng đã bứt phá vượt qua mức 99%.

26 nét

HÁN VIỆT: PHẢN PHỤC

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#175

反应

fǎn yìng

phản ứng (hóa học, cơ thể, dư luận)

在催化剂的高效作用下，反应釜内的化学合成反应在常温常压下平稳高效地进行。

Zài cuī huà jì de gāo xiào zuò yòng xià, fǎn yìng fú nòng de huà xué hé chéng fǎn yìng zài cháng wēn cháng yā xià píng wěn gāo xiào dì jìn xíng.

Dưới tác dụng hiệu quả cao của chất xúc tác, phản ứng tổng hợp hóa học bên trong nồi phản ứng đã diễn ra êm ái và hiệu suất cao ngay tại điều kiện nhiệt độ và áp suất thường.

27 nét

HÁN VIỆT: PHẢN ỨNG

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#176

反正

fǎn zhèng

dù sao, đằng nào thì

今天时间还很充裕，反正顺路，我们顺便去参观一下附近新建的美术馆吧。

Jīn tiān shí jiān hái hěn chōng yǔ, fǎn zhèng shùn lù, wǒ men shùn biān qù cān guān yì xià fù jìn xīn jiàn de měi shù guǎn ba.

Hôm nay thời gian vẫn còn rất dư dả, đằng nào cũng tiện đường, chúng mình cùng ghé vào tham quan viện bảo tàng mỹ thuật mới xây gần đây luôn nhé.

23 nét

HÁN VIỆT: PHẢN CHÍNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#177

范围

fàn wéi

phạm vi, quy mô

随着数字化技术的广泛普及，智慧政务服务的覆盖范围已经延伸到了偏远农村社区。

Suí zhāo shù zì huà jì shù de guǎng fàn pǔ jí, zhì huì zhèng wù fú wù de fù gài fàn wéi yì jīng yǎn shēn dào le piǎn yuǎn nóng cūn shè qū.

Cùng với sự phổ cập sâu rộng của công nghệ số, phạm vi bao phủ của các dịch vụ hành chính công thông minh đã vươn tới tận các cộng đồng nông thôn vùng sâu vùng xa.

18 nét

HÁN VIỆT: PHẠM VI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#178

方式

fāng shì

phương thức, cách thức

随着数字化转型的全面推进，线上协同办公正在成为现代企业极其普遍的工作方式。

Suí zhāo shù zì huà zhuǎn xíng de quán miàn tuī jìn, xiàn shàng xié tóng bàn gōng zhèng zài chéng wéi xiàn dài qǐ yè jí qí pǔ biàn de gōng zuò fāng shì.

Cùng với sự đẩy mạnh toàn diện của chuyển đổi số, làm việc phối hợp trực tuyến đang trở thành phương thức làm việc vô cùng phổ biến của các doanh nghiệp hiện đại.

20 nét

HÁN VIỆT: PHƯƠNG THỨC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#179

防

fáng

phòng, phòng chống, phòng ngừa

防患于未然是科学管理的重要准则，我们要全面建立健全高标准的实验室安全防护预警机制。

Fáng huàn yú wèi rán shì kē xué guǎn lǐ de zhòng yào zhǔn zé, wǒ men yào quán miàn jiàn lì jiàn quán gāo biāo zhǔn de shí yàn shì ān quán fáng hù yǐ jī zhì.

Phòng ngừa từ khi chưa xảy ra hiểm họa là chuẩn tắc quan trọng của quản lý khoa học, chúng ta cần xây dựng hoàn thiện toàn diện cơ chế cảnh báo sớm và phòng chống an toàn phòng thí nghiệm tiêu chuẩn cao.

14 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#180

防止

fáng zhǐ

phòng ngừa, ngăn ngừa, đề phòng

在大型水利工程施工过程中，必须全流程采取边坡加固与防渗截流举措，坚决防止可能引发的山体滑坡与次生地质灾害。

Zài dà xíng shuǐ lì gōng chéng shī gōng chéng zhōng, bì xū quán liú chéng cái qǔ biān pō jiā gù yǔ fáng shèn jié liú jǔ cuò, jiǎn jué fáng zhǐ kě néng yīn fā de shān tǐ huá pō yǐ cì shēng dì zhì zài hài.

Trong quá trình thi công các công trình thủy lợi quy mô lớn, bắt buộc phải áp dụng các giải pháp gia cố mái dốc và chống thấm ngăn dòng trong toàn bộ quy trình, kiên quyết phòng ngừa nguy cơ sạt lở núi và thảm họa địa chất thứ cấp có thể xảy ra.

23 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG CHỈ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#181

房东

fángdōng

chủ nhà (cho thuê)

这位和蔼可亲的房东阿姨不仅按时帮租客检修家电，逢年过节还常常送来热气腾腾的手工水饺。

Zhè wèi hé'ǎi kě qīn de fángdōng ē yí bú jìn àn shí bāng zū kè jiǎn xiū jiǎ diàn, féng nián guò jié hái cháng cháng sòng lái rè qì téng téng de shǒu gōng shuǐ jiǎo.

Bác chủ nhà hiền hậu và dễ mến này không chỉ sửa chữa bảo dưỡng đồ điện gia dụng đúng hẹn cho khách thuê, mà mỗi dịp lễ tết còn thường xuyên mang sang biếu những đĩa sủi cào tự tay làm nóng hổi.

20 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG ĐÔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#182

房屋

fángwū

nhà cửa, nhà ở, công trình xây dựng nhà

灾区灾后重建工作坚持高标准抗震设计，确保新建的农村居民房屋既安全稳固又节能环保。

Zāi qū zāi hòu chóng jiàn gōng zuò jiān chí gāo biǎo zhǔn kàng zhèn shè jì, què bǎo xīn jiàn de nóng cūn jū mǐn fáng wū jì ān quán wěn gù yòu jié néng huán bǎo.

Công tác tái thiết sau thiên tai của vùng lũ giữ vững thiết kế kháng chấn tiêu chuẩn cao, bảo đảm nhà ở nhà cửa của bà con nông thôn mới xây vững chắc an toàn lại vừa tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG ỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#183

房租

fángzū

tiền thuê nhà

为了支持新毕业大学生创新创业，市科技园区出台了首年全额减免青年人公寓房租的优惠政策。

Wèi le zhī chí xīn bì yè dà xué shēng chuàng xīn chuàng yè, shì kējì yuán qū chū tái le shǒu nián quán é jiǎn miǎn qīng nián rén cái gōng yú fáng zū de yōu huì zhèng cè.

Nhằm hỗ trợ sinh viên đại học mới tốt nghiệp đổi mới sáng tạo khởi nghiệp, Khu Công viên Khoa học Công nghệ thành phố đã ban hành chính sách ưu đãi miễn giảm toàn bộ tiền thuê nhà chung cư nhân tài trẻ trong năm đầu tiên.

16 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG TÔ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#184

访问

fǎng wèn

thăm, viếng thăm

应东道国政府盛情邀请，代表团将于下周开启对东南亚多国的正式友好访问。

Yīng dōng dào guó zhèng fǔ shèng qíng yāo qǐng, dài biǎo tuán jiāng yú xià zhōu kāi qǐ duì dòng nán yà duō guó de zhèng shì yǒu hǎo fǎng wèn.

Nhận lời mời thịnh tình của chính phủ nước chủ nhà, phái đoàn đại biểu sẽ bắt đầu chuyến thăm hữu nghị chính thức tới các nước Đông Nam Á vào tuần tới.

22 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG VẤN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#185

放到

fàngdào

đặt vào, để vào trong

实验员在完成生物组织切片取样后，细心地将样品放到超低温冷冻保存箱中密封冷藏。

Shí yàn yuán zài wán chéng shēng wù zǔ zhī qiē piàn qǔ yàng hòu, xì xīn dì jiāng yàng pǐn fàng dào chāo dī wēn lěng dòng bǎo cún xiāng zhōng mì fēng lěng cáng.

Thí nghiệm viên sau khi hoàn thành lấy mẫu lát cắt mô sinh học đã cẩn thận đặt vào để vào trong tủ đông bảo quản siêu nhiệt độ thấp để ướp lạnh niêm phong.

25 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG ĐÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#186

飞行

fēixíng

bay, bay lượn; chuyển bay

我国完全自主研制的大型民用客机在经历数千小时极端气象飞行测试后，展现出了卓越的安全性能。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de dà xíng mǐn yòng kè jī jīng lì shù qiān xiǎo shí jí duān qì xiàng fēi xíng cè shì hòu, zhǎn xiǎn chū le zhuó yuè de ān quán xíng néng.

Chiếc máy bay chở khách dân dụng cỡ lớn do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo sau khi trải qua hàng ngàn giờ kiểm tra chuyển bay bay thử trong thời tiết khí tượng cực đoan đã phô diễn tính năng an toàn trác việt.

24 nét

HÁN VIỆT: PHI HÀNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#187

费

fèi

chi phí, lệ phí; tiêu tốn, hao tổn

政府大力推行减税降费政策，切实减轻了广大中小微企业科技创新型企业的运营成本与税费负担。

Zhèng fǔ dà lì tuī xíng jiǎn shuì jiàng fèi zhèng cè, qiè shí jiǎn qīng le guǎng dà zhōng xiǎo wēi kè jī chuàng xīn xíng qì yè de yùn yíng chéng běn yǔ shuì fèi fù dān.

Chính phủ ra sức thực thi chính sách giảm thuế giảm phí lệ phí, giảm nhẹ thiết thực gánh nặng chi phí vận hành và thuế phí cho đông đảo các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ vừa và nhỏ.

13 nét

HÁN VIỆT: PHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#188

费用

fèi yòng

chi phí, viện phí, kinh phí

通过优化供应链仓储物流管理，该制造企业大幅降低了产品全生命周期的综合运营成本。

Tōng guò yōu huà gòng yìng lián cāng chǔ wù liú guǎn lǐ, gāi zhì zào qì yè dà fú jiàng dī le chǎn pǐn quán shēng mìng zhōu qī de zōng hé yùn yíng fèi yòng.

Thông qua việc tối ưu hóa quản lý kho bãi logistics trong chuỗi cung ứng, doanh nghiệp sản xuất này đã hạ giảm đáng kể tổng chi phí vận hành trong toàn bộ vòng đời sản phẩm.

25 nét

HÁN VIỆT: PHÍ DỤNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Phó từ / Danh từ

#189

分别

fēn bié

chia tay, biệt ly; lần lượt, riêng rẽ; sự khác biệt

大学毕业典礼结束后，朝夕相处四年的同窗挚友们依依不舍地分别，奔赴祖国大江南北。

Dà xué bì yè diǎn lǐ jié shù hòu, zhāo xī xiāng chǔ sì niǎn de tóng chuāng zhì yǒu men yī yī bù shě de fēn bié, bēn fú zú guó dà jiāng nán běi.

Sau khi lễ tốt nghiệp đại học khép lại, những người bạn thân thiết sớm tối bên nhau suốt 4 năm bịn rịn chia tay, hăng hái tỏa đi muôn nẻo đường của Tổ quốc.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÂN BIỆT



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#190

分配

fēn pèi

phân bổ, phân phối, phân chia

在分布式云计算架构中，负载均衡器负责将海量并发用户请求科学高效地分配至各个计算节点。

Zài fēn bù shì yún jì suàn jià gòu zhōng, fù zài jūn héng qì fù zé jiāng hǎi liàng bìng fā yòng hù qǐng qiú kē xué gāo xiào dì fēn pèi zhì gē gē jì suàn jié diǎn.

Trong kiến trúc điện toán đám mây phân tán, bộ cân bằng tải chịu trách nhiệm phân bổ các yêu cầu truy cập đồng thời khổng lồ của người dùng tới các nút tính toán một cách khoa học và hiệu quả.

27 nét

HÁN VIỆT: PHÂN PHỐI

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#191

分组

fēn zǔ

chia nhóm, phân tổ; nhóm phân chia

在跨学科创新实践研讨课上，教授将全班同学分组展开专题科研方案设计与公开答辩。

Zài kuà xué kē chuāng xīn shí jiàn yán tào kè shàng, jiào shòu jiāng quán bān tóngxué fēn zǔ zhān kāi zhuān tí kē yán fāng àn shè jì yǔ gōng kāi dá biàn.

Trong tiết học thảo luận thực tiễn đổi mới sáng tạo liên ngành, giáo sư đã chia nhóm phân tổ toàn thể các bạn học sinh trong lớp để triển khai bảo vệ công khai và thiết kế phương án nghiên cứu khoa học chuyên đề.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÂN TỔ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#192

丰富

fēng fù

phong phú, dồi dào, làm phong phú

大学图书馆藏书丰富，不仅有古今中外各类名著，还有海量的全球前沿学术期刊数据库。

Dà xué tú shū guǎn cáng shū fēng fù, bù jǐn yǒu gù jīn zhōng wài gè lèi míng zhù, hái yǒu hǎi liàng de quán qiú qián yán xué shù qī kǎn shù jù kù.

Thư viện trường đại học tàng trữ sách vở vô cùng phong phú, không chỉ có các tác phẩm danh tiếng xưa nay trong ngoài nước mà còn có kho cơ sở dữ liệu tạp chí học thuật quốc tế khổng lồ.

20 nét

HÁN VIỆT: PHONG PHÚ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#193

风险

fēng xiǎn

rủi ro, hiểm họa, mạo hiểm

在瞬息万变的全球金融市场中，建立健全动态智能风险预警与控制机制至关重要。

Zài shùn xī wàn biàn de quán qiú jīn róng shì chǎng zhōng, jiàn lì jiàn quán dòng tài zhì néng fēng xiǎn yǔ jǐng yù kòng zhì jī zhì zhì guǎn zhōng yào.

Trong thị trường tài chính toàn cầu biến chuyển từng giây từng phút, việc thiết lập và hoàn thiện cơ chế cảnh báo và kiểm soát rủi ro thông minh mang tính động lực có ý nghĩa sống còn.

23 nét

HÁN VIỆT: PHONG HIỂM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#194

否定

fǒu dìng

phủ định, bác bỏ, phủ nhận

科学探索从来不是一蹴而就的，真理往往是在对既有旧学说的不断扬弃与否定中逐步被发现的。

Kē xué tàn suǒ cóng lái bú shì yí cù ér jiù de, zhēn lǐ wǎng wǎng shì zài duì jǐ yǒu jiù xué shuō de bù duàn yáng qì yǔ fǒu dìng zhōng zhú bù bèi fā xiàn de.

Thăm hiểm khoa học chưa bao giờ là chuyện một sớm một chiều, chân lý thường từng bước được khám phá thông qua quá trình không ngừng chọn lọc kế thừa và phủ định các học thuyết cũ trước đó.

19 nét

HÁN VIỆT: PHỦ ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#195

否认

fǒu rèn

phủ nhận, chối bỏ

在确凿无可辩驳的大量监控与物证面前，肇事嫌疑人不得不低头承认了自己的违法事实。

Zài què záo wú kě biàn bó de dà liàng jiān kòng yǔ wù zhèng miàn qián, zhào shì xián yí rén bù dé bù dī tóu chéng rèn le zì jǐ de wéi fǎ shì shí.

Đứng trước hàng loạt bằng chứng vật chứng và camera giám sát chuẩn xác không thể chối cãi, nghi phạm gây tai nạn đã phải cúi đầu nhận tội về hành vi vi phạm pháp luật của mình.

25 nét

HÁN VIỆT: PHỦ NHẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#196

服务员

fú wù yuán

bồi bàn

服务员，请点菜。

Fúwùyuán, qǐng diǎncài.

Phục vụ ơi, cho mình gọi món.

35 nét

HÁN VIỆT: PHỤC VỤ VIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#197

服装

fú zhuāng

trang phục, quần áo

在本届国际时装周上，融合了传统马面裙与现代剪裁的国潮服装惊艳亮相，风靡全场。

Zài běn jiè guó jì shí zhuāng zhōu shàng, róng hé le chuán tǒng mǎ miàn qún yǔ xiàn dài jiǎn cái de guó cháo fú zhuāng jīng yàn liàng xiàng, fēng mí quán chǎng.

Tại Tuần lễ Thời trang Quốc tế lần này, các bộ trang phục mang phong cách truyền thống kết hợp giữa váy mǎ diện cổ truyền và đường cắt hiện đại đã xuất hiện lộng lẫy, khuấy đảo sân diễn.

27 nét

HÁN VIỆT: PHỤC TRANG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#198

福

fú

phúc, hạnh phúc, phúc lộc may mắn

春节前夕，书法家们在社区广场挥毫泼墨，为广大居民义务书写红彤彤的春联与大大的“福”字。

Chūn jié qián xī, shū fǎ jiā men zài shè qū guǎng chǎng huī háo pō mò, wèi guǎng dà jū mín yì wù shū xiě hóng tóng tóng de chūn lián yǔ dà dà de "fú" zì.

Trước thềm Tết Nguyên Đán, các nhà thư pháp đã vung bút phóng mực tại quảng trường khu dân cư, viết tặng miễn phí những câu đối xuân đỏ rực và chữ 'Phúc' lớn đỏ thắm cho đông đảo cư dân.

12 nét

HÁN VIỆT: PHÚC



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#199

父母

fùmǔ

cha mẹ, phụ mẫu, đấng sinh thành

无论我们未来走得有多远、飞得多高，都要时刻感恩父母的养育之恩与无私关爱。

Wú lùn wǒ men wèi lái zǒu dé duō yuǎn, fēi dé duō gāo, dōu yào shí kè gǎn ēn fù mǔ de wú sī ài.

Bất kể tương lai chúng ta có đi xa đến đâu, bay cao đến mấy, đều phải luôn luôn ghi nhớ biết ơn công ơn dưỡng dục sinh thành và tình yêu thương vô bờ bến của cha mẹ phụ mẫu.

25 nét

HÁN VIỆT: PHỤ MẪU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#200

父亲

fùqīn

cha, bố, thân phụ

父亲那宽厚温暖的手掌与深沉严谨的教诲，一直是我成长路上最坚实有力的依靠。

Fù qīn nà kuān hòu wēn nuǎn de shǒu zhǎng yǔ shēn chén yán jǐn de jiào huì, yì zhí shì wǒ chéng zhǎng lù shàng zuì jiān shí yǒu lì de yī kào.

Bàn tay ấm áp chỗ che cùng những lời răn dạy sâu sắc nghiêm cần của người cha luôn là chỗ dựa vững chãi và mạnh mẽ nhất trên bước đường con khôn lớn.

22 nét

HÁN VIỆT: PHỤ THÂN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Lượng từ

#201

付

fù

trả tiền, thanh toán; giao phó; cống hiến

大国工匠为攻克微米级超精细加工工艺付出了数十年的心血，铸就了令人惊叹的工业奇迹。

Dà guó gōng jiàng wèi gōng kè wēi mǐ jí chāo jīng xì gōng yì fù chū le shù shí nián de xīn xuè, zhù jiù le líng rén jīng tàn de gōng yè qí jì.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn để chinh phục quy trình gia công siêu tinh vi cấp độ micromet đã cống hiến chỉ trả bả ra tâm huyết của suốt mấy chục năm, đúc nên kỳ tích công nghiệp khiến người đời phải kinh ngạc thán phục.

11 nét

HÁN VIỆT: PHÓ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#202

负责

fùzé

phụ trách, chịu trách nhiệm

项目负责人不仅要具备出色的技术统筹能力，更要对团队的整体执行进度与质量负起全责。

Xiàng mù fù zé rén bù jǐn yào jù bèi chū sè de jì shù tǒng chóu néng lì, gèng yào duì tuán duì de zhěng tǐ zhí xíng jìn dù yǔ zhì liàng fù qī quán zé.

Người phụ trách dự án không chỉ cần có năng lực bao quát kỹ thuật xuất sắc mà còn phải chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ và chất lượng thực hiện của cả nhóm.

20 nét

HÁN VIỆT: PHỤ TRÁCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#203

复印

fùyìn

photocopy, sao chụp

办理入职手续时，请携带好身份证、学历证、书原件以及两份清晰的复印件。

Bàn lǐ rù zhí shǒu xù shí, qǐng xié dài hǎo shēn fèn zhèng, xué lì zhèng shù yuán jiàn yǐ jǐ liǎng fèn qīng xī de fù yìn jiàn.

Khi làm thủ tục nhận việc, bạn vui lòng mang theo bản gốc căn cước công dân, bằng cấp cùng 2 bản photocopy rõ nét nhé.

24 nét

HÁN VIỆT: PHỤC ẤN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#204

复杂

fùzá

phức tạp

面对纷繁复杂的国际经济形势，企业必须保持战略定力并不断提升核心自主创新能力。

Miàn duì fēn fán fù zá de guó jì jīng jì xíng shì, qǐ yè bì xū bǎo chí zhàn lüè dìng lì bìng bù duàn tí shēng hé xīn zì zhǔ chuàng xīn néng lì.

Trước bối cảnh tình hình kinh tế quốc tế phức tạp và đa chiều, các doanh nghiệp cần giữ vững định hướng chiến lược và không ngừng nâng cao năng lực tự chủ đổi mới sáng tạo.

23 nét

HÁN VIỆT: PHỤC TẠP

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#205

富

fù

giàu có, dồi dào

真正富有的人不仅在于拥有丰厚的物质财富，更在于拥有丰盛充实的精神世界与善良的心灵。

Zhēn zhèng fù yǒu de rén bù jǐn zài yú yōng yǒu fēng hòu de wù zhì cái fù, gèng zài yú yōng yǒu fēng yíng chōng shí de jīng shén shì jiè yǔ shàn liáng de xīn líng.

Người thực sự giàu có không chỉ ở chỗ sở hữu tài sản vật chất dồi dào, mà cốt lõi nằm ở thế giới tinh thần phong phú và một trái tim nhân hậu.

9 nét

HÁN VIỆT: PHÚ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#206

改进

gǎijìn

cải tiến, cải thiện (kỹ thuật, phương pháp)

工程师根据产线工人的实操反馈，对流水线的自动化装配夹具结构进行了巧妙改进。

Gōng chéng shī gēn jù chǎn xiàn gōng rén de shí cāo fǎn fù, duì liú shuǐ xiàn de zì dòng huà zhuāng pèi jiǎ jù jié gòu jìn xíng le qiǎo miào gǎi jìn.

Kỹ sư căn cứ vào ý kiến phản hồi thực tế từ công nhân dây chuyền đã tiến hành cải tiến khéo léo kết cấu đồ gá lắp ráp tự động trên dây chuyền sản xuất.

22 nét

HÁN VIỆT: CẢI TIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#207

改造

gǎizào

cải tạo, chỉnh trang chuyển đổi

老旧小区经过智能化与绿色低碳综合改造后，居住环境焕然一新，群众幸福感显著增强。

Lǎo jiù xiǎo qū jīng guò zhì néng huà yǔ lǜ sè dī tàn zōng hé gǎi zào hòu, jū zhù huán jīng huàn rán yī xīn, qún zhòng xìng fú gǎn xiǎn zhù zēng qiáng.

Khu dân cư cũ sau khi trải qua cải tạo chỉnh trang tổng hợp xanh ít phát thải carbon và thông minh hóa, môi trường sống đã thay đổi hoàn toàn tươi mới, cảm giác hạnh phúc của người dân được nâng cao rõ rệt.

28 nét

HÁN VIỆT: CẢI TẠO



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#208

概念

gài niàn

khái niệm, ý niệm

在深入学习现代计算机体系结构之前，必须彻底厘清并发与并行这两个核心概念的区别。

Zài shēn rù xué xí xiàn dài jì suàn jī tǐ jié gòu zhī qián, bì xū chéng dī lí qīng bīng fā yǔ bìng xíng zhè liǎng gè hé xīn gài niàn de qū bié.

Trước khi đi sâu vào tìm hiểu kiến trúc hệ thống máy tính hiện đại, bạn nhất định phải làm sáng tỏ triệt để sự khác biệt giữa hai khái niệm cốt lõi: xử lý đồng thời (concurrency) và xử lý song song (parallelism).

22 nét

HÁN VIỆT: KHÁI NIỆM

HSK 3 (3.0)

Động từ

#209

赶

gǎn

vội vã, tranh thủ đuổi theo; bắt kịp (tàu xe)

为了赶在暴风雨来临前抢收成熟的优质小麦，农机手驾驶着联合收割机昼夜不停地在田野上穿梭作业。

Wèi le gǎn zài bào fēng yǔ lái lín qián qiǎng shōu chéng shú de yōu zhì xiǎo mài, nóng jī shǒu jià shí zhē lián hé shōu gē jī zhòu yè bù tíng dì zài tián yě shàng chuān suǒ zuò yè.

Để kịp tranh thủ vội vã thu hoạch lúa mì chín chất lượng cao trước khi cơn bão ập tới, những người lái máy nông nghiệp đã điều khiển máy gặt đập liên hợp ngày đêm không ngừng chạy qua chạy lại các nghiệp trên cánh đồng.

11 nét

HÁN VIỆT: CẢN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#210

赶到

gǎn dào

khẩn trương tới, vội vã đến nơi

一接到地震灾情紧急通报，国家专业应急救援队伍在第一时间火速赶到了灾区现场展开搜救。

Yí jiē dào dì zhèn zāi qíng jǐn jí tǒng bào, guó jiā zhuān yè yǐng jí jiù yuán duì wú zài dì yí shí jiān huǒ sù gǎn dào le zāi qū xiàn chǎng zhǎn kāi sōu jiù.

Vừa nhận được thông báo khẩn cấp về thảm họa động đất, đội ngũ cứu hộ cứu nạn khẩn cấp chuyên nghiệp quốc gia đã hỏa tốc khẩn trương tới vội vã đến ngay hiện trường vùng thiên tai trong thời gian sớm nhất để triển khai tìm kiếm cứu nạn.

24 nét

HÁN VIỆT: CẢN ĐÁO

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#211

赶紧

gǎn jǐn

mau chóng, khẩn trương, gấp rút

气象台刚刚发布了暴雨红色预警信号，大家赶紧收拾好随身物品关紧门窗。

Qì xiàng tái gāng gāng fā bù le bào yǔ hóng sè yù jǐng xìn hào, dà jiā gǎn jǐn shōu shí shēn wù pǐn guān jǐn mén chuāng.

Đài khí tượng thủy văn vừa phát đi tín hiệu cảnh báo mưa bão cấp độ đỏ, mọi người hãy mau chóng dọn dẹp đồ đạc và đóng chặt các cửa sổ lại.

19 nét

HÁN VIỆT: CẢN KHẨN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#212

赶快

gǎn kuài

nhanh lên, khẩn trương, mau lẹ

末班高铁列车还有十分钟就要停止检票了，请各位未上车的旅客赶快前往检票口。

Mò bān gāo tiě liè chē hái yǒu shí fēn zhǒng jiù yào tíng zhǐ jiǎn piào le, qǐng gè wèi wèi shàng chē de lǚ kè gǎn kuài qián wǎng jiǎn piào kǒu.

Chuyến tàu cao tốc cuối cùng chỉ còn 10 phút nữa là đóng cửa soát vé, xin quý hành khách chưa lên tàu hãy nhanh chân đi chuyển ra cửa soát vé.

25 nét

HÁN VIỆT: CẢN KHOÁI

HSK 3 (3.0)

Động từ năng nguyện / Tính từ

#213

敢

gǎn

dám, can đảm dũng cảm

青年人在学习和工作中要敢于面对未知的挑战，勇于提出自己的创新想法并付诸实践。

Qīng nián rén zài xué xí hé gōng zuò zhōng yào gǎn yú miàn duì wèi zhī de tiǎo zhàn, yǒng yú tí chū zì jǐ de chuàng xīn xiǎng fǎ bìng fù zhǔ shí jiàn.

Thanh niên trong học tập và công việc cần phải dám đối mặt với những thách thức chưa biết, can đảm đưa ra các ý tưởng đối mới sáng tạo của bản thân và đem ra áp dụng vào thực tế.

13 nét

HÁN VIỆT: CẢM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#214

感冒

gǎn mào

cảm cúm, cảm mạo

冬春交替时节早晚温差较大，抵抗力较弱的老人和儿童要特别注意防寒保暖、预防感冒。

Dōng chūn jiāo tì shí jié zǎo wǎn wēn chà jiào dà, dī kàng lì jiǎo ruò de lǎo rén hé ér tóng yào tè bié zhùyì fáng hán bǎo nuǎn, yù fáng gǎn mào.

Thời điểm giao mùa đông xuân chênh lệch nhiệt độ ngày đêm khá lớn, người già và trẻ nhỏ có sức đề kháng yếu cần đặc biệt chú ý giữ ấm chống lạnh, phòng ngừa cảm cúm cảm mạo.

23 nét

HÁN VIỆT: CẢM MẠO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#215

感情

gǎn qíng

tình cảm, cảm xúc

同窗四载结下的深厚同窗感情历久弥坚，即使相隔万里依然心心相印、情同手足。

Tóng chuāng sì zài jié xià de shēn hòu tóng chuāng gǎn qíng lì jiǔ mí jiān, jí shǐ xiāng gé wàn lǐ yī rán xīn xīn xiāng yìn, qíng tóng shǒu zú.

Tình bạn bè đồng môn sâu đậm gần bốn suốt 4 năm đại học càng trải qua năm tháng lại càng thêm bền chặt, dù cách xa vạn dặm đôi bờ vẫn luôn thấu hiểu và gần gũi như anh em ruột thịt.

22 nét

HÁN VIỆT: CẢM TÌNH

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#216

感受

gǎn shòu

cảm nhận, trải nghiệm; cảm nghĩ

置身于广袤无垠的大草原上仰望璀璨星空，能深切感受到大自然的壮美与宇宙的辽阔。

Zhì shēn yú guǎng mào wú yín de dà cǎo yuǎn shàng yáng wǎng cuī càn xīng kōng, néng shēn qiè gǎn shòu dào dà zì rán de zhuàng měi yǔ yǔ zhòu de liáo kuò.

Đứng giữa thảo nguyên bao la bạt ngàn ngược nhìn bầu trời sao lung linh, ta có thể cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên và sự vô tận của vũ trụ.

23 nét

HÁN VIỆT: CẢM THỌ



HSK 3 (3.0)

Đại từ nghi vấn

#217

干吗

gānmá

làm gì, để làm gì vậy (khẩu ngữ)

看你急匆匆地收拾书包，请问你这时候赶着去图书馆干吗？

Kàn nǐ jí cōng cōng dī shōu shí shū bāo, qǐng wèn nǐ zhè shí hòu gǎn zhe qù tú shū guǎn gān má?

Nhìn bạn vội vội vàng vàng thu dọn cặp sách, xin hỏi lúc này bạn vội vã tới thư viện làm gì vậy?

18 nét

HÁN VIỆT : CAN MA

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#218

高速

gāo sù

tốc độ cao, cao tốc

随着现代化高速铁路网络的全面铺开，城市之间的时空距离被大幅压缩。

Suí zhe xiàn dài huà gāo sù tiě lù wǎng luò de quán miàn pū kāi, chéng shì zhī jiān de shí kōng jù lí bèi dà fú yā suō.

Cùng với sự trải rộng toàn diện của mạng lưới đường sắt tốc độ cao hiện đại, khoảng cách không gian và thời gian giữa các thành phố đã được rút ngắn đáng kể.

27 nét

HÁN VIỆT : CAO TỐC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#219

高速公路

gāo sù gōng lù

đường cao tốc

通往革命老区的高速公路全线通车，将沿线特色农产品运输时间缩短了一大半。

Tōng wǎng gé míng lǎo qū de gāo sù gōng lù quán xiàn tōng chē, jiāng yán xiàn tè sè nóng chǎn pǐn yùn shù shí jiān suǒ duǎn le yí dà bàn.

Tuyến đường cao tốc dẫn tới vùng căn cứ cách mạng cũ thông xe toàn tuyến, rút ngắn hơn một nửa thời gian vận chuyển nông sản đặc sắc dọc tuyến.

35 nét

HÁN VIỆT : CAO TỐC CÔNG LỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#220

告别

gào bié

từ biệt, chia tay, giã từ

在站台上与前来送行的至亲依依不舍地告别后，他毅然踏上了前往边疆支教的列车。

Zài zhàn tái shàng yǔ qián lái sòng xíng de zhì qīn yī yī bù shě de gào bié hòu, tā yì rán tà shàng le qián wǎng biān jiāng zhī jiào de liè chē.

Sau khi bịn rịn chia tay người thân ra tận sân ga tiễn biệt, anh kiên định bước lên chuyến tàu hướng về vùng biên cương để làm tình nguyện dạy học.

20 nét

HÁN VIỆT : CÁO BIỆT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#221

歌迷

gē mí

người hâm mộ ca hát, fan ca nhạc

在奥林匹克体育中心举办的大型交响音乐会上，数万名热情歌迷齐声合唱经典励志歌曲。

Zài ào lín pǐ kè tǐ yù zhōng xīn jǔ bàn de dà xíng jiāo xiǎng yīn yuè huì shàng, shù wàn míng rè qíng gē mí qí shēng hé chàng jīng diǎn lì zhì gē qǔ.

Tại buổi hòa nhạc giao hưởng quy mô lớn tổ chức ở Trung tâm Thể thao Olympic, hàng vạn người hâm mộ fan ca nhạc nhiệt tình đã cùng đồng thanh hòa giọng hát vang các ca khúc truyền cảm hứng kinh điển.

16 nét

HÁN VIỆT : CA MÊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#222

歌声

gē shēng

tiếng hát, giọng ca

清晨的校园林荫道上传来青年合唱团动听悠扬的歌声，洋溢着青春的欢快与朝气。

Qīng chén de xiào yuán lín yīn dào shàng chuán lái qīng nián hé chàng tuán dòng tīng yōu yáng de gē shēng, yáng yì zhe qīng chūn de huān kuài yǔ zhào qì.

Trên con đường rợp bóng cây trong khuôn viên trường lúc sáng sớm vang vọng tiếng hát giọng ca du dương êm ái của dàn hợp xướng thanh niên, ngập tràn sự vui tươi và nhựa sống tràn trề của tuổi trẻ.

20 nét

HÁN VIỆT : CA THANH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#223

歌手

gē shǒu

ca sĩ, người hát

青年歌手以极具感染力的深情嗓音，完美演绎了这首赞美祖国壮丽山河的原创交响声乐作品。

Qīng nián gē shǒu yǐ jí jǔ gǎn rǎn lì de shēn qīng sǎng yīn, wán měi yǎn yì le zhè shǒu zàn měi zǔ guó zhuàng lǐ shān hé de yuán chuàng jiāo xiǎng shēng yuè zuò pǐn.

Người ca sĩ trẻ tuổi bằng chất giọng truyền cảm sâu lắng đã biểu diễn hoàn hảo tác phẩm thanh nhạc giao hưởng nguyên tác ca ngợi non sông gấm vóc Tổ quốc này.

21 nét

HÁN VIỆT : CA THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#224

个人

gè rén

cá nhân

在推进集体事业蓬勃发展的过程中，必须切实尊重并充分保障每一个人的合法权益。

Zài tuī jìn jí tǐ shì yè péng bó fā zhǎn de guò chéng zhōng, bì xū qiè shí zūn zhòng bìng chōng fèn bǎo zhàng měi yí gè rén de hé fǎ quán yì.

Trong quá trình thúc đẩy sự nghiệp tập thể phát triển vững mạnh, nhất thiết phải tôn trọng và bảo đảm đầy đủ quyền lợi hợp pháp của từng cá nhân.

21 nét

HÁN VIỆT : CÁ NHÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#225

个性

gè xìng

cá tính, bản sắc riêng

优秀的文艺创作应当在扎根现实生活的同时，充分彰显作者独特的艺术个性与思想锋芒。

Yōu xiù de wén yì chuàng zuò yīng dāng zài zhā gēn xiān shí shēng huó de tóng shí, chōng fèn zhāng xiǎn zuò zhě dú tè de yì shù gè xìng yǔ sī xiǎng fēng máng.

Sáng tác văn học nghệ thuật xuất sắc cần vừa bám rễ sâu vào đời sống thực tế, vừa thể hiện đậm nét cá tính nghệ thuật độc đáo và tư tưởng sắc sảo của tác giả.

23 nét

HÁN VIỆT : CÁ TÍNH


HSK 3 (3.0)

Động từ

#226

各

gè

các, mỗi, mọi

来自世界各地的青年学者汇聚一堂，共同探讨跨学科前沿科技的发展方向。

Lái zì shì jiè gè dì de qīng nián xué zhě huì jù yì táng, gòng tóng tàn tào kuà xué kē qián yán kē jì de fā zhǎn fāng xiàng.

Các học giả trẻ đến từ khắp nơi trên thế giới tụ tập một nơi để cùng thảo luận về định hướng phát triển của công nghệ liên ngành mũi nhọn.

12 nét

 HÁN VIỆT: **CÁC**
HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#227

各地

gèdì

các nơi, khắp mọi miền đất nước

来自全国各地的优秀青年学者齐聚北京，共同参加国家高水平科技创新领军人才研修班。

Lái zì quán guó gè dì de yōu xiù qīng nián xué zhě qí jù běi jīng, gòng tóng cān jiā jiā gāo shuǐ píng kē jì chuàng xīn lǐng jūn rén cái yán xiū bān.

Các học giả trẻ xuất sắc đến từ các nơi khắp mọi miền trên cả nước cùng tụ tập tại Bắc Kinh, cùng tham gia lớp tu nghiệp bồi dưỡng nhân tài dẫn đầu đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trình độ cao quốc gia.

24 nét

 HÁN VIỆT: **CÁC ĐỊA**
HSK 3 (3.0)

Đại từ

#228

各位

gèwèi

quý vị, các vị, mọi người

各位专家学者、青年朋友们，热烈欢迎大家参加本次国际前沿人工智能创新峰会！

Gè wèi zhuān jiā xué zhě, qīng nián péng yǒu men, rè liè huān yíng dà jiā cān jiā běn cì guó jì qián yán rén gōng zhì néng chuàng xīn fēng huì!

Kính thưa quý vị các vị chuyên gia học giả cùng các bạn trẻ, nhiệt liệt chào mừng mọi người tham dự Hội nghị Thượng đỉnh Đổi mới Sáng tạo Trí tuệ Nhân tạo Tiên phong Quốc tế lần này!

21 nét

 HÁN VIỆT: **CÁC VỊ**
HSK 3 (3.0)

Đại từ / Số lượng

#229

各种

gèzhǒng

các loại, mọi loại, đủ loại

国家自然博物馆展厅内陈列着来自全球各种生态系统的珍贵动植物化石标本。

Guó jiā zì rán bó wù wù guǎn zhǎn tīng nèi chén liè zhe lái zì quán qiú gè zhǒng shēng tài xì tǒng de zhēn guì dòng zhī wù huà shí biāo běn.

Bên trong đại sảnh triển lãm của Bảo tàng Tự nhiên Quốc gia trưng bày các mẫu vật hóa thạch động thực vật quý giá đến từ đủ loại các loại hệ sinh thái trên toàn cầu.

23 nét

 HÁN VIỆT: **CÁC CHỦNG**
HSK 3 (3.0)

Đại từ

#230

各自

gè zì

mỗi người, ai nấy, riêng phần mình

研讨会圆满结束后，各位与会专家学者怀揣着丰收收获各自返回了自己的工作岗位。

Yán tǎo huì yuán mǎn jié shù hòu, gè wèi yǔ huì zhuān jiā xué zhě huái zhe fēng shōu huò dé gè zì fǎn huí le zì jǐ de gōng zuò gāng wèi.

Sau khi hội thảo kết thúc thành công tốt đẹp, các chuyên gia học giả tham dự mang theo những thành quả bội thu ai nấy đều trở về với vị trí công tác của riêng mình.

21 nét

 HÁN VIỆT: **CÁC TỰ**
HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ / Phó từ

#231

根本

gēn běn

căn bản, gốc rễ, nền tảng; hoàn toàn (không)

坚持以人民为中心的发展思想，是推动经济社会高质量发展的根本遵循与立足点。

Jiān chí yǐ rén mín wéi zhōng xīn de fā zhǎn sī xiǎng, shì tuī dòng jīng jì shè huì gāo zhì liàng fā zhǎn de gēn běn zūn xún yǔ lì zú diǎn.

Kiên trì tư tưởng phát triển lấy nhân dân làm trung tâm là nguyên tắc căn bản và điểm tựa vững chắc để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển chất lượng cao.

21 nét

 HÁN VIỆT: **CĂN BẢN**
HSK 3 (3.0)

Phó từ

#232

更加

gèng jiā

càng thêm, càng, hơn nữa

随着国家高水平对外开放的不断深入，中国同世界各国的科技创新合作变得更加紧密、更加富有成效。

Suí zhe guó jiā gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng de bù duàn shēn rù, zhōng guó tóng shì jiè gè guó de kē jì chuàng xīn hé zuò biàn dé gèng jiā jīn mì, gèng jiā fù yǒu chéng xiào.

Cùng với việc mở cửa đối ngoại trình độ cao của đất nước ngày càng đi vào chiều sâu, sự hợp tác đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ giữa Trung Quốc và các nước trên thế giới trở nên càng thêm khăng khít, càng thêm giàu tính hiệu quả.

22 nét

 HÁN VIỆT: **CÀNG GIA**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#233

工厂

gōng chǎng

nhà máy, xí nghiệp, phân xưởng

这座配备了全自动机械臂与数字化数字孪生系统的现代化智慧工厂，实现了全流程无人工厂运作。

Zhè zuò pèi bèi le quán zì dòng jī xié bì yǔ shù zì huà shù zì luǎn shēng xì tǒng de xiàn dài huà zhì huì gōng chǎng, shí xiàn le quán liú chéng wú rén gōng chǎng yùn zuò.

Nhà máy thông minh hiện đại được trang bị cánh tay robot tự động hóa hoàn toàn cùng hệ thống bản sao số kỹ thuật số sẵn đã hiện thực hóa quy trình vận hành nhà máy không người trực tuyến suốt.

22 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG HÁN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#234

工程师

gōng chéng shī

kỹ sư

桥梁总工程师带领团队攻克了深水基础施工等多项世界级技术难题，铸就了跨海大桥的世纪奇迹。

Qiáo liáng zǒng gōng chéng shī dài lǐng tuán duì gōng kè le shēn shuǐ jī chǔ shī gōng děng duō xiàng shì jiè jí jì shù nán tí, zhù jiù le kuà hǎi dà qiáo de shì jì qí jì.

Tổng công trình sư cầu đường đã dẫn dắt toàn đội chinh phục hàng loạt bài toán kỹ thuật hóc búa tầm cỡ thế giới như thi công móng nước sâu, kiến tạo nền kỹ tích thế kỷ của cây cầu vượt biển.

35 nét

 HÁN VIỆT: **CÔNG TRÌNH SƯ**


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#235

工夫

gōng fu
công phu, thời gian và công sức bỏ ra

只要功夫深，铁杵磨成针；科学研究必须下真功夫、苦功夫，耐得住坐冷板凳方能取得颠覆性突破。

Zhǐ yào gōng fu shēn, tiě chǔ mó chéng zhēn; kē xué yán jiū bì xū xià zhēn gōng fu, kǔ gōng fu, nài dé zhù zuò lěng bǎn dèng fāng néng qǔ dé diǎn fù xīng tū pò.

Có công mài sắt có ngày nên kim; nghiên cứu khoa học bắt buộc phải bỏ ra công phu thực sự, công phu khổ luyện, chịu đựng được việc ngồi ghế lạnh mới có thể đạt được những đột phá mang tính cách mạng.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG PHU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#236

工具

gōng jù
công cụ, phương tiện

熟练掌握现代智能开发工具与算法库，能够成倍提升软件工程师的代码编写与调试效率。

Shù liǎn zhǎng wò xiàn dài zhì néng kāi fā gōng jù yǔ suàn fǎ kù, néng gòu chéng bèi tí shēng ruǎn jiàn gōng chéng shǐ de dài mã biān xiě yǔ tiáo shì xiào lǜ.

Thành thạo các công cụ phát triển thông minh hiện đại cùng các thư viện thuật toán sẽ giúp nâng cao gấp bội hiệu suất viết và gỡ lỗi mã nguồn của kỹ sư phần mềm.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CỤ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#237

工业

gōng yè
công nghiệp

高端智能制造装备与绿色低碳工业体系的协同推进，正在成为推动实体经济转型升级的核心引擎。

Gāo duān zhì néng zhì zào zhuāng bèi yǔ lǜ sè dī tàn gōng yè tǐ xì de xié tóng tuī jìn, zhèng zài chéng wéi tuī dòng shí tǐ jīng jī tuǎn xíng shēng jī de hé xīn yǐn qíng.

Sự đẩy mạnh đồng bộ giữa trang thiết bị chế tạo thông minh cao cấp và hệ thống công nghiệp xanh giảm phát thải đang trở thành động cơ cốt lõi thúc đẩy chuyển đổi nâng tầm nền kinh tế thực thể.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#238

工资

gōng zī
tiền lương

公司不仅按月足额发放基本工资，还会根据个人年度绩效贡献发放丰厚的年终奖金。

Gōng sī bù jǐn àn yuè zú é fā fàng jī běn gōng zī, hái huì gēn jù gè rén nián dù jì xiǎo gòng xiàn fā fàng fēng hòu de nián zhōng jiǎng jīn.

Công ty không chỉ chi trả lương cơ bản đầy đủ đúng ngày hàng tháng mà còn căn cứ vào đóng góp hiệu suất cả năm của từng cá nhân để thưởng Tết hậu hĩnh.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG TƯ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#239

公布

gōng bù
công bố, công khai (kết quả, chính sách)

国家统计局在例行新闻发布会上正式公布了本季度国民经济运行的核心宏观数据。

Guó jiā tóng jì jú zài lì xíng xīn wén fā bù huì shàng zhèng shì gōng bù le běn jì dù guó mín jīng jì yùn xíng de hé xīn hóng guān shù jù.

Tổng cục Thống kê Quốc gia tại buổi họp báo định kỳ đã chính thức công bố các số liệu vĩ mô cốt lõi về tình hình vận hành của nền kinh tế quốc dân trong quý này.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG BỐ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#240

公共

gōng gòng
công cộng, chung cho xã hội

城市全面完善公共图书馆、文化馆与体育场馆布局，打造十五分钟高品质公共文化服务圈。

Chéng shì quán miàn wán shàn gōng gòng tú shū guǎn, wén huà guǎn yǔ tǐ yù chǎng guǎn bù jú, dǎ zào shí wǔ fēn zhòng gāo pǐn zhì gōng gòng wén huà fú wù quān.

Thành phố hoàn thiện toàn diện bố cục các sân vận động thể thao, nhà văn hóa và thư viện công cộng, kiến tạo vòng tròn dịch vụ văn hóa công cộng chất lượng cao trong phạm vi 15 phút.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CỘNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#241

公开

gōng kāi
công khai, minh bạch

政务服务平台全面实行办理流程与收费标准公开透明化，主动自觉接受社会各界监督。

Zhèng wù fú wù píng tái quán miàn shí xíng bàn shì liú chéng yǔ shōu fèi biāo zhǔn gōng kāi tòu míng huà, zhǔ dòng zì jué jiē shòu shè huì gè jiē jiàn dū.

Cổng dịch vụ hành chính công thực hiện công khai minh bạch toàn diện các quy trình giải quyết và mức phí quy định, chủ động tự giác tiếp nhận sự giám sát của toàn xã hội.

23 nét

HÁN VIỆT: CÔNG KHAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#242

公民

gōng mín
công dân

宪法和法律充分保障公民享有广泛而真实的民主权利，保障人民依法享有知情权、参与权、表达权与监督权。

Xiàn fǎ hé fǎ lǜ chōng fèn bǎo zhàng gōng mín xiāng yōu guǎng fàn ér zhēn shí de mǐn zhǔ quán lì, bǎo zhàng rén mín yī fǎ xiāng yōu zhī qíng quán, cān yǔ quán, biǎo dá quán yǔ jiān dū quán.

Hiến pháp và pháp luật bảo đảm đầy đủ cho công dân được hưởng các quyền dân chủ sâu rộng và chân thực, bảo đảm nhân dân được hưởng quyền được biết, quyền tham gia, quyền bày tỏ và quyền giám sát theo quy định của pháp luật.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG DÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#243

公务员

gōng wù yuán
công chức, cán bộ công chức nhà nước

作为一名人民公务员，必须牢固树立宗旨意识，做到勤政为民、廉洁奉公、敢于担当。

Zuò wéi yí míng rén mín gōng wù yuán, bì xū láo gǔ shù lì zōng zhī yì shí, zuò dào qín zhèng wéi mín, lián jié fèng gōng, gǎn yǔ dǎn dāng.

Là một cán bộ công chức của nhân dân, bắt buộc phải xây dựng vững chắc ý thức tôn chỉ, thực hiện cần chính vì dân, liêm khiết phụng công, dám nghĩ dám làm và gánh vác trách nhiệm.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG VỤ VIÊN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#244

功夫

gōng fu

công phu (võ thuật; công sức, thời gian bỏ ra)

只要功夫深，铁杵磨成针；只要保持恒心与定力，任何看似艰巨的目标都能最终达成。
Zhǐ yào gōng fu shēn, tiě chǔ mó chéng zhēn;
zhǐ yào bǎo chí héng xīn yǔ dìng lì, rèn hé kǎn shì jiān jù de mù biāo dōu néng zuì zhōng dá chéng.
Có công mài sắt có ngày nên kim; chỉ cần giữ vững lòng kiên trì và sự định tâm thì bất kỳ mục tiêu to lớn tưởng chừng khó khăn nào cũng sẽ thành công.

20 nét

HÁN VIỆT: CÔNG PHU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#245

功课

gōng kè

bài vở, bài học tập; công tác chuẩn bị

在做出任何重大跨国投资决策前，战略团队必须提前做好法律合规与地缘政治风险评估的严密功课。
Zài zuò chū rèng dà kuà guó tóu zī jué cè qián, zhàn lüè tuán duì bì xū tí qián zuò zú fǎ lǜ hé guī yǔ dì yuán zhèng zhì fēng xiǎn píng gū de yán mì gōng kè.
Trước khi đưa ra bất kỳ quyết sách đầu tư xuyên quốc gia trọng đại nào, đội ngũ chiến lược bắt buộc phải làm bài tập chuẩn bị thật kỹ lưỡng chu đáo về tuân thủ pháp lý và đánh giá rủi ro địa chính trị từ trước.

25 nét

HÁN VIỆT: CÔNG KHOÁ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#246

功能

gōng néng

chức năng, công năng, tính năng

这款新型智能穿戴手表配备了全天候心率血氧监测与跌倒自动紧急求助呼叫功能。
Zhè kuǎn xīn xíng zhì néng chuān dài shǒu biǎo pèi bèi le quán tiān hòu xīn lǜ xuè yǎng jiān cè yǔ diē dǎo zì dòng jǐn jí qiú zhù hù jiào gōng néng.
Mẫu đồng hồ đeo tay thông minh thế hệ mới này được trang bị tính năng theo dõi nhịp tim nồng độ oxy trong máu suốt 24/7 và tính năng tự động gọi cứu hộ khẩn cấp khi bị ngã.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NĂNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#247

共同

gòng tóng

chung, cùng nhau

应对全球气候变化危机是国际社会全体成员必须携手同心、共同面对的重大历史课题。
Yíng duì quán qiú qì hòu biàn huà wēi jī shì guó jì shè huì quán tǐ chéng yuán bì xū xié shǒu tóng xīn, gòng tóng miàn duì de zhòng dà lì shǐ kè tí.
Ứng phó với cuộc khủng hoảng biến đổi khí hậu toàn cầu là đề tài lịch sử lớn lao mà toàn thể thành viên cộng đồng quốc tế phải chung tay đồng lòng đối diện.

24 nét

HÁN VIỆT: CỘNG ĐỒNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#248

共有

gòng yǒu

tổng cộng có; đồng sở hữu, cùng có

本届世界青年科学家大会共有来自全球八十多个国家和地区的三千余名青年代表参会交流。
Běn jiè shì jiè qīng nián kē xué jiā dà huì gòng yǒu lái zì quán qiú bā shí duō gè guó jiā hé dì qū de sān qiān yú míng qīng nián dài biǎo cān huì jiāo liú.
Đại hội Các Nhà Khoa học Trẻ Thế giới lần này tổng cộng có hơn ba ngàn đại biểu thanh niên đến từ hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu tham dự giao lưu.

20 nét

HÁN VIỆT: CỘNG HỮU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#249

姑娘

gū niang

cô gái, cô thiếu nữ

这位朝气蓬勃、热爱传统非遗刺绣工艺的江南姑娘，用灵巧的双手绣出了令人惊艳的锦绣画卷。
Zhè wèi zhāo qì péng bó, rè ài chuán tǒng fēi yí cì xiù gōng yì de jiāng nán gū niáng, yòng líng qiǎo de shuāng shǒu xiù chū le lìng rén jīng yàn de jīn xiù huà juǎn.
Cô gái vùng Giang Nam tràn đầy sức trẻ và say mê nghề thêu thủ công phi vật thể truyền thống này bằng đôi bàn tay khéo léo đã thêu nên những bức tranh thêu gấm hoa tuyệt mỹ say đắm lòng người.

27 nét

HÁN VIỆT: CÔ NƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#250

古

gǔ

cổ, thời cổ xưa, cổ kính

中国古代劳动人民凭借非凡的智慧建造了万里长城与都江堰等举世瞩目的宏伟水利工程。
Zhōng guó gǔ dài láo dòng rén mín píng jiè fēi fán de zhì huì jiàn zào le wàn lǐ cháng chéng yǔ dù jiāng yàn deng jǔ shì zhū mù dì hóng wēi shuǐ lí gōng chéng.
Nhân dân lao động Trung Quốc thời cổ xưa nhờ vào trí tuệ phi phạm đã xây dựng nên những công trình thủy lợi và kiến trúc hùng vĩ khiến toàn thế giới dõi theo như Đô Giang Yển và Vạn Lý Trường Thành.

8 nét

HÁN VIỆT: CỔ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#251

古代

gǔ dài

thời cổ đại, cổ xưa

中国古代水利工程都江堰巧妙利用地形与地势实现了两千余年经久不衰的防洪灌溉功能。
Zhōng guó gǔ dài shuǐ lí gōng chéng dǔ jiāng yàn qiào miào lì yòng dì xíng yǔ shì shí shí xiàn le liǎng qiān yú niǎn jīng jiǔ bù shuāi de fáng hóng guǎn gài gōng néng.
Công trình thủy lợi Đô Giang Yển thời cổ đại của Trung Quốc đã khéo léo tận dụng địa hình và dòng chảy tự nhiên của con nước để thực hiện chức năng phòng lũ và tưới tiêu hoàn hảo suốt hơn 2.000 năm qua.

16 nét

HÁN VIỆT: CỔ ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#252

故乡

gù xiāng

quê hương, quê nhà, chốn chôn rau cắt rốn

无论身在天涯海角，游子心中时刻深深眷恋着祖国故乡的青山绿水与养育自己的这片热土。
Wú lùn shēn zài tiān yá hǎi jiǎo, yóu zǐ xīn zhōng shí kè shēn shēn juàn liàn zhe zǔ guó gù xiāng de qīng shān lǜ shuǐ yǔ yǎng yù zì jǐ de zhè piàn rè tǔ.
Bất luận đang ở chân trời góc bể nào, trong lòng người con xa xứ luôn luôn vương vấn thương nhớ sâu sắc non xanh nước biếc của quê hương Tổ quốc và mảnh đất lành nồng ấm đã nuôi dưỡng mình khôn lớn.

23 nét

HÁN VIỆT: CỔ HƯƠNG



HSK 3 (3.0)

Động từ

#253

挂

guà

treo, móc

客厅正中的墙壁上挂着一幅古色古香的山水画，显得格外高雅静谧。

Kê tǐng zhèng zhōng de qiáng bì shàng guà zhe yí fú gù sè gǔ xiāng de shān shuǐ huà, xiǎn de gé wài gāo yǎ jìng mì.

Trên bức tường chính giữa phòng khách treo một bức tranh phong cảnh sơn thủy cổ kính, toát lên vẻ trang nhã và tĩnh lặng.

14 nét

HÁN VIỆT: QUÀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#254

关系

guān xi

mối quan hệ

偶尔犯点小错误没关系，只要能吸取经验教训，继续努力就行。

ǒu'ěr fàn diǎn xiǎo cuò wù méi guān xi, zhǐ yào néng xī qǔ jīng yàn jiàoxùn, jì xù nǔ lì jiù xíng.

Thỉnh thoảng phạm chút sai sót nhỏ không sao đâu, chỉ cần biết rút kinh nghiệm sâu sắc và tiếp tục cố gắng là được.

26 nét

HÁN VIỆT: QUAN HỆ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#255

关注

guān zhù

quan tâm, chú ý theo dõi, dõi theo

国际学术界高度关注我国在新一代受控聚变与高温超导领域取得的最新原创突破。

Guó jì xué shù jì gāo dù guān zhù wǒ guó zài xīn yí dài shòu kòng hé jù biàn yǔ gāo wēn chāo dǎo líng yǔ qǔ dé de zuì xīn yuán chuàng tǔ pò.

Giới học thuật quốc tế đặc biệt quan tâm chú ý theo dõi những đột phá nguyên tác mới nhất mà nước ta đạt được trong lĩnh vực siêu dẫn nhiệt độ cao và phản ứng nhiệt hạch có điều khiển thế hệ mới.

27 nét

HÁN VIỆT: QUAN CHÚ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#256

观察

guān chá

quan sát, theo dõi

科研人员正在超高分辨率电子显微镜下，全神贯注地细致观察着纳米晶体的动态生长过程。

Kē yán rén yuán zhèng zài chāo gāo fēn biàn lǜ diàn zǐ xiǎn wēi jīng xià, quán shén guān zhù dì xì zhì guān chá zhe nà mí jīng tǐ de dòng tài shēng zhǎng guò chéng.

Các nhà khoa học dưới kính hiển vi điện tử độ phân giải siêu cao đang tập trung cao độ quan sát tỉ mỉ quá trình sinh trưởng động lực học của các tinh thể nano.

22 nét

HÁN VIỆT: QUÁN SÁT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#257

观看

guān kàn

xem, theo dõi quan sát (trận đấu/biểu diễn)

数万名中外观众在国家大剧院现场观看了具有浓郁中华传统神韵的大型舞剧演出。

Shù wàn míng zhōng wài guān zhòng zài guó jiā dà jù yuàn xiàn chǎng guān kàn le jù yǒu nóng yù zhōng huá chuán tǒng shén yùn de dà xíng wǔ jù yǎn chū.

Hàng vạn khán giả trong và ngoài nước đã trực tiếp xem theo dõi buổi biểu diễn kịch múa quy mô lớn mang đậm thần vận truyền thống Trung Hoa tại Nhà hát Lớn Quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÁN KHÁN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#258

观念

guān niàn

quan niệm, tư tưởng, nhận thức

践行“绿水青山就是金山银山”的发展观念，已经成为全社会推动绿色低碳转型的普遍共识。

Jiàn xíng "lǜ shuǐ qīng shān jiù shì jīn shān yín shān" de fā zhǎn guān niàn, yǐ jīng chéng wéi quán shè huì tuī dòng lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng de pǔ biàn gòng shí.

Việc thực hành quan niệm phát triển 'Non xanh nước biếc chính là núi vàng núi bạc' đã trở thành nhận thức chung rộng khắp của toàn xã hội trong việc thúc đẩy chuyển đổi xanh giảm phát thải.

18 nét

HÁN VIỆT: QUÁN NIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#259

观众

guān zhòng

khán giả, người xem

来自全球两百多个国家和地区的数亿观众通过卫星电视和网络直播观看了奥运会开幕式盛况。

Lái zì quán qiú liǎng bǎi duō gè guó jiā hé dì qū de shù yì guān zhòng tōng guò wèi xīng diàn shì hé wǎng luò zhí bō kàn le ài yùn huì kāi mù shì shèng kuàng.

Hàng trăm triệu khán giả đến từ hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ đã theo dõi lễ khai mạc Thế vận hội Olympic qua truyền hình vệ tinh và phát trực tuyến trên Internet.

19 nét

HÁN VIỆT: QUÁN CHÚNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#260

管

guǎn

ống

老师鼓励大家积极管，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极管，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí guǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ống, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: QUẢN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#261

管理

guǎn lǐ

quản lý

引入现代化精益生产与智能化仓储管理系统后，工厂的整体运营效率与交付质量大幅提升。

Yǐn rù xiàn dài huà jīng yì shēng chǎn yǔ zhì néng huà cāng chǔ guǎn lǐ xì tǒng hòu, gōng chǎng de zhěng tǐ yùn yíng xiào lǜ yǔ jiāo fù zhì liàng dà fú tí shēng.

Sau khi áp dụng mô hình sản xuất tinh gọn hiện đại và hệ thống quản lý kho bãi thông minh, hiệu suất vận hành và chất lượng giao hàng của nhà máy đã tăng vọt rõ rệt.

19 nét

HÁN VIỆT: QUẢN LÝ


HSK 3 (3.0)

Động từ

#262

光

guāng

ánh sáng, quang; trơ trọi, hết sạch

清晨那一缕温暖明媚的金色阳光照亮了整个房间，带来了勃勃生机。

Qīng chén nà yī lǚ wēn nuǎn míng mèi de jīn sè yáng guāng zhào liàng le zhěng gè fáng jiān, dài lái le bó bó shēng jī.

Vạt nắng vàng ấm áp rực rỡ buổi sớm mai chiếu rọi khắp căn phòng, mang lại sức sống dạt dào.

13 nét

HÁN VIỆT: QUANG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#263

光明

guāng míng

quang minh, xán lạn, tươi sáng; ánh sáng

新一代青年学子只要心怀理想、脚踏实地，就必定能在强国建设的伟大征程中开创光明璀璨的未来。

Xīn yí dài qīng nián xué zǐ zhǐ yào xīn huái lǐ xiǎng, jiǎo tà shí dì, jiù bì dìng néng zài qiáng guó jiàn shè de wēi dà zhēng chéng zhōng kāi chuāng guāng míng cuī càn de wēi lái.

Thế hệ học sinh thanh niên mới chỉ cần nuôi dưỡng hoài bão và kiên định từng bước thì nhất định sẽ mở ra một tương lai xán lạn rực rỡ trên hành trình vĩ đại xây dựng đất nước phồn vinh.

23 nét

HÁN VIỆT: QUANG MINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#264

广播

guǎng bō

phát thanh, đài phát thanh, truyền hình

清晨准时收听中央人民广播电台的早间新闻联播，是很多老一辈知识分子保持多年的习惯。

Qīng chén zhǔn shí shōu tīng zhōng yāng rén mín guǎng bō diàn tái de zǎo jiān xīn wén lián bō, shì hěn duō lǎo yī bèi zhī shǐ fēn zǐ bǎo chí duǒ niǎn de xí guān.

Mỗi sáng nghe đài phát thanh bản tin thời sự sáng của Đài Tiếng nói Trung ương là thói quen nhiều năm của thế hệ trí thức đi trước.

28 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG BÁ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#265

广大

guǎng dà

rộng lớn, đông đảo, sâu rộng

政府出台的这项惠民医疗政策，切实减轻了广大城乡居民看病就医的实际经济负担。

Zhèng fǔ chū tái de zhè xiàng huì mín yī liáo zhèng cè, qiè shí jiǎn qīng le guǎng dà chéng xiāng jū mín kàn bìng jiù yī de shí jì jīng jì fù dān.

Chính sách y tế vì dân này do chính phủ ban hành đã giảm thiểu thiết thực gánh nặng kinh tế thực tế trong khám chữa bệnh của đông đảo người dân cả thành thị lẫn nông thôn.

25 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#266

规定

guī dìng

quy định

所有进入无尘净化实验室的科研人员都必须严格遵守穿戴防护服与风淋消毒的操作规定。

Suǒ yǒu jìn rù wú chén jìng huà shí yàn shì de kē yán rén yuán dōu bì xū yán gē zūn shǒu chuān dài fáng hù fú yǔ fēng lín xiāo dú de cāo zuò guī dìng.

Toàn bộ nhân viên nghiên cứu khi bước vào phòng thí nghiệm vô trùng đều phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về mặc đồ bảo hộ và khử khuẩn bằng buồng thổi khí.

18 nét

HÁN VIỆT: QUY ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ / Tính từ

#267

规范

guī fàn

quy phạm, quy chuẩn; chuẩn hóa, chuẩn mực

国家出台生成式人工智能服务管理暂行办法，坚持发展与安全并重，依法规范人工智能能健康发展。

Guó jiā chū tái shēng chéng shì rén gōng zhì néng fú wù guǎn lǐ zàn xíng bàn fǎ, jiān chí fā zhǎn yǔ ān quán bìng zhòng, yī fǎ guī fàn rén gōng zhì néng jiàn kāng fā zhǎn.

Nhà nước ban hành Biện pháp Tạm thời về Quản lý Dịch vụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh, kiên trì coi trọng song song cả phát triển và an toàn, quy chuẩn hóa sự phát triển lành mạnh của trí tuệ nhân tạo theo pháp luật.

20 nét

HÁN VIỆT: QUY PHẠM

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#268

国内

guó nèi

trong nước, nội địa

加快构建以国内大循环为主体、国内国际双循环相互促进的新发展格局。

Jiā kuài gòu jiàn yǐ guó nèi dà xún huán wéi zhǔ tǐ, guó nèi guó jì shuāng xún huán xiāng hù cù jìn de xīn fā zhǎn gé jú.

Đẩy nhanh xây dựng cực diện phát triển mới lấy đại tuần hoàn trong nước nội địa làm chủ thể, tuần hoàn kép trong nước và quốc tế cùng thúc đẩy lẫn nhau.

20 nét

HÁN VIỆT: QUỐC NỘI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#269

国庆

guó qīng

Quốc khánh, ngày lễ Quốc khánh

国庆长假期间，天安门广场上鲜艳的五星红旗在晨曦中高高升起，吸引了数十万群众观礼。

Guó qīng cháng jià qī jiān, tiān ān mén guǎng chǎng shàng xiān yàn de wǔ xīng hóng qí zài chén xī zhōng gāo gāo shēng qǐ, xī yǐn le shù shí wàn qún zhòng guān lǐ.

Trong kỳ nghỉ lễ Quốc khánh dài ngày, lá cờ đỏ năm sao tươi thắm trên Quảng trường Thiên An Môn kiều hãnh tung bay lên cao giữa ánh bình minh sớm, thu hút hàng trăm ngàn người dân tới dự lễ chào cờ.

24 nét

HÁN VIỆT: QUỐC KHÁNH

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#270

果然

guǒ rán

quả nhiên, đúng thật như dự liệu

经过高精度数学建模反复推导验证，最终测得的物理实验数据果然与先前的理论预测完全一致。

Jīng guò gāo jīng dù shù xué jiàn mó fǎn fù tuī dǎo yán zhèng, zuì zhōng cè dé de wù lǐ shí yàn shù jù guǒ rán yǔ xiān qián de lǐ lùn yù cè wán quán yì zhì.

Trải qua việc kiểm chứng suy diễn lặp đi lặp lại bằng mô hình hóa toán học độ chính xác cao, số liệu thực nghiệm vật lý đo đạc được cuối cùng quả nhiên đúng thật hoàn toàn trùng khớp với dự đoán lý thuyết trước đó.

19 nét

HÁN VIỆT: QUẢ NHIÊN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#271

果汁

guǒ zhī

nước trái cây

在炎热的午后喝上一杯新鲜现榨的冰镇橙子果汁，格外清爽解渴。

Zài yán rè de wǔ hòu hē shàng yì bēi xīn xiān xiān zhā de bīng zhēn chéng zǐ guǒ zhī, gè wài qīng shuǎng jiě kě.

Vào buổi chiều hè oi ả uống một cốc nước ép cam tươi vắt mát lạnh thì thật sảng khoái và giải khát vô cùng.

17 nét

HÁN VIỆT: QUẢ TRÁP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#272

过程

guò chéng

quá trình, tiến trình

在攀登科学高峰的漫长过程中，不仅要有仰望星空的远大情怀，更要有脚踏实地的钻研作风。

Zài pān dēng kē xué gāo fēng de màn cháng guò chéng zhōng, bù jǐn yào yǒu yǎng wàng xīng kōng de yuǎn dà qíng huái, gèng yào yǒu jiǎo tà shí dì de zuān yán zuò fēng.

Trong suốt quá trình dài leo lên đỉnh cao khoa học, không chỉ cần có tâm hồn cao đẹp ngắm nhìn trời sao mà quan trọng hơn phải có tác phong nghiên cứu thực tế, vững vàng.

19 nét

HÁN VIỆT: QUÁ TRÌNH

HSK 3 (3.0)

Thán từ / Từ tượng thanh

#273

哈哈

hā hā

ha ha (tiếng cười vui vẻ)

听到科研攻关难题终于彻底破解的喜讯，全组研究人员忍不住哈哈大笑、互相击掌庆祝。

Tīng dào kē yán gōng guān nán tí zhōng yú ché di pò jiě de xǐ xùn, quán zǔ yán jiū rén yuán rěn bú zhù hā hā dà xiào, hù xiāng jī zhǎng qīng zhù.

Nghe được tin vui nan đề nghiên cứu khoa học vượt khó cuối cùng đã được hóa giải triệt để, toàn thể nghiên cứu viên trong nhóm không kìm được cười ha ha sảng khoái, đập tay nhau chúc mừng.

24 nét

HÁN VIỆT: HA HA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#274

海关

hǎi guān

hải quan

海关智慧监管平台通过人工智能图像智能审图技术，实现了进出口货物的高效秒级通关。

Hǎi guān zhì huì jiān guǎn píng tái tōng guò rén gōng zhì néng tú xiàng zhì néng shěn tú jì shù, shí xiàn le jìn chū kǒu huò wù de gāo xiào miǎo jí tōng guān.

Nền tảng giám sát thông minh của hải quan thông qua công nghệ thẩm định hình ảnh tự động bằng trí tuệ nhân tạo đã thực hiện thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu nhanh chóng chỉ trong tích tắc.

23 nét

HÁN VIỆT: HẢI QUAN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#275

害怕

hài pà

sợ hãi

在追寻梦想的道路上不要害怕犯错，每一次挫败都是成长的宝贵财富。

Zài zhuī xún mèng xiǎng de dào lù shàng bú yào hài pà fàn cuò, měi yí cì cuò bài dōu shì chéng zhǎng de bǎo guì cái fù.

Trên con đường theo đuổi ước mơ đừng sợ phạm sai lầm, mỗi lần vấp ngã đều là tài sản quý báu giúp ta trưởng thành.

26 nét

HÁN VIỆT: HẠI PHẠ

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#276

好好

hǎo hǎo

thật tốt, cẩn thận kỹ càng, nghiêm túc

青年人要趁着青春年华好好学习科学文化知识，为将来报效祖国打下坚实基础。

Qīng nián rén yào chèn zhe qīng chūn nián huá hǎo hǎo xué xí kē xué wén huà zhī shí, wèi jiāng lái bào xiào zǔ guó dǎ xià jiān shí zhī de gèn jī.

Thanh niên cần tranh thủ năm tháng tuổi xuân thật tốt học tập nghiêm túc tri thức khoa học văn hóa, để đặt nền móng vững chắc cho việc cống hiến phụng sự Tổ quốc trong tương lai.

26 nét

HÁN VIỆT: HẢO HẢO

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#277

好奇

hào qí

hiếu kỳ, tò mò

对大千未知世界的强烈好奇心与探索欲，是点燃青年学子科学创造力的永恒火种。

Duì dà qiān wèi zhī shì jiè de qiáng liè hào qí xīn yù tàn suǒ yù, shì diǎn rán qīng nián xué zǐ kē xué chuàng zào lì de yǒng héng huǒ zhǒng.

Niềm hiếu kỳ mãnh liệt cùng khát khao khám phá thế giới muôn màu vô tận là mối lửa bất diệt thấp sáng năng lực sáng tạo khoa học của các bạn trẻ.

21 nét

HÁN VIỆT: HẢO CƠ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#278

合

hé

hợp, kết hợp, phù hợp, đóng gập lại

新一代跨海特大桥主桥钢箱梁今天顺利实现精准合龙，全线工程建设取得决定性胜利。

Xīn yí dài huái kē xué hǎi tè dà qiáo zhǔ qiáo gāng xiāng liáng jīn tiān shùn lì shí xiàn jīng zhǔn hé lóng, quán xiàn gōng chéng jiàn shè qǔ dé jué dìng xìng shèng lì.

Dăm hợp thép của cây cầu vượt biển đặc biệt lớn thế hệ mới hôm nay đã thuận lợi thực hiện hợp long chuẩn xác, công tác xây dựng công trình toàn tuyến giành được thắng lợi mang tính quyết định.

9 nét

HÁN VIỆT: CÁP

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#279

合法

hé fǎ

hợp pháp, đúng luật

任何企业开展商业经营活动都必须严格恪守国家法律法规，确保一切经营行为合法合规。

Rèn hé qì yè kāi zhān shāng yè jīng yíng huó dòng dōu bì xū yán gé kè shǒu guó jiā fǎ lǜ fǎ guī, què bǎo yí qiè jīng yíng xíng wéi hé fǎ hé guī.

Bất kỳ doanh nghiệp nào khi triển khai các hoạt động kinh doanh thương mại đều bắt buộc phải tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật của Nhà nước, bảo đảm mọi hành vi kinh doanh đều hợp pháp và chuẩn mực.

18 nét

HÁN VIỆT: CÁP PHÁP



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#280

合格

hé gé

hợp quy, đủ tiêu chuẩn, đạt chuẩn

这批智能家用电器在出厂前经过了一百多项严格的安全绝缘与耐久度测试，全部达到了合格标准。

Zhè pī zhì néng jiā yòng qiāng qiè zài chū chǎng qián jīng guò le yī bǎi duō xiàng yán gé de ān quán jué yuán yǔ nài jiǔ dù cè shì, quán bù dǎ dào le hé gé biāo zhǔn.

Lô thiết bị điện gia dụng thông minh này trước khi xuất xưởng đã vượt qua hơn 100 bài kiểm tra cách điện và độ bền nghiêm ngặt, tất cả đều đạt chuẩn hợp quy xuất xưởng.

17 nét

HÁN VIỆT: CẤP CÁCH

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#281

合理

hé lǐ

hợp lý, chính đáng, thỏa đáng

制定科学合理的时间管理规划与目标拆解方案，能够极大提升日常学习与工作的推进效率。

Zhì dìng kē xué hé lǐ de shí jiān guǎn lǐ guī huà yǔ mù biāo chāi jiě fāng àn, néng gòu jí dà tí shēng rì cháng xué xí yǔ gōng zuò de tuī jìn xiào lǜ.

Việc lập kế hoạch quản lý thời gian khoa học hợp lý và phương án phân chia nhỏ mục tiêu có thể nâng cao vượt bậc hiệu suất thúc đẩy học tập và công tác thường nhật.

18 nét

HÁN VIỆT: CẤP LÝ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#282

合作

hé zuò

hợp tác, phối hợp

全球性挑战需要世界各国秉持开放包容、互利共赢的原则，进一步深化全方位国际合作。

Quán qiú xìng tiǎo zhàn xū yào shì jiè gè guó bǐng chí kāi fàng bāo róng, hù lì gòng yíng de yuán zé, jìn yí bù shēn huà quán fāng wèi guó jì hé zuò.

Những thách thức mang tính toàn cầu đòi hỏi các quốc gia trên thế giới phải cùng giữ vững nguyên tắc cởi mở bao dung, đôi bên cùng có lợi để làm sâu sắc hơn sự hợp tác quốc tế toàn diện.

19 nét

HÁN VIỆT: CẤP TÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#283

和平

hé píng

hòa bình, bình yên, êm ả

和平与发展是全人类的共同愿景，各国应当携手构建休戚与共的人类命运共同体。

Hé píng yǔ fā zhǎn shì quán rén lèi de gòng tóng yuàn jǐng, gè guó yīng dāng xié shǒu gòng jiàn xiū qī yǔ gòng de rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ.

Hòa bình và phát triển là ước nguyện chung của toàn thể nhân loại, các quốc gia cần chung tay xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại cùng chia sẻ ấm no hòa bình.

17 nét

HÁN VIỆT: HOÀ BÌNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#284

红茶

hóngchá

trà đen, hồng trà

中国传统名优红茶汤色红亮、香气馥郁高雅，在国际茶叶博览会上备受各国品茶专家赞誉。

Zhōng guó chuán tǒng míng yōu hóng chá tāng sè hóng liàng, xiāng qì fù yù gāo yǎ, zài guó jì chá yè bó lǎn huì shàng bèi shòu gè guó pín chá zhuān jiā zàn yù.

Hồng trà trà đen truyền thống danh tiếng của Trung Quốc có sắc nước đỏ tươi sáng bóng, hương thơm ngào ngạt thanh nhã, nhận được sự khen ngợi nồng nhiệt của các chuyên gia thưởng trà các nước tại Hội chợ Triển lãm Trà Quốc tế.

21 nét

HÁN VIỆT: HỒNG TRÀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#285

红酒

hóngjiǔ

rượu vang đỏ

在国际友好交流晚宴上，中外学者举起高脚杯共品优质红酒，畅叙深厚友谊与合作愿景。

Zài guó jì yǒu hào jiāo liú wǎn yàn shàng, zhōng wài xué zhě jǔ qǐ gāo jiǎo bēi gòng pǐn yōu zhì hóng jiǔ, chàng xù shēn hòu yǒu yì yǔ hé zuò yuàn jǐng.

Tại dạ tiệc giao lưu hữu nghị quốc tế, các học giả trong và ngoài nước đã nâng ly cùng thưởng thức rượu vang đỏ chất lượng cao, hàn huyên tình hữu nghị sâu sắc và tầm nhìn hợp tác tương lai.

21 nét

HÁN VIỆT: HỒNG TỬU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#286

后果

hòu guǒ

hậu quả, kết cục

在涉及生态红线的重大工程规划中，必须科学审慎评估任何违规开发可能带来的灾难性环境后果。

Zài shè jí shēng tài hóng xiàn de zhòng dà gōng chéng guī huà zhōng, bì xū kē xué shěn shèn píng gū rěn hé wéi guī kāi fā kě néng dài lái de zāi nán xíng huán jīng hòu guǒ.

Trong quy hoạch các đại dự án công trình liên quan đến lần ranh đỏ sinh thái, nhất thiết phải đánh giá khoa học và thận trọng về những hậu quả môi trường thảm khốc mà bất kỳ sự khai thác sai phép nào có thể gây ra.

17 nét

HÁN VIỆT: HẬU QUẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#287

后面

hòu mian

đằng sau, phía sau

小猫在桌子后面。

Xiǎo māo zài zhuō zi hòu mian.

Con mèo nhỏ ở đằng sau cái bàn.

18 nét

HÁN VIỆT: HẬU DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#288

后年

hòunián

năm kia nữa, hai năm sau (năm sau của năm sau)

国家重大深空探测工程按计划将于后年正式发射新一代小行星采样探测器。

Guó jiā zhòng dà shēn kōng tàn cè gōng chéng àn jì huà jiāng yú hòu nián zhèng shì fā shè xīn yí dài xiǎo xíng xīng cǎi yàng tàn cè qì.

Công trình thám trắc không gian sâu trọng đại quốc gia theo đúng kế hoạch sẽ chính thức phóng tàu thám trắc lấy mẫu tiểu hành tinh thế hệ mới vào năm sau nữa hai năm sau.

18 nét

HÁN VIỆT: HẬU NIÊN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#289

互联网

Hù lián wǎng

mạng Internet, mạng internet toàn cầu

我国建成了全球规模最大、技术领先的光纤宽带与5G移动互联网基础设施网络，赋能千行百业数字化转型升级。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, jì shù lǐng xiān de guāng xiān kuān dài yǔ 5G yí dòng hù lián wǎng jī chǔ shè shī wǎng luò, fù néng qiān xíng bǎi yè shù zì huà zhuǎn xíng shēng jí.

Nước ta đã xây dựng thành công mạng lưới cơ sở hạ tầng mạng internet di động 5G và cáp quang băng thông rộng có quy mô lớn nhất và công nghệ dẫn đầu thế giới, tiếp sức cho hàng ngàn ngành nghề chuyển đổi số và nâng cấp.

📖 29 nét

HÁN VIỆT : HỒ LIÊN VĨNG

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#290

互相

hùxiāng

lẫn nhau, cùng nhau tương hỗ

在跨学科前沿科学攻坚中，青年学者们互相启发、密切协作，共同攻克了一个又一个技术难关。

Zài kuà xué kē qián yán kē xué gōng jiǎn zhōng, qīng nián xué zhě men hù xiāng qǐ fā, mì qiè xié zuò, gòng tóng gōng kè le yí gè yòu yí gè jì shù nán guān.

Trong các đợt vượt khó khoa học tiên phong liên ngành, các học giả trẻ tuổi đã gợi mở lẫn nhau cùng nhau, phối hợp chặt chẽ, cùng chinh phục hết ải khó kỹ thuật này đến ải khó kỹ thuật khác.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : HỒ TƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#291

华人

Huárén

người Hoa, kiều bào Hoa kiều

广大海外侨胞和海外华人始终心系桑梓，为推动中外人文交流与祖国现代化建设作出了重要贡献。

Guǎng dà hǎi wài qiáo bào hé hǎi wài huá rén shǐ zhōng xīn xì sāng zǐ, wèi tuī dòng zhōng wài rén wén jiāo liú yǔ zǔ guó xiān dài huà jiàn shè zuò chū le zhòng yào gòng xiàn.

Đồng đạo đồng bào kiều bào và người Hoa kiều bảo ở hải ngoại luôn một lòng hướng về quê hương, lập nên những cống hiến quan trọng cho việc thúc đẩy giao lưu nhân văn giữa Trung Quốc và nước ngoài cùng công cuộc xây dựng hiện đại hóa Tổ quốc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : HOA NHÂN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#292

化

huā

hóa

老师鼓励大家积极化，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí huà, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hóa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : HOA

HSK 3 (3.0)

Động từ

#293

划船

huá chuán

chèo thuyền

阳春三月微风和煦，游人们相约在风景秀丽的昆明湖上荡起双桨、悠闲划船。

Yáng chūn sān yuè wēi fēng hé xù, yóu rén men xiāng yuē zài fēng jǐng xiù lì de kūn míng hú shàng dàng qī shuāng jiǎng, yōu xián huá chuán.

Tháng Ba mùa xuân gió nhẹ ấm áp, du khách rủ nhau chèo thuyền buông mái chèo thư thái trên mặt hồ Côn Minh phong cảnh hữu tình.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : HOA THUYỀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#294

话剧

huàjù

kịch nói, vở kịch nói

这部生动再现老一辈战略科学家科研报国崇高精神的经典话剧，在全国高校巡演场场爆满。

Zhè bù shēng dòng zài xiàn lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiǎ kè yán bào guó chóng gāo jīng shén de jīng diǎn huà jù, zài quán guó gāo xiào xún yǎn chǎng chāng bào mǎn.

Vở kịch nói kịch nói kinh điển tái hiện sinh động tinh thần cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học chiến lược tiến bộ đã kín rập trong tất cả các buổi lưu diễn tại các trường đại học trên cả nước.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : THOẠI KỊCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#295

话题

huà tí

chủ đề trò chuyện, đề tài

在青年创新创业论坛圆桌对话上，人工智能如何赋能实体经济成为了全场最受关注的热门话题。

Zài qīng nián chuàng xīn chuàng yè lùn tán yuán zhuō duì huà shàng, rén gōng zhì néng rú hé fù néng shí tǐ jīng jì chéng wéi le quán chǎng zuì shòu guān zhù de rè mén huà tí.

Tại phiên tọa đàm bàn tròn Diễn đàn Thanh niên Đổi mới Sáng tạo Khởi nghiệp, chủ đề trí tuệ nhân tạo tiếp sức cho nền kinh tế thực thể như thế nào đã trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm lớn nhất của toàn khán phòng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : THOẠI ĐỀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#296

环

huán

vòng, chiếc nhẫn; khâu vòng (mắt xích)

在重大科技工程全生命周期质量管理中，每一个检测环节都必须做到精益求精、万无一失。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng quán shēng mìng zhōu qī zhì liàng guǎn lǐ zhōng, měi yí gè jiǎn cè huán jié dōu bì xū zuò dào jīng jī qíú jīng, wàn wú yí shī.

Trong công tác quản lý chất lượng toàn bộ vòng đời của công trình khoa học công nghệ trọng đại, từng khâu mắt xích kiểm nghiệm kiểm tra đều bắt buộc phải tinh ích cầu tinh, an toàn tuyệt đối không một sai sót.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : HOÀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#297

环保

huánbǎo

bảo vệ môi trường, thân thiện môi trường

我国积极倡导绿色低碳生产生活方式，全面推广使用全生物可降解新型环保材料。

Wǒ guó jī jí chàng dǎo lǜ sè dī tàn shēng chǎn shēng huó fāng shì, quán miàn tuī guǎng shǐ yòng quán shēng wù kě jiàng jiě xīn xíng huán bǎo cái liào.

Nước ta tích cực khởi xướng phương thức sinh hoạt và sản xuất xanh ít phát thải carbon, nhân rộng toàn diện việc sử dụng các vật liệu thân thiện môi trường bảo vệ môi trường kiểu mới có thể phân hủy sinh học hoàn toàn.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : HOÀN BẢO



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#298

环境

huán jìng

môi trường

为了保护我们赖以生存的生态环境，大家应当尽量减少使用一次性塑料制品。

Wèile bǎohù wǒmen làiyǐ shēngcún de shēngtài huánjīng, dàjiā yīngdāng jǐnjiǎng jiānshǎo shìyòng yícíxìng sùliào zhìpǐn.

Để bảo vệ môi trường sinh thái mà chúng ta đang sinh sống, mọi người nên hạn chế tối đa việc dùng đồ nhựa dùng một lần.

21 nét

HÁN VIỆT: HOÀN CẢNH

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#299

欢乐

huān lè

vui tươi, hân hoan, niềm vui ngập tràn

各族儿女身着节日盛装载歌载舞，天安门广场上洋溢着庆祝国庆佳节的无比欢腾与祥和欢乐气氛。

Gè zú ér nǚ shēn zhe jié rì shèng zhuāng zài gē zài wǔ, tiān ān mén guǎng chǎng shàng yáng yì zhe qīng zhù guó qīng jiā jié de wú bǐ huān téng yǔ xiáng hé huān lè qì fēn.

Con em các dân tộc khoác trên mình bộ trang phục lễ hội rực rỡ múa hát tung bừng, Quảng trường Thiên An Môn ngập tràn bầu không khí hòa bình vui tươi hân hoan và rộn ràng tốt bậc chào mừng ngày lễ Quốc khánh.

16 nét

HÁN VIỆT: HOAN LẠC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#300

会议

huì yì

cuộc họp

今天下午两点半，各部门主管将在第一多功能会议厅参加战略会议。

Jīntiān xiàwǔ liǎng diǎn bàn, gè bù mén zhǔguǎn jiāng zài dì yī duō gōngnéng huìyì tīng cānjiā zhàn lüè huì yì.

2 giờ rưỡi chiều nay, các trưởng bộ phận sẽ tham dự cuộc họp chiến lược tại Hội trường đa năng số 1.

24 nét

HÁN VIỆT: HỘI NGHỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#301

会员

huì yuán

hội viên, thành viên hội

作为中国计算机学会青年科技会员，他积极参与组织了多场跨学科青年学者前沿学术沙龙。

Zuò wéi zhōng guó jì suàn jī xué huì qīng nián kē jì huì yuán, tā jī jí cān yù zǔ zhī le duō chǎng kuà xué kē qīng nián xué zhě qián yán xué shù shā lóng.

Với tư cách là một hội viên thành viên công nghệ trẻ của Hội Máy tính Trung Quốc, anh ấy đã tích cực tham gia tổ chức nhiều buổi tọa đàm học thuật tiên phong dành cho các học giả trẻ liên ngành.

26 nét

HÁN VIỆT: HỘI VIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#302

活

huó

sống, sinh sống; sống động linh hoạt; công việc

我们做学术研究要灵活运用马克思主义唯物辩证法，绝不能把理论教条化、僵硬化。

Wǒ men zuò xué shù yán jiū yào líng huó yùn yòng mǎ kè sī zhǔ yì wéi wù biàn zhèng fǎ, jué bù néng bǎ lǐ lùn jiào tiáo huà, jiāng yìng huà.

Chúng ta làm nghiên cứu học thuật cần vận dụng linh hoạt sống động phép biện chứng duy vật, tuyệt đối không được biến lý luận thành giáo điều xơ cứng.

13 nét

HÁN VIỆT: HOẠT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#303

火

huǒ

lửa; nổi tiếng, hot; tức giận

这部弘扬中华优秀传统文化的原创动画电影一经上映就彻底火遍了全国。

Zhè bù hóng yáng zhōng huá yōu xiù wén huà de yuán chuàng dòng huà diàn yǐng yì jīng shàng yǐng jiù chè dǐ huǒ biàn le quán guó.

Bộ phim hoạt hình nguyên tác tôn vinh văn hóa truyền thống đặc sắc Trung Hoa này vừa công chiếu đã gây sốt khắp cả nước.

10 nét

HÁN VIỆT: HOẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#304

机器

jī qì

máy móc, thiết bị cơ khí

在智能化工业生产车间内，全自动工业机器人手臂精准高效地组装着每一个零部件。

Zài zhì néng huà gōng yè shēng chǎn chē jiān nèi, quán zì dòng gōng yè jī qì rén shǒu bù jīng zhǔn gāo xiào dì zǔ zhuāng zhe měi yí gè líng bù jiàn.

Bên trong phân xưởng sản xuất công nghệ thông minh hóa, các cánh tay robot công nghiệp tự động lắp ráp từng linh kiện với độ chính xác và hiệu quả cao.

17 nét

HÁN VIỆT: CƠ KHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#305

积极

jī jí

tích cực, hăng hái

保持积极乐观的心态并勇于迎接每一次未知的挑战，是通往卓越职业生涯的最佳通行证。

Bǎo chí jī jí lè guān de xīn tài bìng yǒng yú yíng jiē měi yí cì wèi zhī de tiǎo zhàn, shì tōng wǎng zhuó yuè zhí yè shēng yuán de zuì jiā tōng xíng zhèng.

Giữ vững tâm thái tích cực lạc quan và dũng cảm đón nhận mọi thử thách mới chính là tấm vé thông hành tốt nhất trên hành trình sự nghiệp đỉnh cao.

20 nét

HÁN VIỆT: TÍCH CỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#306

积极性

jī jí xìng

tích tích cực, sự hăng hái nhiệt tình

高校通过建立健全科学合理的科技成果转化激励机制，极大调动了科研人员的创新创业积极性。

Gāo xiào tōng guò jiàn lì jiàn quán kē xué hé lǐ de kē jì chéng guǒ zhuǎn huà jī lì jī zhì, jí dà diào dòng le kē yán rén yuán de chuàng xīn chuàng yè jī jí xìng.

Trường đại học thông qua việc xây dựng hoàn thiện cơ chế khuyến khích chuyển giao thành quả khoa học công nghệ hợp lý khoa học đã khơi dậy mạnh mẽ tính tích cực sự hăng hái nhiệt tình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các cán bộ nghiên cứu.

31 nét

HÁN VIỆT: TÍCH CỰC TÍNH

HSK 3
(3.0)Danh từ / Tính từ / Phó
từ #307

基本

jī běn

cơ bản, chủ yếu, căn bản

掌握扎实的高等数学与计算机编程技能，是从事现代前沿数据科学研究的基本功。

Zhǎng wò zhā shí de gāo děng shù xué yǔ jì suàn jī biǎn chéng jī néng, shì cóng shì xiān dài qián yán shù jù kē xué yán jiū de jī běn gōng.

Nắm vững kỹ năng toán cao cấp và lập trình máy tính vững chắc là kỹ năng cơ bản để làm công tác nghiên cứu khoa học dữ liệu mũi nhọn hiện đại.

20 nét

HÁN VIỆT CƠ BẢN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#308

基本上

jī běn shàng

về cơ bản, nhìn chung

经过连日来的加班加点调试，大科学装置核心控制系统的关键词已经基本上达到了设计要求。

Jīng guò lián rì lái de jiā bā jiā diǎn tiáo shì, dà kē xué zhuāng zhì hé xīn kòng zhì xì tǒng de guān jiàn zhī biāo yǐ jīng jī běn shàng dá dào le shè jì yāo qiú.

Trải qua những ngày liên tục làm thêm giờ hiệu chỉnh, các chỉ tiêu then chốt của hệ thống điều khiển cốt lõi thiết bị khoa học lớn về cơ bản nhìn chung đã đạt tới yêu cầu thiết kế.

28 nét

HÁN VIỆT CƠ BẢN THƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#309

基础

jī chǔ

nền tảng, cơ sở

万丈高楼平地起，扎实的数学与编程基础是从事高深人工智能前沿算法研究的基石。

Wàn zhàng gāo lóu píng dì qǐ, zhā shí shù héng de shù xué yǔ biān chéng jī chǔ shì cóng shì gāo shēn rén gōng zhì néng qián yán suàn fǎ yán jiū de jī shí.

Nhà cao vạ trượng bắt đầu từ móng đất, nền tảng toán học và lập trình vững chắc sâu dày là viên đá tảng để nghiên cứu các thuật toán trí tuệ nhân tạo chuyên sâu đỉnh cao.

24 nét

HÁN VIỆT CƠ SỞ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#310

及时

jí shí

kịp thời, đúng lúc

遇到技术架构疑难问题时及时向资深技术专家请教，可以有效避免走弯路并提高研发效率。

Yù dào jì shù jià gòu yí nán wèn tí shí jí shí xiàng zī shēn jì shù zhuān jiā qǐng jiào, kě yǐ yǒu xiào bì miǎn zǒu wǎn lù bìng tí gāo yán fā xiào lǜ.

Khi gặp phải vấn đề nan giải về kiến trúc kỹ thuật hãy kịp thời xin ý kiến các chuyên gia công nghệ giàu kinh nghiệm, điều này giúp tránh đi đường vòng và tăng hiệu suất nghiên cứu.

24 nét

HÁN VIỆT CẬP THỜI

HSK 3 (3.0)

Phó từ chỉ mức độ

#311

极了

jí le

...hết mức, cực kỳ, vô cùng

登上泰山之巅观看壮美绝伦的日出云海，眼前雄浑辽阔的景象真是壮观极了！

Dēng shàng tài shān zhī diǎn guān kàn zhuàng měi jué lún de rì chū yún hǎi, yǎn qián xióng hún liáo kuò de jǐng xiàng zhēn shì zhuàng guān jí le!

Trèo lên đỉnh Thái Sơn ngắm bình minh biển mây trắng lệt tuyết trắng, cảnh tượng bao la hùng vĩ trước mắt thực sự là tráng quan hùng vĩ cực kỳ hết mức!

23 nét

HÁN VIỆT CỰC LIỄU

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#312

集体

jí tǐ

tập thể

个人的智慧如同水滴，只有融入集体事业的磅礴大海中才能激荡起壮丽的浪花。

Gè rén de zhì huì rú tóng shuǐ dī, zhǐ yǒu róng rù jī tǐ shì yè de páng bó dà hǎi zhōng cái néng jī dàng qǐ zhuàng lì de làng huā.

Trí tuệ của cá nhân tựa như giọt nước nhỏ bé, chỉ khi hòa mình vào đại dương bao la của sự nghiệp tập thể mới có thể cuộn trào nên những ngọn sóng trắng lệt.

16 nét

HÁN VIỆT TẬP THỂ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#313

集中

jí zhōng

tập trung, gom lại

在重大关键核心技术攻坚阶段，必须集中优势科研资源与拔尖领军人才实施重点突破。

Zài zhòng dà guān jiàn hé xīn jì shù gōng gōng jiān jiē duàn, bì xū jí zhōng yōu shì kē yán zī yuán yǔ bá jiān lǐng jūn rén cái shí shī zhòng diǎn tú pò.

Trong giai đoạn then chốt đột phá các công nghệ lõi trọng điểm, nhất thiết phải tập trung các nguồn lực khoa học ưu việt cùng đội ngũ nhân tài dẫn đầu để tạo bước đột phá.

16 nét

HÁN VIỆT TẬP TRUNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#314

计算

jì suàn

tính toán, suy tính; thuật toán

借助国家超级计算中心的超强算力，气象学家可以在数分钟内完成全球极端天气路径模拟计算。

Jiè zhù guó jiā chāo jí jì shù suàn zhōng xīn de chāo qiáng suàn lì, qì xiàng xué jiā kě yǐ zài shù fēn zhōng nèi wán chéng quán qiú jù jí tiān qì lù jīng mō nǐ jì suàn.

Nhờ vào sức mạnh tính toán siêu việt của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia, các nhà khí tượng học có thể hoàn thành việc tính toán mô phỏng đường đi của thời tiết cực đoan toàn cầu chỉ trong vài phút.

25 nét

HÁN VIỆT KẾ TOÁN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#315

记录

jì lù

ghi chép, ghi lại; biên bản, kỷ lục

在野外生态考察过程中，考察队员们用高精度红外相机详细记录了雪豹种群的活动轨迹。

Zài yě wài shēng tài kǎo chá guò chéng zhōng, kǎo chá duì yuán men yòng gāo jīng dù hóng wài xiàng jī xiàng xī jì lù le xuě bào zhòng qún de huó dòng guī jī.

Trong quá trình khảo sát sinh thái dã ngoại, các thành viên đoàn khảo sát đã dùng máy ảnh hồng ngoại độ nét cao ghi chép chi tiết về quỹ đạo hoạt động của đàn báo tuyết.

23 nét

HÁN VIỆT KÝ LỤC



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#316

记者

jì zhě

phóng viên, nhà báo

那位坚守正义的新闻调查记者深入一线暗访数月，终于揭露了一起重大的环境违法污染真相。

Nà wèi jiān shǒu zhèng yì de xīn wén diào chá jì zhě shēn rù yī xiàn àn fǎng shù yuè, zhōng yú jiē lù le yī qì zhòng dà de huán jīng wéi fǎ wū rǎn zhēn xiàng.

Người phóng viên điều tra báo chí kiên định với công lý ấy đã lặn lội thâm nhập thực tế suốt nhiều tháng ròng, cuối cùng cũng phơi bày sự thật về một vụ xả thải gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

26 nét

HÁN VIỆT · KÝ GIẢ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#317

纪录

jì lù

kỷ lục (thể thao, thành tích)

在刚刚结束的全国田径锦标赛百米飞人大战中，年轻选手以优异成绩打破了保持十年的全国纪录。

Zài gāng gāng jié shù de quán guó tián jīng biāo sài bǎi mǐ fēi rén dà zhàn zhōng, nián qīng xuǎn shǒu yǐ yōu yì chéng jī dǎ pò le bǎo chí shí nián de quán guó jì lù.

Trong cuộc đua 100m nam tại giải vô địch điền kinh toàn quốc vừa kết thúc, vận động viên trẻ tuổi đã xuất sắc phá vỡ kỷ lục quốc gia được duy trì suốt 10 năm qua.

21 nét

HÁN VIỆT · KỶ LỤC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#318

纪念

jì niàn

kỷ niệm, tưởng niệm, đồ lưu niệm

为了隆重纪念这位为人类航天事业做出卓越贡献的伟大先驱，国家建立了航天科技纪念馆。

Wèi le lóng zhòng jì niàn zhè wèi wéi rén lèi háng tiān shì yè zuò chū zhū yuè gòng xiàn de wēi dà xiān qū, guó jiā jiàn lì le háng tiān kē jì jì niàn guǎn.

Nhằm long trọng tưởng niệm vị tiên bối vĩ đại đã có những cống hiến kiệt xuất cho sự nghiệp hàng không vũ trụ nhân loại, Nhà nước đã thành lập Nhà tưởng niệm Khoa học Hàng không Vũ trụ.

20 nét

HÁN VIỆT · KỶ NIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#319

技术

jì shù

kỹ thuật, công nghệ

量子计算与前沿生物医药技术的深度融合，将为人攻克重大疾病带来颠覆性的新希望。

Liàng zǐ jì suàn yǔ qián yán shēng wù yī yào jì shù de shēn dù róng hé, jiāng wéi rén gōng kè zhòng dà jī bìng dài lái fān lüè xìng de xīn xī wàng.

Sự kết hợp sâu sắc giữa điện toán lượng tử và công nghệ y sinh tiên tiến sẽ mang lại niềm hy vọng mang tính bước ngoặt cho nhân loại trong việc đẩy lùi các căn bệnh hiểm nghèo.

22 nét

HÁN VIỆT · KỸ THUẬT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#320

继续

jì xù

tiếp tục, duy trì

取得阶段性成果后切忌骄傲自满，我们应当总结宝贵经验，继续向更高更远的目标全力冲刺。

Qǔ dé jiē duàn xìng chéng guǒ hòu qì jì jiāo ào zì mǎn, wǒ men yīng dāng zōng jié bǎo guì jīng yàn, jì xù xiàng gèng gāo gèng yuǎn de mù biāo quán lì chōng cǐ.

Sau khi đạt được thành quả giai đoạn ban đầu chớ nên tự mãn kiêu căng, chúng ta cần đúc kết kinh nghiệm quý báu và tiếp tục dốc toàn lực bứt phá hướng tới những mục tiêu cao xa hơn.

22 nét

HÁN VIỆT · KẾ TỤC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#321

加工

jiā gōng

gia công, chế tác, sản xuất gia công

数控五轴联动高精度数控机床能够对大型航空发动机整体叶盘进行微米级高精度复杂曲面加工。

Shù kòng wǔ zhóu lián dòng gāo jīng dù shù kòng jī chuáng néng gòu duì dà xíng háng kōng fā dòng jī zhěng tǐ yè pán jìn xíng wēi mǐ jí gāo jīng dù fù zá qū miàn jiā gōng.

Máy công cụ điều khiển số độ chính xác cao liên kết 5 trục có thể tiến hành gia công các bề mặt cong phức tạp với độ chính xác cao ở cấp độ micromet đối với đĩa cánh quạt liên khối của động cơ hàng không cỡ lớn.

27 nét

HÁN VIỆT · GIA CÔNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#322

加快

jiā kuài

đẩy nhanh, tăng tốc, gia tốc

我们要加快实现高水平科技自立自强，打好关键核心技术攻坚战，把科技命脉牢牢掌握在自己手中。

Wǒ men yào jiā kuài shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, dǎ hǎo guān yàn jī zhōng xīn jì shù gōng gōng zhàn, bǎ kē jì mìng mài láo láo zhǎng wǒ zài zì jǐ shǒu zhōng.

Chúng ta phải đẩy nhanh tăng tốc thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, đánh thắng trận đánh vượt khó công nghệ lõi then chốt, nắm chắc huyết mạch khoa học công nghệ trong tay mình.

27 nét

HÁN VIỆT · GIA KHOÁI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#323

加强

jiā qiáng

tăng cường, củng cố, đẩy mạnh

国家大力加强基础学科拔尖创新人才培养，为建设科技强国提供源源不断的战略智力支撑。

Guó jiā dà lì jiā qiáng jī chǔ xué kē bá jiān chuàng xīn rén cái péi yù, wéi jiàn shè kē jì qiáng guó tí gòng yuán yuán bù duàn de zhàn lüè zhì lì zhī chēng.

Nhà nước ra sức tăng cường củng cố đẩy mạnh bồi dưỡng nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng các môn học cơ bản, mang lại điểm tựa trí tuệ chiến lược liên tục không ngừng cho việc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

25 nét

HÁN VIỆT · GIA CƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#324

家具

jiā jù

đồ nội thất, đồ gỗ gia dụng

新房装修完毕后，他们特意挑选了一套简约优雅、环保健康的实木原色定制家具。

Xīn fáng zhuāng xiū wán bǎo hòu, tā men tè yì tiāo xuǎn le yī tào jiǎn yuē yōu yǎ, huán bǎo jiàn kāng de shí mù yuán sè dìng zhì jiā jù.

Sau khi căn nhà mới hoàn thiện phần thô nội thất, họ đã chọn một bộ đồ gỗ nội thất đồng bộ riêng từ gỗ tự nhiên mộc mạc thanh lịch và thân thiện với sức khỏe.

18 nét

HÁN VIỆT · GIA CỤ


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#325

家属

jiā shǔ

 người nhà, thân nhân, gia đình
người thân

国家切实落实对长期奋战在高原边防哨所官兵及其家属的优抚优待政策，筑牢拥军优属坚固社会防线。

Guó jiā qiè shí luò shí duì cháng qī fèn zhàn zài gāo yuán biān fáng shào suǒ guān bīng jī qí jiā shǔ de yōu fú yōu dài zhèng cè, zhù láo yōng jūn yōu shǔ jiān gù shè huì fáng xiàn.

Nhà nước thực thi thiết thực các chính sách ưu đãi chăm lo đặc biệt đối với cán bộ chiến sĩ cùng thân nhân gia đình người nhà của họ đang ngày đêm chiến đấu nơi các đồn biên phòng vùng cao nguyên, xây đắp vững chắc phòng tuyến xã hội ủng hộ quân đội chăm lo hậu phương.

16 nét

 HÁN VIỆT : **GIA THUỘC**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#326

家乡

jiā xiāng

quê hương, quê nhà

无论走得多远，那条清澈见底的小河与村口茂密的大榕树，永远是游子心中最魂牵梦萦的家乡印记。

Wú lùn zǒu dé duō yuǎn, nà tiáo qīng chè jiàn dǐ de xiǎo hé yǔ cūn kǒu mào mì de dà róng shù, yǒng yuǎn shì yóu zǐ xīn zhōng zuì hún qiān mèng yīng de jiā xiāng yìn jì.

Bất luận có đi xa tới đâu, con sông nhỏ nước trong veo nhìn thấu đáy cùng cây đa rậm rạp đầu làng mãi mãi là dấu ấn quê hương da diết nhất trong lòng người con xa xứ.

19 nét

 HÁN VIỆT : **GIA HƯƠNG**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#327

价格

jià gé

giá cả, mức giá

在国际大宗商品交易市场上，供求关系的微妙变化会直接引发原油与黄金现货价格的波动。

Zài guó jì dà zōng shāng pīn jiāo yì shì chǎng shàng, gòng qiú guān xì de wēi miào biàn huà huì zhí jiē yīn fā yuán yóu yǔ huáng jīn xiàn huò jià gé de bō dòng.

Trên thị trường giao dịch hàng hóa nguyên liệu quốc tế, sự thay đổi nhỏ trong quan hệ cung cầu sẽ trực tiếp tác động làm biến động giá cả của dầu thô và vàng giao ngay.

22 nét

 HÁN VIỆT : **GIÁ CÁCH**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#328

价钱

jiàqian

giá tiền, mức giá

平价惠民生鲜超市里的各类绿色新鲜蔬菜品种齐全、价钱公道，深受广大居民欢迎。

Píng jià huì mǐn shēng xiān chāo shì lǐ de gè lèi lǜ sè xīn xiān shū cài pín zhǒng qí quán, jià qián gōng dào, shēn shòu guāng dà jū mǐn huān yíng.

Các loại rau tươi sạch xanh trong siêu thị tươi sống bình ổn giá phục vụ dân sinh chủng loại đầy đủ phong phú, giá tiền mức giá phải chăng hợp lý, được đông đảo cư dân đón nhận nồng nhiệt.

28 nét

 HÁN VIỆT : **GIÁ TIỀN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#329

价值

jià zhí

giá trị

人生的真正价值在于为社会创造了多少福祉与为他人带来了多少温暖，而非单纯积累个人财富。

Rén shēng de zhēn zhèng jià zhí zài yú wèi shè huì chuàng zào le duō shǎo fú zhǐ yǔ wèi tā rén dài lái le duō shǎo wēn nuǎn, ér fēi dān chún jī lěi gè rén cái fù.

Giá trị đích thực của một đời người nằm ở việc đã cống hiến được bao nhiêu phúc lợi cho xã hội và mang lại bao nhiêu hơi ấm cho người khác, chứ không đơn thuần chỉ là tích lũy của cải cá nhân.

24 nét

 HÁN VIỆT : **GIÁ TRỊ**
HSK 3 (3.0)

Lượng từ / Danh từ / Động từ

#330

架

jià

chiếc, cái (máy bay, đàn); giá đỡ; bắc (cầu)

在万众瞩目中，又一架国产大型宽体客机平稳降落在国际机场跑道上，圆满完成试飞任务。

Zài wàn zhòng zhǔ mù zhōng, yòu yí jià guó chǎn dà xíng kuān tǐ kè jī píng wěn jiàng luò zài jī chǎng pǎo dào shàng, yuán mǎn wán chéng shì fēi rèn wu.

Trong sự dõi theo của muôn người, lại thêm một chiếc máy bay chở khách thân rộng cỡ lớn do nước nhà sản xuất đã hạ cánh êm thuận xuống đường băng sân bay quốc tế, hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ bay thử.

14 nét

 HÁN VIỆT : **GIÁ**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#331

坚持

jiān chí

kiên trì, bền bỉ

只要每天坚持练习听说读写，你的中文综合运用水平就一定取得突破性进展。

Zhǐ yào měi tiān jiān chí liànxí tīng shuō dú xiě, nǐ de zhōng wén zōng hé yòng fǎ yì yùn yòng shuǐ píng jiù yí dìng huì qǔ dé tú pō xīng jìn zhǎn.

Chỉ cần mỗi ngày kiên trì luyện tập nghe nói đọc viết, trình độ ứng dụng tiếng Trung tổng hợp của bạn nhất định sẽ có bước tiến vượt bậc.

25 nét

 HÁN VIỆT : **KIÊN TRÌ**
HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#332

坚决

jiān jué

kiên quyết, dứt khoát, quả quyết

国家坚决依法严厉打击任何危害粮食安全、生态红线与公共卫生安全的违法犯罪行为。

Guó jiā jiān jué yī fǎ yán lì dǎ jī rēn hé wēi hài liáng shí ān quán, shēng tài hóng xiàn yǔ gōng gòng wèi shēng ān quán de wéi fǎ fàn zuì xíng wéi.

Nhà nước kiên quyết xử lý nghiêm minh theo pháp luật đối với bất kỳ hành vi vi phạm pháp luật nào gây tổn hại tới an ninh lương thực, lẫn ranh dõ sinh thái và an toàn vệ sinh công cộng.

26 nét

 HÁN VIỆT : **KIÊN QUYẾT**
HSK 3 (3.0)

Tính từ

#333

坚强

jiān qiáng

kiên cường, bất khuất, vững vàng

面对突如其来的重大变故与逆境，她以惊人的毅力展现出了无比坚强乐观的生命姿态。

Miàn duì tū rú qí lái de zhòng dà biàn gù yǔ nǐ jīng, tā yǐ jīng rén de yì lì zhǎn xiàn chū wú bǐ jiān qiáng lè guān de shēng mìng zī tài.

Đứng trước biến cố lớn và nghịch cảnh bất ngờ ập đến, cô đã bằng nghị lực phi thường thể hiện một tư thế sống vô cùng kiên cường và lạc quan.

24 nét

 HÁN VIỆT : **KIÊN CƯỜNG**



HSK 3 (3.0)

Tính từ

#334

简单

jiǎn dān

đơn giản

Đạo này ngữ pháp bài tập nhìn không phức tạp, chỉ cần nắm vững câu trúc cơ bản là trả lời được ngay.

Zhè dào Hànyǔ yǔfǎ liànxí kàn qǐ lái bìng bù fù zá, zhǐ yào zhuān chéng jī chǔ jù shì jiù hěn róng yì jiě dá.

Bài tập ngữ pháp tiếng Trung này trông không hề phức tạp chút nào, chỉ cần nắm vững cấu trúc câu cơ bản là trả lời được ngay.

24 nét

HÁN VIỆT: GIẢN ĐƠN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#335

简直

jiǎnzhí

quả thật, quả là, hầu như dường như

Đạo này đội ngũ nghiên cứu kỹ thuật quang học chính xác cao, độ chính xác đo lường đạt đến mức độ khó tin.

Zhè xiàng yóu qīng nián tuán duì zì zhǔ gōng kè de gāo jīng mǐ guāng xué fáng zhèn xì tǒng, qí cè liáng jīng zhǔn dù jiǎn zhí dá dào le lìng rén nán yǐ zhì xìn de jí xiàn shuǐ zhǔn.

Hệ thống chống rung quang học độ chính xác cao do nhóm thanh niên tự chủ vượt khó chế tạo này có độ chính xác đo lường đạt đến mức độ khó tin.

22 nét

HÁN VIỆT: GIẢN TRỰC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#336

建

jiàn

xây dựng

Đạo khuyến khích mọi người tích cực xây dựng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiàn, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

11 nét

HÁN VIỆT: KIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#337

建成

jiànchéng

xây dựng hoàn thành, khánh thành hoàn tất

Thế giới lớn nhất kính viễn vọng mặt đất "Mắt Trời Trung Quốc" đã xây dựng hoàn thành.

Shì jiè zuì dà dān kǒu jīng yuǎn wàng miàn shè diàn wàng yuǎn jīng "zhōng guó tiān yǎn" guǎn miàn jiàn chéng bìng zhèng shì tóu rù cháng tài huà tiān wén kē yán guān cè.

Kính viễn vọng vô tuyến hình cầu khẩu độ đơn lớn nhất thế giới "Mắt Trời Trung Quốc" (FAST) đã xây dựng hoàn thành, khánh thành toàn diện và chính thức đưa vào quan sát nghiên cứu khoa học thiên văn thường thái hóa.

21 nét

HÁN VIỆT: KIẾN THÀNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#338

建立

jiàn lì

thiết lập, gây dựng, thành lập

Trong việc triển khai nghiên cứu đột phá liên ngành tiên phong quốc tế, việc thiết lập cơ chế đổi mới sáng tạo phối hợp liên viện trường trở nên quan trọng.

Zài kāi zhǎn guó jì qián yán kuà xué kē kē yán gōng guān zhōng, jiàn lì gāo xiào shùn chàng de kuà jī gòu xié tóng chuàng xīn jī zhì zhì guān zhōng yào.

Trong việc triển khai nghiên cứu đột phá liên ngành tiên phong quốc tế, việc thiết lập cơ chế đổi mới sáng tạo phối hợp liên viện trường trở nên quan trọng.

24 nét

HÁN VIỆT: KIẾN LẬP

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#339

建设

jiàn shè

xây dựng, kiến thiết, công cuộc xây dựng

Đẩy mạnh xây dựng văn minh sinh thái và phát triển xanh bền vững là sự nghiệp lâu dài, cần kiên trì thực hiện.

Tuī jìn shēng tài wén míng jiàn shè yǔ lù sè kě chí xù fā zhǎn, gōng zài qiān qiū, guān hū zhōng huá mín zú yǒng xù fā zhǎn dà jì.

Đẩy mạnh xây dựng văn minh sinh thái và phát triển xanh bền vững là sự nghiệp lâu dài, cần kiên trì thực hiện.

23 nét

HÁN VIỆT: KIẾN THIẾT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#340

建议

jiàn yì

kiến nghị, đề xuất, lời khuyên

Đạo này khu vực mưa lũ nghiêm trọng, các địa phương cần tăng cường giám sát và phòng ngừa.

Zhēn duì chéng shì lǎo jiù jū qū yǔ jì nòng lǎo yǎn huàn, zhèng xié wēi yuán mēn jīng guò shì dì kào chá tí chū le duō tiáo tiáo qí shì kě xíng de gǎi zào jiàn yì.

Đạo này khu vực mưa lũ nghiêm trọng, các địa phương cần tăng cường giám sát và phòng ngừa.

21 nét

HÁN VIỆT: KIẾN NGHỊ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#341

将近

jiāng jìn

gần, sắp xỉ, suýt soát (thời gian, số lượng)

Đạo này khu vực mưa lũ nghiêm trọng, các địa phương cần tăng cường giám sát và phòng ngừa.

Zhōng guó gāo sù tiě lù yùn xíng zǒng lǐ chéng yǐ jīng jiāng jìn wǔ wàn gōng lǐ, wěn jū quán qiú gāo sù tiě lù yùn xíng zǒng lǐ de sān fēn zhī èr yǐ shàng.

Tổng chiều dài vận hành đường sắt cao tốc của Trung Quốc đã gần 50.000 cây số, vững vàng chiếm hơn 2/3 tổng chiều dài đường sắt cao tốc của toàn thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG CẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#342

将来

jiāng lái

tương lai, sau này

Đạo này khu vực mưa lũ nghiêm trọng, các địa phương cần tăng cường giám sát và phòng ngừa.

Lì zú dāng xià jiǎo tà shí dì nǚ lì fèn dòu, cái néng zài jiāng lái yíng jiē jī yù shí yǒng yǒu cóng róng zì xìn de dǐ qì.

Đạo này khu vực mưa lũ nghiêm trọng, các địa phương cần tăng cường giám sát và phòng ngừa.

21 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG LAI



HSK 3 (3.0)

Động từ

#343

交费

jiāofèi

nộp phí, đóng tiền phí

市民如今通过手机政务服务应用程序，足不出户就能一键完成水电燃气与物业费用的线上交费。

Shì mǐn rú jīn tōng guò shǒu jī zhèng wù fú wù yīng yòng chéng xù, zú bù chū hù jiù néng yí jiàn wán chéng shuǐ diàn rán qì yǔ wù yè fèi yòng de xiàn shàng jiāo fèi.

Người dân ngày nay thông qua ứng dụng dịch vụ hành chính công trên điện thoại di động, chẳng cần bước chân ra khỏi nhà là có thể nộp phí đóng tiền phí dịch vụ quản lý tòa nhà và điện nước gas trực tuyến chỉ bằng một nút bấm.

21 nét

HÁN VIỆT: GIAO PHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#344

交警

jiāojǐng

cảnh sát giao thông, CSGT

在暴风雪极端恶劣天气中，执勤交警冒着严寒指挥交通，全力保障广大群众平安出行。Zài bào fēng xuě jí duān è liè tiān qì zhōng, zhí qín jiāo jǐng mào zhe yán hán zhǐ huī jiāo tōng, quán lì bǎo zhàng guāng dà qún zhòng píng ān chū xíng.

Trong thời tiết cực kỳ khắc nghiệt của bão tuyết, các chiến sĩ cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ đã đội giá rét điều khiển giao thông, dốc toàn lực bảo đảm người dân đi lại bình an.

16 nét

HÁN VIỆT: GIAO CẢNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#345

交流

jiāo liú

giao lưu, trao đổi

语言不仅是传递信息的实用工具，更是促进不同文明互鉴与心灵沟通的交流桥梁。

Yǔ yán bù jǐn shì chuán dì xìn xī de shí yòng gōng jù, gèng shì cù jìn bù tóng wén míng hù jiàn yǔ xīn líng gōu tōng de jiāo liú qiáo liáng.

Ngôn ngữ không chỉ là công cụ hữu dụng để truyền đạt thông tin, mà hơn thế nữa còn là nhịp cầu giao lưu thúc đẩy sự học hỏi lẫn nhau giữa các nền văn minh và kết nối tâm hồn.

20 nét

HÁN VIỆT: GIAO LƯU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#346

交往

jiāo wǎng

giao lưu, qua lại, quan hệ tiếp xúc qua lại

在推进共建“一带一路”高质量发展进程中，各国人民之间的友好往来与人文交往不断深化。

Zài tuī jìn gòng jiàn "yī dài yí lù" gāo zhì liàng fā zhǎn jìn chéng zhōng, gè guó rén mín zhī jiān de yǒu hǎo wǎng lái yǔ rén wén jiāo wǎng bú duàn shēn huà.

Trong tiến trình thúc đẩy phát triển chất lượng cao cùng xây dựng 'Vành đai và Con đường', sự qua lại hữu nghị cùng giao lưu nhân văn giữa nhân dân các nước không ngừng được làm sâu sắc hơn.

20 nét

HÁN VIỆT: GIAO VǎNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#347

交易

jiāo yì

giao dịch, mua bán trao đổi

全国碳排放权交易市场运行平稳有序，有效发挥了利用市场机制推动全社会绿色低碳转型的枢纽作用。

Quán guó tàn pái fàng quán jiāo yì shì chǎng yún xíng píng wěn yǒu xù, yǒu xiào fā huī le lì yòng shì chǎng jī zhì tuī dòng quán shè huì lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng de shǔ niǔ zuǒ yòng.

Thị trường giao dịch quyền phát thải carbon toàn quốc vận hành ổn định trật tự, phát huy hiệu quả vai trò đầu mối vận dụng cơ chế thị trường để thúc đẩy toàn xã hội chuyển đổi xanh ít phát thải.

16 nét

HÁN VIỆT: GIAO DỊCH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#348

较

jiào

so sánh

老师鼓励大家积极较，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực so sánh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: GIẢO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#349

教材

jiào cái

giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy

这套国家规划重点教材紧扣时代科技前沿，理论体系严谨扎实且配备了丰富的数字化教学资源。

Zhè tào guó jiā guī huà zhòng diǎn jiào cái jīn kòu shí dài kē jì qián yán, lǐ lùn tǐ xì yán zhǐ qín zhā shí qì pèi bèi le fēng fù de shù zì huà jiào xué zī yuán.

Bộ giáo trình trọng điểm cấp quốc gia này bám sát mũi nhọn khoa học công nghệ của thời đại, hệ thống lý luận chặt chẽ vững vàng và được trang bị phong phú các nguồn học liệu số hóa đi kèm.

21 nét

HÁN VIỆT: GIẢO TÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#350

教练

jiào liàn

huấn luyện viên; huấn luyện

国家游泳队资深总教练根据每位运动员的身体机能指标，量身定制了个性化的体能与专项技术训练方案。

Guó jiā yóu yǒng duì zī shēn zǒng jiào liàn gēn jù měi wèi yùn dòng yuán de shēn tǐ jī néng zhǐ biāo, liàng shēn dìng zhì le gè xīng huà de tǐ néng yǔ zhuān xiàng jì shù xùn liàn fāng àn.

Tổng huấn luyện viên giàu kinh nghiệm của đội tuyển bơi lội quốc gia căn cứ theo chỉ số thể trạng của từng vận động viên đã thiết kế riêng phương án rèn luyện thể lực và kỹ thuật chuyên sâu cá nhân hóa.

25 nét

HÁN VIỆT: GIẢO LUYỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#351

接待

jiē dài

tiếp đón, tiếp đãi, đón tiếp

国际青年志愿者团队以热情周到、专业规范的涉外礼仪，圆满完成了本届博览会的国际贵宾接待任务。

Guó jì qīng nián zhì yuàn zhē tuán duì yǐ rè qíng zhōu dào, zhuān yè guī fàn de shè wài lǐ yí, yuán mǎn wán chéng le běn jiè bó lǎn huì de guó jì guì bīn jiē dài rèn wù.

Đội ngũ tình nguyện viên thanh niên quốc tế bằng phong thái lễ tân đối ngoại niềm nở chu đáo và chuyên nghiệp đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp đón các vị khách quý quốc tế tại hội chợ triển lãm lần này.

19 nét

HÁN VIỆT: TIẾP ĐÃI



HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#352

接近

jiē jìn

tiếp cận, gần kề, xấp xỉ

经过多轮技术优化，该国产人工智能大语言模型在多项专业基准测评中的综合表现已经接近国际顶尖水平。

Jīng guò duō lún jì shù yōu huà, gāi guó chān rén gōng zhī néng dà yǔ yán mó xíng zài duō xiàng zhuān yè jī zhūn cè píng zhōng de zōng hé biǎo xiàn yì jīng jìn guó jì dīng jiān shuǐ píng.

Sau nhiều vòng tối ưu hóa công nghệ, sự thể hiện tổng thể của mô hình ngôn ngữ lớn trí tuệ nhân tạo nội địa này trên nhiều bài kiểm thử tiêu chuẩn chuyên ngành đã tiệm cận mức hàng đầu thế giới.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TIẾP CẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#353

节约

jié yuē

tiết kiệm

随手关灯、节约每一度电和每一滴水，是我们每个人都可以身体力行的环保好习惯。

Suí shǒu guān dēng, jié yuē měi yí dù diàn hé měi yí dī shuǐ, shì wǒ men měi gè rén dōu kě yǐ shēn tǐ lì xíng de huán bǎo hào xí guān.

Tắt đèn khi ra khỏi phòng, tiết kiệm từng số điện và từng giọt nước là thói quen sống xanh mà mỗi chúng ta đều có thể dễ dàng thực hành hàng ngày.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: TIẾT YUÊ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#354

结合

jié hé

kết hợp, gắn kết

将深厚扎实的理论基础与鲜活生动的工程实践紧密结合，是培养卓越工程师的关键路径。

Jiāng shēn hòu zhā shí de lǐ lùn jī chǔ yǔ xiān huó shēng dòng de gōng chéng shí jiàn jīn mì jié hé, shì péi yǎng zhuó yuè gōng chéng shī de guān jiàn lù jīng.

Việc gắn kết chặt chẽ giữa nền tảng lý thuyết sâu rộng vững chắc với thực tiễn kỹ thuật công trình sinh động là con đường then chốt để đào tạo nên những kỹ sư xuất sắc.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: KẾT CÁP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#355

结婚

jié hūn

kết hôn

哥哥和相恋多年的大学同窗好友上个月在海边举行了浪漫的婚礼，正式结婚了。

Gēgē hé xiāng liàn duō nián de dà xué tóng chuāng hǎo yǒu shàng gè yuè zài hǎi biān jǔ xíng le làng mǎn de hūnlǐ, zhèng shì jié hūn le.

Anh trai và người bạn gái thời đại học gần bó nhiều năm tháng trước đã tổ chức một hôn lễ lãng mạn bên bờ biển, chính thức kết hôn rồi.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: KẾT HÔN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#356

结实

jiē shí

chắc chắn, bền chắc, rắn rỏi

这套采用传统榫卯工艺手工精制的全实木书架不仅古朴典雅，而且结实耐用、历久弥坚。

Zhè tào cǎi yòng chuán tǒng sǔn mǎo gōng yì shǒu gōng jīng zhì de quán shí mù shù jiǎ bù jīn gǔ piǎo diǎn yǎ, ér qiě jiē shí nài yòng, lì jiǔ mí jiān.

Bộ giá sách gỗ thật tự nhiên làm thủ công bằng kỹ thuật mộng ngàm cổ truyền này không chỉ cổ kính tao nhã mà còn vô cùng chắc chắn, bền bỉ cùng thời gian.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: KẾT THỰC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#357

结束

jié shù

kết thúc, khép lại hoàn thành

经过为期五天的精彩学术研讨与成果交流，首届国际青年科技创新论坛在全场热烈掌声中圆满结束。

Jīng guò wéi qī wǔ tiān de jīng cǎi xué shù yán tǎo yǔ chéng guó jiāo liú, shǒu jiè guó jì qīng nián kē jì chuàng xīn lùn tán zài quán chǎng rè liè zhǎng shēng zhōng yuán mǎn jié shù.

Trải qua 5 ngày trao đổi thành quả và hội thảo học thuật đặc sắc, Diễn đàn Đổi mới Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật Thanh niên Quốc tế lần thứ nhất đã kết thúc khép lại mỹ mãn trọn vẹn trong tràng pháo tay nhiệt liệt của toàn thể khán phòng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: KẾT THỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#358

解决

jiě jué

giải quyết

只要大家集思广益、团结协作，再复杂的难题也终将迎刃而解。

Zhǐ yào dà jiā jí sī guǎng yì, tuán jié zuó yì, zài fù zá de nán tí yě zhōng jiāng yíng rèn ér jiě.

Chỉ cần mọi người cùng góp sức đóng góp ý kiến và đoàn kết hợp tác, nan đề phức tạp đến đâu rồi cũng sẽ được giải quyết ổn thỏa.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: GIẢI QUYẾT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#359

解开

jiě kāi

mở ra, tháo cởi; giải mã (bí ẩn)

古生物学家通过对远古生物化石的高精度断层扫描，成功解开了该物种早期演化的核心生命奥秘。

Gǔ shēng wù xué jiā tōng guò duì yǎn gǔ shēng wù huà shí de gāo jīng dù duàn céng sǎo miáo, chéng gōng jiě kāi le gāi wù zhǒng zǎo qī yǎn huà de hé xīn shēng mìng ào mì.

Các nhà cổ sinh vật học thông qua việc chụp cắt lớp độ chính xác cao đối với hóa thạch sinh vật cổ đại đã giải mã mở ra thành công bí ẩn sinh mệnh cốt lõi về sự tiến hóa giai đoạn đầu của loài này.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: GIẢI KHAI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#360

金

jīn

vàng

老师鼓励大家积极金，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī jīn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực vàng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: KIM



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#361

金牌

jīnpái

huy chương vàng, giải vàng

在国际奥林匹克数学与物理竞赛中，我国青年代表队凭借扎实功底与出色发挥包揽了全部金牌。

Zài guó jì ào lín pǐ kè shù xué yǔ wù lǐ jìng sài zhōng, wǒ guó qīng nián dài biào duì píng jì jiē zhā shí gōng dī yǔ chū sè fā huī bāo lǎn le quán bù jīn pái.

Trong Kỳ thi Olympic Toán học và Vật lý Quốc tế, đội tuyển đại diện thanh niên nước ta nhờ vào nền tảng vững vàng và phong độ xuất sắc đã thu tóm toàn bộ huy chương vàng giải vàng.

21 nét

HÁN VIỆT: KIM BÀI

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#362

仅

jǐn

chỉ, chỉ có vồn vẹn

乘坐新一代时速六百公里高速磁浮试验列车，从北京到上海全程运行时间仅需两个半小时。

Chéng zuò xīn yí dài shí sù liù bǎi gōng lǐ gāo sù cí fú shì yàn liè chē, cóng běi jīng dào shàng hǎi quán chéng yùn xíng shí jiān jǐn xū liǎng gè bàn xiǎo shí.

Ngồi trên đoàn tàu thử nghiệm đệm từ cao tốc thế hệ mới vận tốc 600 km/h, toàn bộ thời gian chạy từ Bắc Kinh đến Thượng Hải chỉ vồn vẹn mất hai tiếng rưỡi đồng hồ.

13 nét

HÁN VIỆT: CẬN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#363

仅仅

jǐnjǐn

chỉ, vồn vẹn chỉ là

科学研究不仅仅是发表学术论文，更重要的是将科研成果切实转化为造福人民的实际生产力。

Kē xué yán jiū bù jǐn jǐn shì fā biāo xué shù lùn wén, gèng zhòng yào de shì jiāng kē yán chéng guǒ qiè shí zhuān huà wéi zào fú rén mín de shí jì shēng chǎn lì.

Nghiên cứu khoa học không chỉ vồn vẹn chỉ là công bố các bài báo luận văn học thuật, mà điều quan trọng hơn là phải chuyển hóa thiết thực thành quả nghiên cứu khoa học thành lực lượng sản xuất thực tế mang lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân.

26 nét

HÁN VIỆT: CẬN CẬN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#364

尽量

jǐn liàng

hết sức, cố gắng tối đa, hết mức có thể

在日常饮食中我们应当尽量减少高糖、高盐与高油腻食品的摄入，坚持清淡健康的饮食习惯。

Zài rì cháng yǐn shí zhōng wǒ men yīng dāng jǐn liàng jiǎn shǎo gāo táng, gāo yán yǔ gāo yóu nì shí pǐn de shè rù, jiān chí qīng dàn jiàn kāng de yǐn shí xí guān.

Trong chế độ ăn uống hàng ngày chúng ta nên cố gắng hết sức giảm thiểu việc dung nạp các loại thực phẩm nhiều đường, nhiều muối và dầu mỡ, duy trì thói quen ăn uống thanh đạm lành mạnh.

21 nét

HÁN VIỆT: TẬN LƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#365

紧

jǐn

chật, khít; gấp, khẩn trương, sát nút

虽然本次跨国联合研发攻关的时间表非常紧迫，但团队全体成员依然信心百倍、斗志昂扬。

Suī rán běn cì kuà guó lián hé yán fā gōng guān de shí jiān biǎo fēi cháng jǐn pò, dàn tuán duì quán tǐ chéng yuán yī rán xìn xīn bǎi bèi, dòu zhì áng yáng.

Mặc dù mốc thời gian biểu của đợt phối hợp nghiên cứu phát triển xuyên quốc gia lần này vô cùng gấp gáp, nhưng toàn thể thành viên trong nhóm vẫn tràn đầy tự tin và ngùn ngụt khí thế quyết tâm.

8 nét

HÁN VIỆT: KHẨN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#366

紧急

jǐn jí

khẩn cấp, cấp bách

遇到极端暴雨导致的地质灾害险情时，应急防汛指挥部会立即启动紧急人员疏散预案。

Yù dào jí duān bào yǔ dǎo zhì de dì zhì zāi hài xiǎn qīng shí, yìng jí fáng xùn zhǐ huī bù huì lǐ jí qǐ dòng jǐn jí rén yuán sǎn yù àn.

Khi gặp phải nguy cơ thảm họa địa chất do mưa bão cực đoan gây ra, ban chỉ huy phòng chống thiên tai khẩn cấp sẽ lập tức kích hoạt phương án sơ tán người dân khẩn cấp.

17 nét

HÁN VIỆT: KHẨN CẤP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#367

紧张

jǐn zhāng

căng thẳng, hồi hộp

登上国际学术演讲台前他感到心跳加速十分紧张，但深呼吸几次后便迅速调整到了最佳状态。

Dēng shàng guó jì xué shù yǎn jiǎng tái qián tā gǎn dào xīn tiào jiā sù shí fēn jǐn zhāng, dàn shēn hū jǐ cì hòu biàn xùn sù tiáo zhěng dào le zuì jīa zhuàng tài.

Trước khi bước lên bục diễn thuyết học thuật quốc tế anh ấy cảm thấy tim đập nhanh hồi hộp căng thẳng, nhưng sau vài hơi thở sâu đã nhanh chóng lấy lại phong độ tốt nhất.

22 nét

HÁN VIỆT: KHẨN TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#368

近期

jìn qī

thời gian gần đây, dạo gần đây, ngắn hạn

国家科技部近期将正式发布面向未来十年的前沿量子信息与类脑计算重大专项申报指南。

Guó jiā kē jì bù jìn qī jiāng zhèng shì fā bù miàn xiàng wèi lái shí nián de qián yán liàng zǐ xìn xī yǔ lèi nǎo jì suàn zhòng dà zhuān xiàng shēng bào zhǐ nán.

Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia trong thời gian gần đây dạo gần đây sẽ chính thức công bố bản hướng dẫn đăng ký chuyên án trọng đại tính toán phỏng não và thông tin lượng tử tiên phong hướng tới mười năm tới.

22 nét

HÁN VIỆT: CẬN KỲ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#369

进步

jìn bù

tiến bộ, tiến bước, sự tiến bộ

只要每天坚持比昨天多掌握一点新知识，多解决一个新问题，日积月累就必定能取得充足的进步。

Zhǐ yào měi tiān jiān chí bǐ zuó tiān duō zhǎng wò yí diǎn xīn zhī shí, duō jiě jué yí gè xīn wèn tí, rì jī yuè lěi jù bù dīng néng qǔ dé cháng zú de jìn bù.

Chỉ cần mỗi ngày kiên trì nắm vững thêm một chút kiến thức mới, giải quyết thêm một bài toán mới so với ngày hôm qua, thì tích lũy ngày qua ngày nhất định sẽ gặt hái được sự tiến bộ vượt bậc.

20 nét

HÁN VIỆT: TIẾN BỘ



HSK 3 (3.0)

Phó từ

#370

进一步

jìnyíbù

tiến thêm một bước, sâu hơn nữa

为了进一步激发全社会创新创造活力，国家出台了一系列大力支持青年科研骨干挑大梁的政策措施。

Wèi le jìn yí bù jī fā quán shè huì chuàng xīn chuàng zào huó lì, guó jiā chū tái le yí xiè dà lì zhī chí qīng nián kē yán gǔ gàn tiāo dà liáng de zhèng cè cuò shī.

Nhằm tiến thêm một bước khơi dậy sâu hơn nữa sức sống đổi mới sáng tạo của toàn xã hội, nhà nước đã ban hành một loạt chính sách biện pháp hỗ trợ mạnh mẽ các cán bộ nghiên cứu khoa học nòng cốt trẻ tuổi gánh vác trọng trách lớn.

32 nét

HÁN VIỆT: TIẾN NHẤT BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#371

进展

jìn zhǎn

tiến triển, bước tiến, sự phát triển

我国在新一代全超导托卡马克核聚变实验装置运行中取得了突破性进展，再次刷新了世界纪录。

Wǒ guó zài xīn yí dài quán chāo dǎo tuō kǎ mǎ kē hé jù biàn shí yàn chuāng zhì yù n xíng zhōng qǔ dé le tú pò xíng jìn zhǎn, zài cì shuā xīn le shì jiè jì lù.

Nước ta trong việc vận hành thiết bị thực nghiệm nhiệt hạch hạt nhân Tokamak siêu dẫn toàn phần thế hệ mới đã đạt được bước tiến triển mang tính đột phá, một lần nữa làm mới kỷ lục thế giới.

21 nét

HÁN VIỆT: TIẾN TRIỂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#372

京剧

jīng jù

Kinh kịch

作为中国传统戏曲艺术的杰出代表，京剧融合了唱念做打等极其丰富高超的艺术表现形式。

Zuò wéi zhōng guó chuán tǒng xì qǔ yì shù de jié chū dài biǎo, jīng jù róng hé le cháng niàn zuò dǎ děng jí qí fēng fù gāo chāo de yì shù biǎo xiàn xíng shì.

Là đại diện tiêu biểu xuất sắc của nghệ thuật sân khấu cổ truyền Trung Hoa, Kinh kịch kết tinh những hình thức biểu diễn nghệ thuật phong phú và đỉnh cao như xướng, niệm, tố, đả.

21 nét

HÁN VIỆT: KINH KỊCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#373

经济

jīng jì

kinh tế

大力发展数字经济与绿色低碳产业正在成为推动全球高质量可持续发展的新引擎。

Dà lì fā zhǎn shù zì jīng jì yǔ lǜ sè dī tàn chǎn yè zhèng chéng wéi tuī dòng quán qiú gāo zhì liàng kě chí xù fā zhǎn de xīn yīn qíng.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế số và các ngành công nghiệp xanh giảm phát thải carbon đang trở thành động cơ mới thúc đẩy sự phát triển bền vững chất lượng cao toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: KINH TẾ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#374

经历

jīng lì

trải nghiệm, kinh qua, từng trải

青年时期在偏远山区支教志愿服务的宝贵经历，彻底改变了他对人生价值观的深层理解。

Qīng nián shí qī zài piān yuǎn shān qū zhī jiào zhì yuán fú wù de bǎo guì jīng lì, chè dǐ gǎi biàn le tā duì rén shēng jià zhī guān de shēn céng lǐ jiě.

Trải nghiệm quý báu khi đi tình nguyện dạy học ở vùng cao hẻo lánh thời trẻ đã làm thay đổi hoàn toàn nhận thức sâu sắc của anh ấy về các giá trị nhân sinh.

24 nét

HÁN VIỆT: KINH LỊCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#375

经验

jīng yàn

kinh nghiệm

这位资深主刀医生在复杂心脏微创外科手术领域积累了三十余年极其深厚的临床实践经验。

Zhè wèi zī shēn zhǔ dāo yī shēng zài fù zá xīn zāng wēi chuāng wài kē shù shù lǐng yù jī lèi le sān shí yǔ nián jí qí shēn hòu de lín chuāng shí jiàn jīng yàn.

Bác sĩ phẫu thuật chính giàu kinh nghiệm này đã tích lũy hơn 30 năm kinh nghiệm thực hành lâm sàng vô cùng sâu dày trong lĩnh vực phẫu thuật tim vi phẫu phức tạp.

20 nét

HÁN VIỆT: KINH NGHIỆM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#376

经营

jīng yíng

kinh doanh, quản lý điều hành

企业唯有坚持诚信守法经营、注重自主创新与品质至上，才能在激烈的市场浪潮中基业长青。

Qǐ yè wéi yǒu jiān chí chéng xìn shǒu fǎ jīng yíng, zhòng zhòng zì zhǔ chuàng xīn yǔ pǐn zhì zhì shàng, cái néng zài jī lì de shì chǎng làng cháo zhōng jī yè cháng qīng.

Doanh nghiệp chỉ khi kiên trì kinh doanh bằng chữ tín thượng tôn pháp luật, chú trọng đổi mới tự chủ và chất lượng là trên hết mới có thể phát triển sự nghiệp trường tồn giữa sóng gió thương trường.

25 nét

HÁN VIỆT: KINH DOANH

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#377

精彩

jīng cǎi

đặc sắc, tuyệt vời, xuất sắc

昨晚两支世界顶级足球俱乐部联袂奉献了一场高潮迭起、精彩绝伦的巅峰对决。

Zuó wǎn liǎng zhī shì jiè dǐng jí zú qiú jù bù lián mèi fēng xiǎn le yí cháng gāo cháo dié qǐ, jīng cǎi jué lún de diǎn fēng duì jué.

Tối qua hai câu lạc bộ bóng đá hàng đầu thế giới đã cùng nhau cống hiến một trận cầu đỉnh cao kịch tính đến nghẹt thở và vô cùng đặc sắc.

18 nét

HÁN VIỆT: TINH THÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#378

精神

jīng shén

tinh thần, nghị lực, phấn chấn

那种面对逆境百折不挠、勇攀科学高峰的奉献精神，永远值得我们每一个人学习与传承。

Nà zhǒng miàn duì nǐ jìng bǎi zhé bù náo, yǒng pān kē xué gāo fēng de fēng xiàn jīng shén, yǒng yuǎn zhí de wǒ men měi yí gè rén xué xí yǔ chuán chéng.

Tinh thần cống hiến kiên cường bất khuất trước nghịch cảnh và dũng cảm chinh phục đỉnh cao khoa học ấy mãi mãi xứng đáng để mỗi chúng ta học tập và kế thừa.

20 nét

HÁN VIỆT: TINH THẦN


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#379

景色

jǐng sè

cảnh sắc, phong cảnh

深秋时节漫步在香山红叶栈道上，漫山遍野
 层林尽染，壮美秀丽的秋日景色令人流连忘返。

Shēn qiū shí jié màn bù zài xiāng shān hóng yè
 zhàn dào shàng, màn shān biàn yě céng lín jìn
 rǎn, zhuàng měi xiù lì de qiū rì jǐng sè lìng rén liú
 lián wàng fǎn.

Mùa thu muộn dạo bước trên lối mòn ngắm lá
 phong đỏ núi Hương Sơn, khắp núi đồi
 nhuộm thắm sắc đỏ vàng rực rỡ, cảnh sắc
 mùa thu trắng lệt tươi đẹp khiến người ta say
 đắm quên cả lối về.

21 nét

HÁN VIỆT: CẢNH SẮC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#380

警察

jīng chá

cảnh sát, công an

交通警察顶着烈日严寒坚守在繁忙的十字路
 口指挥交通，为市民的安全顺畅出行保驾护航。

Jiāo tōng jǐng chá dǐng zhe lì rì yán hán jiǎn shǒu
 zài fán máng de shí zì lù kǒu zhǐ huī jiāo tōng, wèi
 shì mǐn de ān quán shùn chāng chū xíng bǎo wǎng hù
 háng.

Các chiến sĩ cảnh sát giao thông dãi dãi
 dưới nắng gắt mưa rét kiên trì bám chốt chỉ
 huy phương tiện tại các ngã tư đông đúc, giữ
 gìn an toàn cho việc đi lại của người dân.

22 nét

HÁN VIỆT: CẢNH SÁT

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#381

静

jìng

yên tĩnh, thanh tịnh, tĩnh tâm

非淡泊无以明志，非宁静无以致远；科研工作
 者需要耐得住寂寞、保持一颗专注沉静的
 治学之心。

Fēi dàn bó wú yǐ míng zhì, fēi níng jìng wú yǐ zhì
 yuǎn; kē yán gōng zuò zhě xū yào nài dé zhù jì
 mò, bǎo chí yī kē zhuān zhù chén jìng de zhì xué
 zhī xīn.

Không đạm bạc thì không thể sáng tỏ chí
 hướng, không tĩnh lặng thanh tịnh thì không
 thể đi được tới bước đường xa xôi; người làm
 nghiên cứu khoa học cần phải chịu được sự
 cô đơn quạnh quẽ, giữ vững một trái tim làm
 học vấn trầm tĩnh và chuyên chú.

8 nét

HÁN VIỆT: TĨNH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#382

久

jiǔ

lâu rồi

老师鼓励大家积极久，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de
 zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
 lâu rồi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: CỬU

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#383

旧

jiù

cũ, xưa, đã qua sử dụng

城市更新改造项目在保留历史古建筑旧貌风
 采的同时，全面升级了社区管网与现代化公
 共服务设施。

Chéng shì gēng xīn gǎi zào xiàng mù zài bǎo liú lì
 shǐ gù jiàn zhù jiù mào fēng cǎi de tóng shí, quán
 miàn shēng jí le shè qū guǎn wǎng yǔ xiàn dài
 huà gōng gòng fú wù shè shī.

Dự án cải tạo làm mới đô thị trong khi giữ
 nguyên phong thái diện mạo cũ của các
 công trình kiến trúc cổ lịch sử, đã nâng cấp
 toàn diện mạng lưới đường ống cùng các cơ
 sở dịch vụ công cộng hiện đại hóa của khu
 dân cư.

13 nét

HÁN VIỆT: CỰU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#384

救

jiù

cứu, cứu giúp, cứu chữa, cứu nạn

人民至上、生命至上；在特大自然灾害抢险
 救援一线，国家救援队全力以赴搜救每一
 位受困群众。

Rén mín zhì shàng, shēng mìng zhì shàng; zài
 tè dà zì rán zāi hài qiǎng xiǎn jiù yuán yí xiàn, guó
 jiā jiù yuán duì yuǎn quán lì yǐ fú sǒu jiù měi yí wèi
 shòu kùn qún zhòng.

Nhân dân là trên hết, sinh mệnh là trên hết;
 trên tuyến đầu cứu hộ khẩn cấp thiên tai đặc
 biệt lớn, các đội viên cứu hộ cứu nạn quốc
 gia đã dốc toàn tâm toàn lực tìm kiếm cứu
 giúp cứu nạn từng người dân bị mắc kẹt.

10 nét

HÁN VIỆT: CỬU

**HSK 3
(3.0)**

 Phó từ / Liên từ / Trợ
 từ

#385

就是

jiùshì

chính là; cứ, dẫu là; chỉ là

科技创新的根本目的，就是要让广大人民群众
 过上更加幸福、更加美好的高品质现代生
 活。

Kē jī chuàng xīn de gēn běn mù dì, jiù shì yào
 ràng guāng dà rén mín qún zhòng guò shàng
 gèng jiā xìng fú, gèng jiā měi hǎo de gāo pīn zhì
 xiàn dài shēng huó.

Mục đích căn bản của đổi mới sáng tạo khoa
 học công nghệ chính là để đồng đạo quần
 chúng nhân dân được sống một cuộc sống
 hiện đại chất lượng cao tươi đẹp và hạnh
 phúc hơn.

20 nét

HÁN VIỆT: TỰU THỊ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#386

就业

jiù yè

 việc làm, giải quyết việc làm, tìm
 việc làm

国家坚持实施就业优先战略，强化对高校毕
 业生、退役军人与农民工等重点群体的全方
 位就业支持服务。

Guó jiā jiān chí shí shī jiù yè yōu xiān zhàn lüè,
 qiáng huà duì gāo xiào bì yè shēng, tuì yì jūn rén
 yǔ nóng mǐn gōng děng zhòng diǎn qún tǐ de
 quán fāng wèi jiù yè yǐ zhī chí fú wù.

Nhà nước kiên trì thực thi chiến lược ưu tiên
 việc làm, tăng cường các dịch vụ hỗ trợ giải
 quyết việc làm toàn diện cho các nhóm đối
 tượng trọng điểm như sinh viên tốt nghiệp
 đại học, quân nhân xuất ngũ và lao động
 nông thôn.

22 nét

HÁN VIỆT: TỰU NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#387

举办

jǔ bàn

tổ chức, đăng cai

为深化全球青年学者交流互鉴，北京大学定
 于下个月隆重举办国际汉学高端学术讨
 论会。

Wèi shēn huà quán qiú qīng nián xué zhě jiāo liú
 hù jiàn, běi jīng dà xué dīng yú xià gè yuè lóng
 zhòng jǔ bàn guó jì hàn xué gāo duān xué shù
 yán tao huì.

Nhằm thắt chặt giao lưu học thuật giữa các
 học giả trẻ quốc tế, Đại học Bắc Kinh dự kiến
 sẽ long trọng tổ chức Hội thảo học thuật cấp
 cao về Hán học quốc tế vào tháng tới.

22 nét

HÁN VIỆT: CỬ BIỆN



HSK 3 (3.0)

Tính từ

#388

具体

jù tǐ

cụ thể, chi tiết, rành mạch

在制定重大工程实施计划时，必须明确各个时间节点的具体交付成果与责任人分工。

Zài zhì dìng zhòng dà gōng chéng shí shī jì huà shí, bì xū míng què gè gè shí jiān jié diǎn de jù tǐ jiāo fù chéng guǒ yǔ zé rèn rén fēn gōng.

Khi lập kế hoạch triển khai công trình trọng đại, nhất thiết phải xác định rành mạch các sản phẩm bàn giao cụ thể cùng sự phân công người chịu trách nhiệm tại từng mốc thời gian.

18 nét

HÁN VIỆT: CỤ THỂ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#389

具有

jù yǒu

sở hữu, có được, mang tính (đặc điểm, ý nghĩa)

这项由我国科学家自主研发的深海极端环境探测装备，具有世界领先的高精度感知与抗高压性能。

Zhè xiàng yóu wǒ guó kē xué jiā zì zhǔ yán fā de shēn hǎi jí duān huán jìng tàn cè zhuāng bèi, jù yǒu shì jiè lǐng xiān de gāo jīng dù gǎn zhī yǔ kàng gāo yā xìng néng.

Thiết bị thám trắc môi trường cực đoan biển sâu do các nhà khoa học nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo này sở hữu có được tính năng chịu áp lực cao và cảm nhận độ chính xác cao dẫn đầu thế giới.

19 nét

HÁN VIỆT: CỤ HỮU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#390

剧场

jù chǎng

nhà hát, rạp hát sân khấu

在新建成的国家级现代化艺术剧场内，观众们屏息凝神地欣赏着精彩绝伦的民族芭蕾舞剧。

Zài xīn jiàn chéng de guó jiā jí xiàn dài huà yì shù jù chǎng nèi, guān zhòng men bǐng xī níng shén dì xīn shǎng zhe jīng cǎi jué lún de mín zú bā wǔ jù.

Bên trong nhà hát rạp hát nghệ thuật hiện đại hóa cấp quốc gia mới xây, khán giả nín thở chăm chú thưởng thức buổi biểu diễn kịch múa ba lê dân tộc đặc sắc tuyệt đỉnh.

20 nét

HÁN VIỆT: KỊCH TRÀNG

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#391

据说

jù shuō

nghe nói, tương truyền

据说这座坐落于崇山峻岭之间的千年古刹始建于东汉末年，至今完整保留着珍贵的古壁画遗存。

Jù shuō zhè zuò zuò luò yú chóng shān jùn lǐng zhī jiān de qiān nián gǔ chà shī jiàn yú dòng hàn mò nián, zhì jīn wán zhěng bǎo liú zhe zhēn guī de gǔ bì huà yí cún.

Nghe nói ngôi chùa cổ ngàn năm tọa lạc giữa chốn non cao trùng điệp này được khởi lập từ cuối thời Đông Hán, đến nay vẫn bảo tồn nguyên vẹn những di sản bích họa cổ vô giá.

20 nét

HÁN VIỆT: CƯ THUYẾT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#392

决定

jué dìng

quyết định

经过慎重的权衡与全家人的充分沟通，他毅然决定去北京大学深造。

Jīng guò shèn zhòng de quán héng yǔ quán jiā rén de chōng fèn gōu tōng, tā yì rán jué dìng qù Běi jīng Dà xué shēn zào.

Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng và trao đổi thấu đáo cùng cả gia đình, bạn ấy đã dứt khoát quyết định đến Đại học Bắc Kinh học nâng cao.

22 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#393

决赛

jué sài

trận chung kết, vòng chung kết

在世界机器人大赛青少年总决赛的赛场上，参赛选手沉着冷静地调试算法、精准操控机械臂完成高难度挑战。

Zài shì jiè jī qì rén dà sài qīng shào nián zǒng jué sài de sài chǎng shàng, cān sài xuǎn shǒu chén zhùo lěng jìng dì tiáo shì suàn fǎ, jīng zhǔn cāo kòng jī xié bì wán chéng gāo nán dù tiǎo zhàn.

Trên sân thi đấu trận chung kết Cuộc thi Robot Thế giới dành cho thanh thiếu niên, thí sinh đã điềm tĩnh hiệu chỉnh thuật toán, điều khiển cánh tay robot chuẩn xác để hoàn thành thử thách độ khó cao.

26 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT TÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#394

决心

jué xīn

quyết tâm, lòng quyết tâm

无论前进道路上面临多么复杂的外部环境与风险挑战，我们坚定不移推进高质量发展的决心坚如磐石。

Wú lùn qián jìn dào lù miàn lín duō me fù zá de wài bù huán jīng yǔ fēng xiǎn tiǎo zhàn, wǒ men jiān dìng bù yí tuī jìn gāo zhì liàng fā zhǎn de jué xīn jiān rú pán shí.

Bất luận chặng đường phía trước đối mặt với môi trường bên ngoài phức tạp và muôn vàn thách thức rủi ro đến đâu, quyết tâm kiên định đẩy mạnh phát triển chất lượng cao của chúng ta vẫn vững chắc như bàn thạch.

23 nét

HÁN VIỆT: QUYẾT TÂM

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#395

绝对

jué duì

tuyệt đối, hoàn toàn

在涉及国家核心数据与公民个人隐私安全的高标准防护中，必须做到全流程绝对保密与安全可控。

Zài shè jí guó jiā hé xīn shù jù yǔ gōng mín gē rén yīn sī ān quán de gāo biāo zhǔn fáng hù zhōng, bì xū zuò dào quán liú chéng jué duì bǎo mì yǔ ān quán kě kòng.

Trong công tác bảo vệ tiêu chuẩn cao liên quan đến dữ liệu cốt lõi quốc gia và an toàn thông tin riêng tư cá nhân của công dân, nhất thiết phải thực hiện bảo mật tuyệt đối và an toàn tự chủ trong toàn bộ quy trình.

24 nét

HÁN VIỆT: TUYỆT ĐỐI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#396

咖啡

kā fēi

cà phê

你想喝咖啡吗?

Nǐ xiǎng hē kā fēi ma?

Bạn muốn uống cà phê không?

22 nét

HÁN VIỆT: CÀ PHÊ



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#397

开发

kāi fā

khai phát, phát triển, lập trình (phần mềm)

研发团队成功开发出了具有完全自主知识产权的新一代全栈式分布式数据库系统。

Yán fā tuán duì chéng gōng kāi fā chū le jù yǒu wán quán zì zhǔ quán quán de xīn yí dài quán zhàn shì fēn bù shì shù jù kù xì tǒng.

Đội ngũ nghiên cứu phát triển đã phát triển lập trình thành công hệ thống cơ sở dữ liệu phân tán toàn diện thể hệ mới sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn.

20 nét

HÁN VIỆT: KHAI PHÁT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#398

开放

kāi fàng

mở cửa, rộng mở, phóng khoáng; nở (hoa)

中国始终坚定不移推进高水平对外开放, 与世界各国共享超大规模市场的发展红利。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí tuī jìn gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, yǔ shì jiè gè guó gòng xiāng chāo dà guī mó shì chǎng de fā zhǎn hóng lì.

Trung Quốc luôn kiên định không ngừng đẩy mạnh mở cửa đối ngoại ở trình độ cao, cùng các quốc gia trên thế giới chia sẻ những thành quả phát triển từ thị trường siêu quy mô.

22 nét

HÁN VIỆT: KHAI PHÓNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#399

开始

kāi shǐ

bắt đầu

我们八点开始上课。

Wǒ men bā diǎn kāi shǐ shàng kè.

Chúng ta 8 giờ bắt đầu vào học.

24 nét

HÁN VIỆT: KHAI THỦY

HSK 3 (3.0)

Động từ

#400

开业

kāi yè

khai trương, mở cửa kinh doanh

国家级青年科技创新孵化器今天隆重举行开业仪式, 首批三十家高新技术创业团队入驻孵化。

Guó jiā qīng nián kē jì chuàng xīn fù huà qì jīn tiān lóng zhòng jǔ xíng kāi yè yí shì, shǒu pī sān shí jiā gāo xīn jì shù chuàng yè tuán duì rù zhù fù huà.

Vườn ươm đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ thanh niên cấp quốc gia hôm nay đã long trọng tổ chức nghi thức khai trương mở cửa, 30 đội tuyển khởi nghiệp công nghệ cao mới đầu tiên đã chính thức vào cấm bản ươm tạo.

20 nét

HÁN VIỆT: KHAI NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#401

开展

kāi zhǎn

triển khai, phát động, tiến hành

国家卫生健康委组织全国多学科医疗专家团队, 深入偏远乡村全面开展健康义诊与巡回医疗帮扶行动。

Guó jiā wèi shēng jiàn kāng wěi zǔ zhī quán guó duō xué kē yī liáo zhuān jiā tuán duì, shēn rù piān yuǎn xiāng cūn quán miàn kāi zhǎn jiàn kāng yī zhēn yǔ xún huí yī liáo bāng fú xíng dòng.

Ủy ban Y tế Sức khỏe Quốc gia đã tổ chức đoàn chuyên gia y tế đa ngành trên cả nước, đi sâu vào các thôn bản xa xôi hẻo lánh để triển khai toàn diện chiến dịch khám chữa bệnh tình nguyện và chỉ viện y tế lưu động.

23 nét

HÁN VIỆT: KHAI TRIỂN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#402

看起来

kàn qǐ lái

xem ra, nhìn có vẻ, trông có vẻ

这道前沿数学猜想推导步骤看起来十分繁复, 但只要理顺了底层逻辑框架就能找到突破口。

Zhè dào qián yán shù xué cǎi xiǎng tuī dǎo bù zhòu kàn qǐ lái shí fēn fán fù, dàn zhǐ yào lǐ shùn le dī céng luó jī kuāng jià jiù néng zhǎo dào tū pò kǒu.

Các bước suy diễn phỏng đoán toán học tiên phong này xem ra nhìn có vẻ vô cùng phức tạp rối rắm, nhưng chỉ cần làm sáng tỏ khung logic tầng đáy là sẽ có thể tìm ra được điểm đột phá.

34 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH KHỞI LAI

HSK 3 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#403

看上去

kàn shàng qù

trông có vẻ, nhìn bề ngoài

这件由大国工匠纯手工打磨的精密航空发动机叶片表面光滑如镜, 看上去犹如一件精美绝伦的艺术品。

Zhè jiàn yóu dà guó gōng jiàng chún shǒu gōng dǎ mó de jīng mì háng kōng fā dòng jī yè piàn biǎo miàn guāng huá rú jìng, kàn shàng qù yóu rú yì jiàn jīng měi jué lún de yì shù pǐn.

Bề mặt cánh tuabin động cơ hàng không chính xác được nghệ nhân bậc thầy nước lớn mài giũa hoàn toàn thủ công này nhìn bóng như gương, nhìn bề ngoài trông có vẻ tựa như một tác phẩm nghệ thuật tinh xảo tuyệt mỹ.

29 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH THƯỜNG KHỨ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#404

考验

kǎo yàn

thử thách, tôi luyện; cuộc thử thách

深海载人潜水器在马里亚纳海沟经受了万米级超高压与极寒漆黑恶劣环境的严峻极限考验。

Shēn hǎi zài rén qián shuǐ qì zài mǎ lì yà nà hǎi gōu jīng shòu zhù le wàn mǐ jí chāo gāo shuǐ yā yǔ jí hán qī hēi è liè huán jīng de yán jùn jí xiàn kǎo yàn.

Tàu lặn có người lái ở biển sâu tại rãnh Mariana đã vượt qua thử thách cực hạn gay gắt của môi trường tâm tối lạnh giá khắc nghiệt cùng áp lực nước siêu cao ở độ sâu vạn mét.

20 nét

HÁN VIỆT: KHẢO NGHIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#405

科技

kējì

khoa học công nghệ, khoa kỹ

科技是第一生产力、人才是第一资源、创新是第一动力; 我们要加快建设世界科技强国。

Kējì shì dì yī shēng chǎn lì, rén cái shì dì yī zī yuán, chuàng xīn shì dì yī dòng lì; wǒ men yào jiā kuài jiàn shè shì jiè kējì qiáng guó.

Khoa học công nghệ là lực lượng sản xuất số một, nhân tài là tài nguyên hàng đầu, đổi mới sáng tạo là động lực thứ nhất; chúng ta phải đẩy nhanh xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

18 nét

HÁN VIỆT: KHOA KỸ



HSK 3 (3.0)

Tính từ

#406

可靠

kě kào

đáng tin cậy, an toàn, chuẩn xác

在大规模分布式金融系统中，必须确保底层数据库具备极高的数据一致性与安全可靠

性。

Zài dà guī mó fēn bù shì jīn róng xì tǒng zhōng, bì xū què bǎo dī céng shù jù kù jù bèi jì gāo de shù jù yí zhì xìng yǔ ān quán kě kào xìng.

Trong hệ thống tài chính phân tán quy mô lớn, nhất thiết phải bảo đảm cơ sở dữ liệu tầng dưới sở hữu tính nhất quán dữ liệu và độ an toàn tin cậy cực cao.

20 nét

HÁN VIỆT: KHẢ KHẢO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#407

可乐

kě lè

nước ngọt có ga cola; đáng cười thú vị

在炎热的夏日户外运动结束后，喝一杯冰镇无糖柠檬可乐让人感到格外清凉畅快。

Zài yán rè de xià rì hù wài yùn dòng jié shù hòu, hē yì bēi bīng zhèn wú táng níng méng kě lè ràng rén gān dào gé wài qīng liáng chàng kuài.

Sau khi kết thúc các hoạt động thể thao ngoài trời vào ngày hè oi bức, uống một ly nước ngọt có ga cola chanh ướp lạnh không đường khiến con người cảm thấy vô cùng sảng khoái và mát lạnh.

20 nét

HÁN VIỆT: KHẢ LẠC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#408

克服

kè fú

khắc phục, vượt qua (khó khăn, nhược điểm)

科考队员们顽强克服了极寒缺氧、暴风雪肆虐等极端高原环境考验，圆满完成了科学考察任务。

Kē kǎo duì yuán men wán qiáng kè fú le jí hán quē yǎng, bào fēng xuě sù nù děng jí duǎn gāo yuán huán jīng kǎo yàn, yuǎn mǎn wán chéng le kē xué kǎo chá rèn wu.

Các thành viên đoàn khảo sát đã ngoan cường vượt qua những thử thách khắc nghiệt của môi trường cao nguyên như giá rét thiếu oxy, bão tuyết hoành hành để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khảo sát khoa học.

21 nét

HÁN VIỆT: KHẮC PHỤC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#409

客观

kè guān

khách quan

在撰写学术论文与评估实验数据时，研究者必须保持严谨求实、不带任何主观偏见的客观态度。

Zài zhuàn xiě xué shù lùn wén yǔ píng gū shí yán shù jù shí, yán jiū zhè bì xū bǎo chí yán jīn qí shí, bù dài rèn hé zhǔ guān piān jiàn de kè guān tài dù.

Khi viết luận văn học thuật và đánh giá số liệu thực nghiệm, người nghiên cứu nhất thiết phải giữ thái độ khách quan cầu thị cần trọng, không mang theo bất kỳ định kiến chủ quan nào.

17 nét

HÁN VIỆT: KHÁCH QUAN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#410

课程

kè chéng

khóa học, môn học, chương trình học

这门由院士领衔讲授的跨学科前沿课程理论体系深厚，深受广大青年研究生的热烈欢迎。

Zhè mén yóu yuàn shǐ lǐng xián jiǎng shòu de kuà xué kè qián yán kè chéng lǐ lùn tǐ xì shēn hòu, shēn shòu guāng dà qīng nián yán jiū shēng de rè liè huān yíng.

Môn học mũi nhọn liên ngành do đích thân vị viện sĩ lão thành chủ trì giảng dạy này có hệ thống lý luận uyên thâm, được đông đảo học viên cao học nhiệt liệt đón nhận.

23 nét

HÁN VIỆT: KHOÁ TRÌNH

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#411

空

kōng

trống rỗng

在面对复杂的挑战时，保持空的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí kōng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái trống rỗng đặc biệt quan trọng.

9 nét

HÁN VIỆT: KHÔNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#412

空调

kōng tiáo

Điều hòa không khí

炎热盛夏，将室内中央空调温度设定在二十六度既舒适宜人又节能环保。

Yán rè shèng xià, jiāng shì nèi zhōng yāng kōng tiáo wēn dù shè dìng zài èr shí liù dù jì shū shì yì rén yòu jié néng huán bǎo.

Giữa trưa hè oi ả, cài đặt nhiệt độ điều hòa trung tâm ở mức 26 độ C vừa mát mẻ dễ chịu lại vừa tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

20 nét

HÁN VIỆT: KHÔNG ĐIỀU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#413

空儿

kòng er

thời gian rảnh, lúc rảnh rỗi; khoảng trống

等周末实验告一段落有了空儿，我们相约去国家科技馆参观最新落成的深空探索特展。

Děng zhōu mò shí yán gào yí duàn luò yǒu le kòng er, wǒ men xiāng yuē qù guó jiā kē jì guǎn cān guān zuì xīn luò chéng de shēn kōng tàn sù tè zhǎn.

Đợi đến cuối tuần khi thực nghiệm tạm xong một giai đoạn có thời gian rảnh lúc rảnh rỗi, chúng mình hãy hẹn nhau tới Nhà Triển lãm Khoa học Kỹ thuật Quốc gia tham quan triển lãm đặc biệt về thám trắc không gian sâu mới khánh thành nhé.

19 nét

HÁN VIỆT: KHÔNG NHÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#414

恐怕

kǒng pà

e rằng, sợ rằng

由于受大雾低能见度管制与雷暴天气持续影响，今晚的返程航班恐怕很难准点起飞。

Yóu yú shòu dà wù dī néng jiàn dù guǎn zhì yǔ léi bào tiān qì chí xù yǐng xiǎng, jīn wǎn de fǎn chéng háng bān kǒng pà hěn nán zhǔn diǎn qǐ fēi.

Do ảnh hưởng của sương mù hạn chế tầm nhìn và đồng bão kéo dài, chuyến bay chiều về tối nay e rằng khó có thể cất cánh đúng giờ.

24 nét

HÁN VIỆT: KHỦNG PHẠ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#415

裤子

kù zi

quần

这件经典剪裁的深蓝色商务休闲长裤穿在身上既合身挺拔又透气舒适。

Zhè jiàn jīngdiǎn jiǎncái de shēnlánsè shāngwù xiūxián chángkù chuān zài shēn shàng jì héshēn tǐngbá yòu tòuqì shùshì.

Chiếc quần dài công sở màu xanh lam đậm cắt may cổ điển này mặc vào người vừa vặn đứng phom lại rất thoáng khí và êm ái.

21 nét

HÁN VIỆT : KHỐ TỬ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#416

快速

kuàisù

nhanh chóng, tốc độ cao

我国高速铁路网络实现了全国各大主要城市群之间的快速互联互通，极大促进了区域协调发展。

Wǒ guó gāo sù tiě lù wǎng luò shí xiàn le quán guó gè dà zhǔ yào chéngqún zhī jiān de kuài sù hù lián hù tōng, jí dà cù jìn le qū yù xié tiáo fā zhǎn.

Mạng lưới đường sắt cao tốc nước ta đã thực hiện việc kết nối giao thông liên thông tốc độ cao nhanh chóng giữa các cụm đô thị lớn chủ yếu trên cả nước, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển hài hòa giữa các vùng miền.

27 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI TỐC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#417

困

kùn

buồn ngủ

在面对复杂的挑战时，保持困的心态尤为重

要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí kùn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp,

giữ tâm thái buồn ngủ đặc biệt quan trọng.

11 nét

HÁN VIỆT : KHỐN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#418

困难

kùn nan

khó khăn, gian khổ, trở ngại

无论前进的道路上面临多少严峻困难，我们都要坚定信念、勇往直前。

Wú lùn qián jìn de dào lù miàn lín duō shǎo yǎn jùn kùn nán, wǒ men dōu yào jiǎn dīng xīn niàn, yǒng wǎng zhí qián.

Bất kể chặng đường phía trước đối mặt với bao nhiêu khó khăn gian khổ, chúng ta đều phải kiên định niềm tin và dũng cảm tiến lên.

25 nét

HÁN VIỆT : KHỐN NAN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#419

浪费

làng fèi

lãng phí, phung phí

粮食来之不易，我们要时刻牢记“一粥一饭当思来之不易”，杜绝舌尖上的铺张浪费。

Liáng shí lái zhī bù yì, wǒ men yào shí kè牢 jì "yí zhōu yí fàn dāng sī lái zhī bù yì", dù jué shé jiǎn shàng de pū zhāng làng fèi.

Hạt gạo làm ra chẳng dễ dàng, chúng ta hãy luôn ghi nhớ bài học quý trọng hạt ngọc trời, kiên quyết bài trừ thói quen phung phí lãng phí thức ăn.

24 nét

HÁN VIỆT : LÃNG PHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#420

老百姓

lǎo bǎi xìng

bà con, người dân thường, bách tính

党和政府始终把老百姓的安危冷暖放在首位，千方百计解决好群众的急难愁盼民生问题。

Dǎng hé zhèng fǔ shǐ zhōng bǎ lǎo bǎi xìng de ān wēi lěng nuǎn fàng zài shǒu wèi, qiān fāng bǎi jì jiě jué hǎo qún zhòng de jí nǎn chóu pàn mǐn shēng wèn tí.

Đảng và Chính phủ luôn đặt sự an nguy và đời sống ấm no của bà con nhân dân lên hàng đầu, tìm mọi cách giải quyết thấu đáo những băn khoăn trăn trở cấp bách của quần chúng.

29 nét

HÁN VIỆT : LÃO BÁCH TÍNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#421

老板

lǎo bǎn

ông chủ, chủ doanh nghiệp

这位诚信经营数十年的老字号饭庄老板，始终坚持真材实料与童叟无欺的崇高商业信条。

Zhè wèi chéng xìn jīng yíng shù shí nián de lǎo zì hào fàn zhuāng lǎo bǎn, shǐ zhōng jiān chí zhēn cái shí liào yǔ tóng sǒu wú qī de chóng gāo shāng yè xìn tiào.

Vị chủ quán ăn gia truyền kinh doanh bằng chữ tín suốt hàng chục năm qua luôn kiên định tôn chỉ thương nghiệp cao đẹp: nguyên liệu thật, giá trị thật và không bao giờ lừa dối khách hàng.

18 nét

HÁN VIỆT : LÃO BẢN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#422

老太太

lǎo tài tai

bà cụ, bà lão, cụ bà

青年志愿者定期来到社区看望独居的老太太，为老人打扫房间并细心检查用电气安全。

Qīng nián zhì yuàn zhě men dīng qī lái dào shè qū kàn wàng dū jū de lǎo tài tai, wèi lǎo rén dǎ sǎo fáng jiān bìng xì xīn jiǎn chá yòng diàn qì ān quán.

Các tình nguyện viên trẻ định kỳ tới khu dân cư thăm hỏi cụ bà cụ sống neo đơn, dọn dẹp phòng ốc và cẩn thận kiểm tra an toàn điện nước gas cho cụ.

35 nét

HÁN VIỆT : LÃO THÁI THAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#423

老头儿

lǎo tóu er

ông cụ, ông lão, cụ ông

那位满头银发的功勋老科学家像个亲切的老头儿一样，在校园里微笑着和年轻学子们探讨前沿物理课题。

Nà wèi mǎn tóu yín fà de gōng xūn lǎo kē xué jiā xiàng gè qīn qiè de lǎo tóu er yí yàng, zài xiào yuán lǐ wēi xiào zhe hé níng qīng xué zǐ men tàn tào qián yán wù lǐ kè tí.

Vị nhà khoa học lão thành có công trạng lẫy lừng mái tóc bạc phơ đó tựa như một cụ ông ông cụ thân thiện, mỉm cười thảo luận các đề tài vật lý tiên phong cùng các bạn sinh viên trẻ trong khuôn viên trường.

30 nét

HÁN VIỆT : LÃO ĐẦU NHÂN



HSK 3 (3.0)

Động từ

#424

乐

lè

hạnh phúc

老师鼓励大家积极乐，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lè, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hạnh phúc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: LẠC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#425

乐队

yuèduì

ban nhạc, dàn nhạc

大学交响管弦乐队在新年音乐会上精湛演奏了多部中外传世交响名作，赢得了全场热烈掌声。

Dà xué jiāo xiǎng guǎn xián yuè duì zài xīn nián yīn yuè huì shàng jīng zhàn yǎn zòu le duō bù zhōng wài chuán shì jiāo xiǎng míng zuò, yíng dé le quán chǎng rè liè zhǎng shēng.

Dàn nhạc ban nhạc giao hưởng giao hưởng thính phòng trường đại học tại buổi hòa nhạc đón năm mới đã trình diễn điều luyện nhiều kiệt tác giao hưởng để đời trong và ngoài nước, nhận được những tràng pháo tay nhiệt liệt của toàn thể khán phòng.

17 nét

HÁN VIỆT: LẠC ĐỘI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#426

乐观

lè guān

lạc quan, yêu đời

无论身处何种逆境与人生低谷，始终保持乐观开朗的心态与坚韧不拔的毅力，是战胜一切艰难险阻的法宝。

Wú lùn shēn chù hé zhǒng nǐ jìng yǔ rén shēng dī gǔ, shǐ zhōng bǎo chí lè guān kāi lǎng de xīn tài yǔ jiān rèn bù bá de yì lì, shì zhàn shèng yī qiè jiān nán xiǎn zǔ de fǎ bǎo.

Bất luận rơi vào nghịch cảnh hay nốt trầm nào của cuộc đời, luôn giữ vững tâm thái lạc quan yêu đời và nghị lực kiên cường bất khuất là vũ khí thần kỳ để chiến thắng mọi gian nan thử thách.

16 nét

HÁN VIỆT: LẠC QUÁN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#427

类

lèi

loại, loài, thể loại; giống nhau

图书馆对馆藏的数百万册中外图书文献进行了科学严谨的学科分类与数字化标引上架。

Tú shū guǎn duì guǎn cáng de shù bǎi wàn cè zhōng wài tú shū wén xiàn jìn xíng le kē xué yán jǐn de xué kē fēn lèi yǔ shù zì huà biāo yǐn shàng jià.

Thư viện đã tiến hành phân loại chuyên ngành và gắn mã định danh số hóa khoa học chuẩn mực cho hàng triệu cuốn sách tài liệu trong và ngoài nước trong kho tàng.

11 nét

HÁN VIỆT: LOẠI

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#428

类似

lèi sì

tương tự, tương tự như thế, giống nhau

天文学家在距离地球数百光年的太阳系外行星系统中，成功发现了一颗具有类似地球宜居环境特征的岩石行星。

Tiān wén xué jiā zài jù lí dì qiú shù bǎi guāng nián de tài yáng xì wài xíng xīng xì tǒng zhōng, chéng gōng fā xiàn le yī kē jù yǒu lèi sì dì qiú yí jū huán jīng tè zhēng de yán shí xíng xīng.

Các nhà thiên văn học bên trong hệ hành tinh ngoài hệ Mặt Trời cách Trái Đất hàng trăm năm ánh sáng đã phát hiện thành công một hành tinh đất đá sở hữu các đặc trưng môi trường có thể sinh sống được tương tự như Trái Đất.

24 nét

HÁN VIỆT: LOẠI TỰ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#429

离婚

lí hūn

ly hôn, ly dị

现代民法典设立了协议离婚冷静期制度，旨在引导夫妻双方理性审慎地对待婚姻关系。

Xiàn dài mǐn fǎ diǎn shè lì le xié yì lí hūn lěng jìng qī zhì dù, zhǐ zài yǐn dǎo fū fù fāng liú xín shěn shèn dì duì dài hūn yīn guān xì.

Bộ luật Dân sự hiện đại đã thiết lập cơ chế thời gian suy nghĩ đối với ly hôn thuận tình nhằm hướng dẫn hai vợ chồng nhìn nhận thận trọng và lý tính về mối quan hệ hôn nhân.

24 nét

HÁN VIỆT: LY HÔN

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#430

里面

lǐ miàn

bên trong, phía trong

在这座全球领先的恒温超净实验室内，科学家们正在里面操作精密光刻设备加工纳米级芯片。

Zài zhè zuò quán qiú lǐng xiān de héng wēn chāo jìng shí yàn shì nèi, kē xué jiā men zhèng zài lǐ miàn cāo zuò jīng mì guāng kè shè bèi jiā gōng nà mǐ jī xīn piàn.

Bên trong phía trong phòng thí nghiệm siêu sạch nhiệt độ không đổi hàng đầu thế giới này, các nhà khoa học đang thao tác thiết bị quang khắc chính xác để gia công các con chip cấp độ nanomet.

18 nét

HÁN VIỆT: LÝ DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#431

理发

lǐ fà

cắt tóc, làm tóc

农历二月二民间素有“龙抬头”理发的传统习俗，寓意着辞旧迎新、鸿运当头。

Nóng lì èr yuè èr mǐn jiān sù yǒu "lóng tái tóu" lǐ fà de chuán tǒng xí sú, yù yì zhe cí jiù yíng xīn, hóng yùn dāng tóu.

Ngày mùng 2 tháng 2 Âm lịch trong dân gian có phong tục truyền thống cắt tóc 'Rồng ngẩng đầu', mang ý nghĩa xua đi vận cũ đón vận may khởi sắc.

19 nét

HÁN VIỆT: LÝ PHÁT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#432

理解

lǐ jiě

hiểu

老师鼓励大家积极理解，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lǐ jiě, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực hiểu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: LÝ GIẢI



HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#433

理论

lǐ lùn

lý luận, lý thuyết; tranh luận, phân
bua

伟大的实践孕育伟大的理论，科学的理论反
过来又为伟大的实践提供前瞻性的行动指
南。

Wěi dà de shí jiàn yù yù wěi dà de lǐ lùn, kē xué
de lǐ lùn fǎn guò lái yòu wéi dà de shí jiàn tí
gòng qián zhān xíng de xíng dòng zhǐ nán.

Thực tiễn vĩ đại dưỡng mầm nên lý luận vĩ đại,
và lý luận khoa học ngược lại sẽ cung cấp kim
chỉ nam hành động mang tầm nhìn đón đầu
cho thực tiễn vĩ đại.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: LÝ LUẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#434

理由

lǐ yóu

lý do, căn cứ, nguyên cớ

只要心中有坚定的理想信念与崇高的追求，
我们就没有任何理由在困难面前止步不前。

Zhǐ yào xīn zhōng yǒu jiān dìng de lǐ xiǎng xìn
niàn yǔ chóng gāo de zhūi qiú, wǒ men jiù méi
yǒu rèn hé lǐ yóu zài kùn nán miàn qián zhǐ bù
qián.

Chỉ cần trong tim có lý tưởng niềm tin kiên
định và khát vọng cao đẹp, chúng ta sẽ
không có bất kỳ lý do gì để chùn bước dừng
chân trước khó khăn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: LÝ DO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#435

力

lì

sức, sức lực, lực (vật lý), năng lực

十四亿中华儿女心往一处想、劲往一处使，
汇聚成了推进中国式现代化强国建设的磅礴
伟力。

Shí sì yì zhōng huá ér nǚ xīn wǎng yì chù xiǎng, jìn
wǎng yì chù shǐ, huì jù chéng le tuī jìn zhōng guó
shì xiàn dài huà qiáng guó jiàn shè de páng bó
wēi lì.

Một tỷ bốn trăm triệu người con đất nước
lòng cùng hướng về một nơi, sức lực sức
cùng dồn vào một chỗ, hội tụ thành nguồn
sức mạnh vĩ đại dời non lấp biển để thúc đẩy
xây dựng cường quốc hiện đại hóa đất nước.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: LỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#436

力量

lì liang

sức mạnh, năng lực, động lực

团结就是力量，万众一心、同舟共济是中华
民族战胜一切艰难险阻的磅礴精神伟力。

Tuán jié jiù shì lì liang, wàn zhòng yì xīn, tóng
zhōu gòng jì shì zhōng huá mín zú zhàn shèng yì
qiè jiǎn nán xiǎn zǔ de páng bó jīng shén wēi lì.

Đoàn kết là sức mạnh, triệu người như một
đồng tâm hiệp lực cùng chèo một con
thuyền là sức mạnh tinh thần to lớn giúp dân
tộc ta vượt qua mọi ghềnh thác gian nan.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: LỰC LƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#437

立刻

lì kè

liền, ngay tức thì, lập tức

接到紧急救援指令后，消防救援特勤中队指
战员立刻穿戴好重型防护装备火速奔赴火灾
现场。

Jiē dào jǐn jí jiù yuán zhǐ líng hòu, xiāo fáng jiù
yuán tè qín zhōng duì zhǐ zhàn yuán lì kè chuān
dài hǎo zhòng xíng fáng hù zhuāng bèi huǒ sù
bēn fù huǒ zǎi xiàn chǎng.

Nhận được lệnh cứu hộ khẩn cấp, các chiến
sĩ chỉ huy thuộc đội đặc nhiệm phòng cháy
chữa cháy lập tức mặc trang bị bảo hộ
chuyên dụng hỏa tốc lao về phía hiện trường
vụ cháy.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: LẬP KHẮC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#438

利用

lì yòng

tận dụng, khai thác sử dụng

现代生态循环农业充分利用农作物秸秆与畜
禽粪便制取生物天然气与有机肥料，实现了
变废为宝。

Xiàn dài shēng tài xūn huán nóng yè chōng fēn lì
yòng nóng zuò wù jiē gǎn yǔ chù qín fēn biàn zhì
qǔ shēng wù tiān rán qì yǔ yǒu jī fēi liào, shí xiàn
le biàn fèi wéi bǎo.

Nông nghiệp tuần hoàn sinh thái hiện đại tận
dụng triệt để rơm rạ cây trồng và chất thải
chăn nuôi để sản xuất khí sinh học thiên
nhiên cùng phân bón hữu cơ, biến chất thải
thành nguồn tài nguyên quý báu.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: LỢI DỤNG

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#439

连

lián

ngay cả, đến cả, liền

他最近全身心投入到毕业设计攻关中，忙得
废寝忘食，连中午吃饭的时间都顾不上了。

Tā zuì jìn quán shēn xīn tóu rù dào bì yè shè jì
gōng guān zhōng, máng dé fèi qín wǎng shí, lián
zhōng wǔ chī fàn de shí jiān dōu gù bù shàng le.

Dạo gần đây anh ấy dốc toàn bộ tâm trí cho
đồ án tốt nghiệp, bận rộn tới mức quên ăn
quên ngủ, đến ngay cả giờ ăn cơm trưa cũng
chẳng màng để ý.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: LIÊN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#440

连忙

lián máng

vội vàng, luống cuống, nhanh nhẩu

看到抱小孩的乘客上车，坐在前排的年轻小
伙子连忙微笑着主动起身让座。

Kàn dào bào xiǎo hái de chéng kè shàng chē,
zuò zài qián pái de nián qīng xiǎo huò zǐ lián
máng wēi xiào zhe zhǔ dòng qǐ shēn ràng zuò.

Nhìn thấy hành khách bế con nhỏ bước lên
xe, chàng thanh niên trẻ ngồi ở hàng ghế đầu
vội vàng mỉm cười chủ động đứng dậy
nhường chỗ.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: LIÊN MANG

HSK 3
(3.0)

Động từ / Tính từ / Phó
từ

#441

连续

lián xù

liên tục, liên tiếp không ngừng

我国粮食生产实现连续多年丰收，总产量连
续多年稳定在一万三千亿斤以上，筑牢了国
家安全基石。

Wǒ guó liáng shí shēng chǎn shí xiàn lián xù duō
nián fēng shōu, zǒng chǎn liàng lián xù duō nián
wěn dìng zài yì wàn sān qiān yì jīn yǐ shàng, zhù
láo le guó jiā ān quán jī shí.

Sản lượng sản xuất lương thực của nước ta
đã thực hiện được mùa liên tục liên tiếp
trong nhiều năm, tổng sản lượng nhiều năm
liên ổn định ở mức trên 1,3 nghìn tỷ cân, xây
đắp vững chắc nền móng an ninh quốc gia.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: LIÊN TỤC


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#442

连续剧

lián xù jù

phim truyền hình nhiều tập

这部深刻反映我国脱贫攻坚与乡村振兴壮阔历程的现实主义电视剧，赢得了海内外观众的一致赞誉。

Zhè bù shēn kè fǎn yǐng wǒ guó tuō pín gōng jiàn yǔ xiāng zhèn xīng zhuàng kuò lì chéng de xiàn shí zhǔ yì diàn shì jù, yíng dé le hǎi nèi wài guān zhòng de yí zhì zàn yǔ.

Bộ phim truyền hình nhiều tập mang tính hiện thực phản ánh sâu sắc chặng đường tráng lệ xóa đói giảm nghèo và chấn hưng nông thôn của nước ta đã nhận được sự khen ngợi nồng nhiệt của khán giả khắp nơi.

35 nét

HÁN VIỆT: LIÊN TỤC KỊCH

HSK 3 (3.0)

 Động từ / Tính từ /
Danh từ

#443

联合

lián hé

liên hiệp, liên kết, phối hợp

多所顶尖高校与科研院所建立联合实验室，共同开展深海深地前沿基础科学研究攻关。Duō suǒ dīng jiān gāo xiào yǔ kē yán yuán suǒ jiàn lì lián hé shí yàn shì, gòng tóng kāi zhǎn shēn hǎi shēn dì qián yán jī chǔ kē xué yán jiū gōng guān.

Nhiều trường đại học hàng đầu và viện nghiên cứu khoa học đã thành lập các phòng thí nghiệm liên kết, cùng nhau triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong về biển sâu và lòng đất sâu.

18 nét

HÁN VIỆT: LIÊN CẤP

HSK 3 (3.0)

Danh từ riêng

#444

联合国

Liánhéguó

Liên Hợp Quốc (LHQ)

中国坚定维护以联合国为核心的国际体系与以国际法为基础的国际秩序，积极参与全球治理体系变革。

Zhōng guó jiǎn dìng wéi hù yǐ lián hé guó wèi hé xīn de guó jì tǐ xì yǔ yǐ guó jì fǎ wéi jī chǔ de guó jì zhì xù, jī jí cān yǔ quán qiú zhì lǐ tǐ xì biàn gé.

Trung Quốc kiên định giữ gìn hệ thống quốc tế lấy Liên Hợp Quốc làm hạt nhân và trật tự quốc tế lấy luật pháp quốc tế làm cơ sở, tích cực tham gia cải cách hệ thống quản trị toàn cầu.

28 nét

HÁN VIỆT: LIÊN CẤP QUỐC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#445

联系

lián xì

liên hệ, liên lạc, mối liên hệ

虽然大学毕业后大家奔赴不同城市工作，但老班长依然定期组织线上聚会与大家保持紧密联系。

Suī rán dà xué bì yè hòu dà jiā bēn fù bù tóng chéng shì gōng zuò, dàn lǎo bān zhǎng yī rán dìng qī zǔ zhī xiàn shàng jù huì yǔ dà jiā bǎo chí jǐn mì lián xì.

Dẫu sau khi ra trường mỗi người một ngả về các thành phố khác nhau làm việc, nhưng lớp trưởng vẫn định kỳ tổ chức họp mặt trực tuyến để duy trì liên lạc gắn kết với mọi người.

22 nét

HÁN VIỆT: LIÊN HỆ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#446

凉水

liángshuǐ

nước lạnh, nước lã mát

剧烈体育运动大汗淋漓后切忌立即暴饮凉水或冲冷水澡，以免引起血管骤缩损害健康。

Jù liè tǐ yù yùn dòng dà hàn lín lí hòu qiè jì lì jí bào yǐn liáng shuǐ huò chōng lěng shuǐ zǎo, yǐ miǎn yīn qǐ xuè guǎn zhòu suō sǔn hài jiàn kāng.

Sau khi vận động thể thao kịch liệt mồ hôi đầm đìa tuyệt đối tránh uống ừng ực nước lạnh ngay lập tức hoặc tắm nước lạnh, để tránh gây co thắt mạch máu đột ngột làm tổn hại sức khỏe.

17 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG THUỶ

HSK 3 (3.0)

 Động từ / Danh từ /
Lượng từ

#447

领

lǐng

dẫn dắt, lĩnh nhận (lượng); cổ áo

战略科学家领衔重大前沿课题攻坚，带领跨学科拔尖青年团队取得了多项引领性重大原创成果。

Zhàn lüè kē xué jiǎ líng xián zhòng dà qián yán kè tí gōng jiān, dài lǐng kuà xué kē bā jiān qīng nián tuán duì qǔ dé le duō xiàng yǐn lǐng xìng zhòng dà yuán chuàng chéng guǒ.

Nhà khoa học chiến lược dẫn dắt lĩnh xướng vượt khó các đề tài tiên phong trọng đại, dẫn đầu đội ngũ thanh niên xuất chúng liên ngành đạt được nhiều thành quả nguyên tác trọng đại mang tính dẫn dắt.

8 nét

HÁN VIỆT: LÃNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#448

领导

lǐng dǎo

lãnh đạo, người đứng đầu; dẫn dắt

卓越的领导团队不仅要具备前瞻性的战略眼光，更要具备凝聚团队、关爱下属的人格魅力。

Zhuó yuè de lǐng dǎo tuán duì bù jǐn yào jù bèi qián zhān xíng de zhàn lüè yǎn guāng, gèng yào jù bèi níng jù tuán duì, guān ài xià shǔ de rén gé mèi lì.

Một đội ngũ lãnh đạo xuất sắc không chỉ cần sở hữu tầm nhìn chiến lược đón đầu thời đại, mà hơn thế nữa còn cần có sức hút nhân cách lan tỏa để kết nối tập thể và chăm lo cho cấp dưới.

16 nét

HÁN VIỆT: LÃNH ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#449

领先

lǐng xiān

dẫn đầu, đi đầu, vị trí dẫn đầu tiên phong

我国在特高压输电、高铁成套装备制造与光伏新能源全产业链等核心技术领域保持着世界领先地位。

Wǒ guó zài tè gāo yǎ shū diàn, gāo tiě chéng tào zhuāng bèi zhì zào yǔ guāng fú xīn néng yuán quán chǎn yè lián dēng hé xīn jì shù lǐng xiān.

Nước ta duy trì vị thế dẫn đầu thế giới trong các lĩnh vực công nghệ cốt lõi như truyền tải điện siêu cao áp, chế tạo trang thiết bị hoàn chỉnh đường sắt cao tốc cùng toàn bộ chuỗi ngành năng lượng mới quang điện.

20 nét

HÁN VIỆT: LÃNH TIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#450

另外

lìng wài

ngoài ra, hơn nữa, khác

除了提交中英文双语求职简历外，另外还需要附上两封权威教授亲笔签署的学术推荐信。

Chú le tí jiāo zhōng yīng wén shuāng yǔ qiú zhí jiàn lì wài, lìng wài hái xū fù shàng liáng fēng quán wēi jiào shòu qīn bǐ qiān shǔ de xué shù tuī jiàn xìn.

Ngoài việc nộp sơ yếu lý lịch song ngữ Trung - Anh, ngoài ra bạn còn cần đính kèm thêm 2 bức thư giới thiệu học thuật có chữ ký trực tiếp của các giáo sư uy tín.

18 nét

HÁN VIỆT: LÃNH NGOẠI


HSK 3 (3.0)

Liên từ / Cụm từ

#451

另一方面

lìng yí fāngmiàn

mặt khác, phương diện khác

我们一方面要加快关键核心技术自主研发，另一方面要积极拓展高水平国际科技开放合作。

Wǒ men yí fāng miàn yào jiā kuài guān jiàn hé xīn jì shù zì zhǔ yán fā, lìng yí fāng miàn yào jī jí tuò zhǎn gāo shuǐ píng guó jì kē jì kāi fàng hé zuò.

Một mặt chúng ta phải đẩy nhanh tự chủ nghiên cứu phát triển công nghệ lõi then chốt, mặt khác phương diện khác phải tích cực mở rộng hợp tác mở cửa khoa học công nghệ quốc tế trình độ cao.



35 nét

HÁN VIỆT

LÁNH NHẤT PHƯƠNG DIỆN
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#452

留学

liú xué

du học

在海外顶尖名校留学深造的几年间，他不仅拓宽了学术视野，更锻炼了独立思考与自主生活的能力。

Zài hǎi wài dīng jiān míng xiào liú xué shēn zào de jǐ nián jiān, tā bù jǐn tuò kuān le xué shù shì yě, gèng duàn liàn le dú lì sī kǎo yǔ zì zhǔ shēng huó de néng lì.

Trong những năm tháng du học tại ngôi trường đại học danh tiếng hàng đầu nước ngoài, anh ấy không chỉ mở rộng tầm nhìn học thuật mà còn tôi luyện năng lực tư duy độc lập và khả năng tự lập trong cuộc sống.



24 nét

HÁN VIỆT

LƯU HỌC
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#453

龙

lóng

con rồng (thần thú); rồng rực rỡ

中华民族是龙的传人，我们要大力弘扬自强不息、奋勇拼搏、勇往直前的龙马精神。

Zhōng huá mín zú shì lóng de chuán rén, wǒ men yào dà lì hóng yáng zì qiáng bù xī, fèn yǒng pīn bó, yǒng wǎng zhí qián de lóng mǎ jīng shén.

Dân tộc Trung Hoa là con rồng cháu tiên (hậu duệ của rồng), chúng ta cần ra sức hoằng dương tinh thần rồng ngựa (long mã) tự cường bất khuất, dũng cảm tiến lên phía trước và ngoan cường nỗ lực.



13 nét

HÁN VIỆT

LONG
HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#454

录

lù

ghi chép, ghi âm; tuyển dụng tuyển chọn

在野外生物多样性科考过程中，科研人员细心用高清摄像机记录下珍稀野生动物的活动习性与珍贵影像。

Zài yě wài shēng wù duō yàng xìng kē kǎo guò chéng zhōng, kē yán rén yuán xī xīn yòng gāo qīng shè xiàng jī lù xià zhēn xī yǐ shēng dòng wù de huó dòng xí xíng yǔ zhēn guì yǐng xiàng.

Trong quá trình khảo sát thực địa đa dạng sinh học dã ngoại, các cán bộ nghiên cứu đã cẩn thận dùng máy quay độ nét cao ghi hình ghi lại tập tính hoạt động cùng những hình ảnh vô giá của động vật hoang dã quý hiếm.



11 nét

HÁN VIỆT

LỤC
HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#455

录音

lù yīn

ghi âm, thu âm; bản ghi âm

在口述历史采访现场，研究员使用专业高保真数字录音笔完整记录了老战士的珍贵战斗回忆。

Zài kǒu shù lì shǐ cǎi fāng xiàn chǎng, yán jiū yuán shǐ yòng zhuān yè gāo bǎo zhēn shù zì lù yīn bǐ wán zhěng jì lù le lǎo zhàn shì de zhēn guì zhàn dòu huí yì.

Tại hiện trường phỏng vấn lịch sử truyền miệng, nghiên cứu viên đã dùng bút ghi âm kỹ thuật số độ trung thực cao chuyên dụng để ghi lại trọn vẹn những kỷ ức chiến đấu quý báu của người cựu chiến binh.



19 nét

HÁN VIỆT

LỤC ÂM
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#456

路线

lù xiàn

tuyến đường, lộ trình, đường lối

我国探月工程严格按照“绕、落、回”三步走既定技术路线稳扎稳打，圆满完成了全部既定战略目标。

Wǒ guó tàn yuè gōng chéng yán gé àn zhào "rào, luò, huí" sān bù zǒu jì dìng jì jìng jì shù lù xiàn wěn zhā wěn dǎ, yuán mǎn wán chéng le quán bù jì dìng zhàn lüè mù biāo.

Công trình thám hiểm Mặt Trăng của nước ta thực hiện từng bước vững chắc nghiêm ngặt theo đúng đường lối lộ trình kỹ thuật đã định 'Bay quanh, Đáp xuống, Trở về', hoàn thành mỹ mãn toàn bộ các mục tiêu chiến lược đề ra.



23 nét

HÁN VIỆT

LỘ TUYẾN
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#457

旅馆

lǚ guǎn

khách sạn, nhà nghỉ, lữ quán

古镇景区内的特色生态民宿旅馆推行绿色低碳运营，为八方游客提供了舒适温馨的古韵住宿体验。

Gǔ zhèn jǐng qū nèi de tè sè shēng tài mìn sù lǚ guǎn tuī xíng lǜ sè dī tàn yùn yíng, wéi bā fāng yóu kè tí gōng le shū shì wēn xīn de gǔ yùn zhù sù tǐ yàn.

Các nhà nghỉ khách sạn homestay sinh thái đặc sắc bên trong khu danh thắng cổ trấn triển khai vận hành xanh ít phát thải carbon, mang lại trải nghiệm lưu trú ấm cúng thoải mái đậm phong vị cổ xưa cho du khách bốn phương.



26 nét

HÁN VIỆT

LỮ QUÁN
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#458

旅行社

lǚ xíng shè

công ty du lịch, hãng lữ hành

大型国际旅行社推出了多条融合世界文化遗产研学与非遗体验的沉浸式精品旅游线路。

Dà xíng guó jì lǚ xíng shè tuī chū le duō tiáo róng hé shì jiè wén huà yí chǎn xué yǔ yí fēi yí tí yàn de chén jìn shì jīng pǐn lǚ yóu xiàn lù.

Công ty du lịch hãng lữ hành quốc tế quy mô lớn đã cho ra mắt nhiều tuyến du lịch chất lượng cao chìm đắm kết hợp giữa trải nghiệm di sản phi vật thể và nghiên cứu học tập Di sản Văn hóa Thế giới.



34 nét

HÁN VIỆT

LỮ HÀNG XÃ
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#459

绿茶

lǜ chá

trà xanh, chè xanh

清明前夕采摘的明前龙井绿茶汤色翠绿清澈、滋味鲜爽回甘，是中华传统茶文化中的传世佳品。

Qīng míng qián xī cǎi zhāi de míng qián lóng jīng lǜ chá tāng sè cuì lǜ qīng chè, zī wèi xiān shuāng huí gān, shì zhōng huá chuán tǒng chá wén huà zhōng de chuán shì jiā pǐn.

Trà xanh chè xanh Long Tỉnh thu hái trước tiết Thanh Minh có sắc nước trong xanh biếc, hương vị tươi mát ngọt hậu, là sản vật hảo hạng để đời trong văn hóa trà truyền thống Trung Hoa.



23 nét

HÁN VIỆT

LỤC TRÀ


**HSK 3
(3.0)**

Tính từ / Động từ / Phó từ #460

乱

luàn

 hỗn loạn, lộn xộn; làm rối; bừa bãi
tùy tiện

在面临复杂严峻的突发公共危机挑战时，我们必须沉着冷静，决不能自乱阵脚、忙中出错。

Zài miàn lín fù zá yán jùn de tū fā gōng gòng wēi jī tiǎo zhàn shí, wǒ men bì xū chén zhùo lěng jìng, jué bù néng zì luàn zhèn jiǎo, máng zhōng chū cuò.

Khi đứng trước những thử thách khủng hoảng công cộng đột xuất hiểm nghèo phức tạp, chúng ta bắt buộc phải điềm tĩnh bình tĩnh, tuyệt đối không được tự làm rối loạn đội hình, vội vàng bừa bãi sinh sai lầm.

13 nét

 HÁN VIỆT : **LOẠN**
HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ #461

落后

luò hòu

lạc hậu, tụt hậu, lùi lại phía sau

在科技日新月异的大变革时代，唯有坚持自主创新、争分夺秒，才不会在国际竞争格局中落后于人。

Zài kē jì rì xīn yuè yì de dà biàn gé shí dài, wéi yǒu jiān chí zì zhǔ chuàng xīn, zhēng fēn duó miǎo, cái bú huì zài guó jì jìng zhēng gé jú zhōng hòu yú rén.

Trong thời đại chuyển mình mạnh mẽ khoa học công nghệ đổi thay từng ngày, chỉ có kiên trì đổi mới tự chủ, tranh thủ từng phút từng giây mới không bị tụt lại phía sau trong cục diện cạnh tranh quốc tế.

17 nét

 HÁN VIỆT : **LẠC HẬU**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #462

麻烦

má fan

phiền phức, làm phiền, phiền toái

不好意思麻烦您在百忙之中抽出宝贵时间帮我审阅并润色一下这篇学术论文的英文摘要。

Bù hǎo yì sī má fan nín zài bǎi máng zhī zhōng chōu chū bǎo guì shí jiān bāng wǒ shēn yuè bìng rùn sè yí xià zhè piān xué shù lùn wén de yīng wén zhāi yào.

Thật phiền thầy/cô quá, mong thầy/cô bớt chút thời gian quý báu trong lúc bận rộn xem qua và chỉnh sửa giúp em bản tóm tắt tiếng Anh của bài báo khoa học này ạ.

22 nét

 HÁN VIỆT : **MA PHIÊN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #463

马

mǎ

con ngựa

辽阔广袤的呼伦贝尔大草原上，成群结队的骏马在蓝天下自由奔腾。

Liáokuò guǎngmào de Hūlúnbèi'ěr dà cǎoyuán shàng, chéngqún jiéduì de jùnmǎ zài lántiān xià zì yóu bēnténg.

Trên thảo nguyên Hulunbuir bao la rộng lớn, từng đàn tuần mã dũng mãnh phi nước đại tự do dưới vòm trời xanh.

11 nét

 HÁN VIỆT : **MÃ**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ #464

满足

mǎn zú

thỏa mãn, đáp ứng; hài lòng

建设覆盖全民的普惠型公共文化服务体系，能够极大满足人民群众日益增长的精神文化需求。

Jiàn shè fù gài quán mín de pǔ huì xíng gōng gòng wén huà fú wù tǐ xì, néng gòu jí dà mǎn zú rén mín qún zhòng rì yì zēng zhǎng de jīng shén wén huà xū qiú.

Việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng bao trùm toàn dân có thể đáp ứng trọn vẹn nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng tăng của quần chúng nhân dân.

17 nét

 HÁN VIỆT : **MÃN TÚ**
HSK 3 (3.0)

Phó từ #465

慢慢

màn màn

từ từ, chậm chậm, dần dần

只要坚持每天踏踏实实背诵十个生词并造句，汉语水平就会在潜移默化中慢慢提高。

Zhǐ yào jiān chí měi tiān tà tà bèi sòng shí gè shēng cí bìng zào jù, hàn yǔ píng jù huì zài yǐn yuán mò mò zhōng mǎn mǎn tí gāo.

Chỉ cần kiên trì mỗi ngày học thuộc mười từ mới và đặt câu một cách chắc chắn vững vàng, trình độ tiếng Hán sẽ dần dần từ từ tiến bộ trong mưa dầm thấm lâu.

22 nét

 HÁN VIỆT : **MẠN MẠN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #466

毛病

máo bìng

tật xấu, khuyết điểm; hỏng hóc, trục trặc

在日常学习与工程实践中，我们要坚决克服粗心大意、马虎敷衍的不良毛病。

Zài rì cháng xué xí yǔ gōng chéng shí jiàn zhōng, wǒ men yào jiān jué kè fú cǔ xīn dà yì, mǎ hǔ fū yǎn de bù liáng máo bìng.

Trong học tập thường nhật và thực hành kỹ thuật công trình, chúng ta cần kiên quyết khắc phục những tật xấu như bất cẩn cầu thả hay làm qua loa cho xong chuyện.

19 nét

 HÁN VIỆT : **MAO BỆNH**
HSK 3 (3.0)

Tính từ #467

没用

méiyòng

vô dụng, không có tác dụng, vô ích

面对复杂严峻的科技攻关挑战，一味抱怨和逃避是完全没用的，唯有迎难而上才能彻底破解困局。

Miàn duì fù zá yán jùn de kē jì gōng guān tiǎo zhàn, yí wèi bào yuàn hé táo bì shì wán quán méi yòng de, wéi yǒu yíng nán ér shàng cái néng chè di pò jiě kùn jú.

Đứng trước thử thách hiểm nghèo phức tạp của việc vượt khó khoa học công nghệ, việc chỉ biết phàn nàn và trốn tránh là hoàn toàn vô dụng vô ích, chỉ có đón đầu khó khăn mới có thể phá vỡ bế tắc triệt để.

25 nét

 HÁN VIỆT : **MỘT DỤNG**
HSK 3 (3.0)

Danh từ #468

媒体

méi tǐ

truyền thông, cơ quan thông tấn báo chí

主流新闻媒体积极创新国际传播话语体系与全媒体传播形态，生动讲好中国科技自立自强与和平发展的时代故事。

Zhǔ liú xīn wén méi tǐ jī jī chuàng xīn guó jì chuán bō huà yǔ tǐ xì yǔ quán méi tǐ chuán bō xíng tài, shēng dòng jiǎng hǎo zhōng guó kē jì zì lì zì qiáng yǔ hé píng fā zhǎn de shí dài gù shì.

Các cơ quan thông tấn báo chí truyền thông đồng chính tích cực đổi mới hệ thống diễn ngôn truyền thông quốc tế cùng các hình thái truyền thông đa phương tiện toàn diện, kể thật sinh động những câu chuyện thời đại về tự chủ tự cường khoa học công nghệ và phát triển hòa bình của Trung Quốc.

18 nét

 HÁN VIỆT : **MÔI THỂ**



HSK 3 (3.0)

Đại từ

#469

每
měi

mỗi

我每天都学汉语。

Wǒ měi tiān dōu xué Hànyǔ.

Mỗi ngày tôi đều học tiếng Trung.

13 nét

HÁN VIỆT: MỖI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#470

美
měi

sắc đẹp

老师鼓励大家积极美，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí měi, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực sắc đẹp, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: MỸ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#471

美好
měi hǎo

đẹp

在面对复杂的挑战时，保持美好的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí měi hǎo de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đẹp đặc biệt quan trọng.

27 nét

HÁN VIỆT: MỸ HẢO

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#472

美丽
měi lì

xinh đẹp, tươi đẹp

金秋时节的九寨沟碧水澄澈、层林尽染，倒映着蓝天白云，宛如人间仙境般美丽动人。

Jīn qiū shí jié de Jiǔ zhài gǒu bì shuǐ chéng chè, céng lín jìn rǎn, dào yǐng zhe lán tiān bái yún, wǎn rú rén jiān xiān jìng bān měi lì dòng rén.

Cửu Trại Câu vào độ thu sang làn nước trong veo biếc xanh, rừng cây rực rỡ sắc màu soi bóng mây trời, đẹp mê hồn tựa chốn bồng lai tiên cảnh trần gian.

24 nét

HÁN VIỆT: MỸ LỖY

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#473

美食
měi shí

món ăn ngon, mỹ vị ẩm thực

在国际美食文化节上，汇聚了中国八大菜系的经典非遗特色美食，吸引了无数中外食客大饱口福。

Zài guó jì měi shí wén huà jié shàng, huì jù le zhōng guó bā dà cài xì de jīng diǎn fēi yí tè sè měi shí, xī yīn lǎo wú shù zhōng wài shí kè dà bǎo kǒu fú.

Tại Lễ hội Văn hóa Ẩm thực Món ăn ngon Quốc tế đã hội tụ các món ăn ngon đặc sản di sản phi vật thể kinh điển của tám trường phái ẩm thực lớn Trung Hoa, thu hút vô số thực khách trong và ngoài nước thỏa sức thưởng thức.

27 nét

HÁN VIỆT: MỸ THỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#474

美术
měi shù

mỹ thuật, hội họa

中国传统书画艺术博大精深，在世界古典美术史册中占据着不可替代的崇高地位。

Zhōng guó chuán tǒng shū huà yì shù bó dà jīng shēn, zài shì jiè gǔ diǎn měi shù shǐ cè zhōng zhàn jù zhe bù kě tì dài de chóng gāo dì wèi.

Nghệ thuật thư pháp và hội họa truyền thống Trung Hoa vô cùng uyên thâm sâu rộng, chiếm giữ một vị thế cao quý không thể thay thế trong biên niên sử mỹ thuật cổ điển thế giới.

26 nét

HÁN VIỆT: MỸ THUẬT

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#475

美元
měi yuán

đồng Đô la Mỹ, USD

我国高附加值高端装备与新能源汽车出口贸易额突破千亿美元大关，国际竞争力持续攀升。

Wǒ guó gāo fù jiā zhí gāo duān zhuāng bèi yǔ xīn néng yuán qì chē chū kǒu mào yì é tú pō qiān yì měi yuán dà guān, guó jì jīng zhēng lì chí xù pān shēng.

Kim ngạch thương mại xuất khẩu xe ô tô năng lượng mới và trang thiết bị cao cấp giá trị gia tăng cao của nước ta đã vượt mốc 100 tỷ đồng Đô la Mỹ USD, sức cạnh tranh quốc tế liên tục tăng trưởng mạnh.

HSK 3 (3.0)

Động từ

#476

迷
mí

bị ám ảnh

老师鼓励大家积极迷，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí mí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bị ám ảnh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HOÀN THÀNH
TẬP 1 (476
TỪ)!☐ Đã
đọc
thuộc
lòng
100%
phiên
âm
PinyinĐã
nhớ
trọn
vẹn
âm
âm
Hán
Viết
để
hiểu
gốc
từ☐ Đã
quét
mã
QR
nghe
giọng
đọc
chuẩn
BắcĐã
làm
bài
tập
ôn
tập
ngắt
quãng
SRS

Sẵn sàng mở tiếp Tập 2! 🚀

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thế hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 - 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7-9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

